



Chịu trách nhiệm xuất bản
TS. LƯƠNG TRỌNG THÀNH
 Tỉnh ủy viên, Hiệu trưởng

ThS. HOÀNG VĂN TỬ
 Giám đốc NXB Thanh Hóa
Chịu trách nhiệm nội dung
NGUYỄN HỮU NGÔN

Tổng biên tập kiêm PGĐ
 NXB Thanh Hóa
Ban Biên soạn

Trưởng ban
ThS. TRẦN THỊ NGỌC DIỆP
 Phó Hiệu trưởng
Các ủy viên

TS. THỊNH VĂN KHOA
TS. LÊ VĂN PHONG
ThS. DƯƠNG THỊ BẢO ANH
ThS. NGUYỄN NGỌC THẮNG

ThS. LÊ ĐÌNH TỬ
Trình bày
LÊ HỮU CƯỜNG
Biên tập: **BÙI THỊ NGỌC DIỆP**
Sửa bản in
BAN BIÊN SOẠN

NGHIÊN CỨU LÝ LUẬN

Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ, phát huy giá trị truyền thống, quyết tâm xây dựng Nhà trường đạt chuẩn kiểu mẫu vào năm 2025 5

Lương Trọng Thành

Huyện Nga Sơn tập trung lãnh đạo làm tốt công tác chuẩn bị và tổ chức Đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội Đại biểu Đảng bộ Huyện lần thứ XXIII, nhiệm kỳ 2020-2025 10

Mai Văn Hải

Kết quả đạt được và những kinh nghiệm sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Huyện Hoàng Hóa, nhiệm kỳ 2015 - 2020 14

Lê Xuân Thu

Vai trò của đầu tư theo hình thức đối tác công - tư (PPP) đối với việc thực hiện khâu đột phá về phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở Thanh Hóa hiện nay 18

Trần Thị Ngọc Diệp

Tìm hiểu quan điểm của V.I.Lênin về công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn và việc vận dụng ở nước ta 23

Dương Thị Bảo Anh

Chủ nghĩa nhân văn trong di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh - Ý nghĩa trong xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay 28

Tạ Văn Hưng

Tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa đức và tài của người cán bộ và một số yêu cầu đặt ra trong công tác bồi dưỡng cán bộ ở Trường Chính trị Tỉnh Thanh Hóa 32

Trịnh Thị Phụng

THỰC TIỄN VÀ KINH NGHIỆM

Trao đổi về một số vấn đề trong soạn bài giảng 36

Thịnh Văn Khoa

Xây dựng văn hoá công sở tại cơ quan Ủy ban Nhân dân cấp xã ở Thanh Hóa góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước hiện nay 39

Bùi Thị Thu

Trao đổi về công tác quản lý đảng viên của cấp ủy cơ sở, chi bộ, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đảng viên ở Thanh Hoá hiện nay 43

Lê Mỹ Dung

Ý nghĩa của chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) đối với cải cách hành chính ở Tỉnh Thanh Hóa trong giai đoạn hiện nay 47

Đỗ Phương Anh

In 2.500 cuốn, kích thước 19x27 cm, tại Công ty TNHH in và thiết bị trường học Thanh Hóa.

Địa chỉ: thôn Gia Lộc - Quảng Thịnh - TP. Thanh Hóa - Thanh Hóa

Số xác nhận ĐKXB: 144 - 2020/ CXBIPH / 04 - 03/ThaH, ngày 10 tháng 01 năm 2020.

QĐ xuất bản số: 165/QĐ - NXB ThaH, ngày 14 tháng 5 năm 2020. In xong và nộp lưu chiểu năm 2020

HỘP THƯ

Trong thời gian qua, Ban Biên soạn Tập san “Nghiên cứu lý luận và thực tiễn” Trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa đã nhận được nhiều bài viết của các đồng chí cán bộ lãnh đạo; các ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh; các huyện, thị, thành phố và các đơn vị cơ sở.

Ban Biên soạn trân trọng cảm ơn và mong tiếp tục nhận được sự quan tâm cộng tác, sự góp ý của các đồng chí và bạn đọc để Tập san “Nghiên cứu lý luận và thực tiễn” ngày càng phong phú và hấp dẫn.

Tập san “Nghiên cứu lý luận và thực tiễn” tiếp tục phát hành vào tháng 8/2020. Vì vậy, mọi tin, bài, hình ảnh của các đồng chí và các bạn xin gửi theo địa chỉ hộp thư email:

nghiencuulyluanthuctien@gmail.com trước ngày 01/7/2020.



MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP THEO HƯỚNG BỀN VỮNG Ở TỈNH THANH HÓA HIỆN NAY 51

Nguyễn Thị Lan Hương

PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA ĐỘI NGŨ GIÁNG VIÊN TRONG ĐỔI MỚI VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG - TỰ THỰC TIỄN TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH THANH HÓA 55

Lê Ái Bình

MỘT VÀI SUY NGHĨ VỀ THỰC HIỆN PHƯƠNG CHÂM GẮN LÝ LUẬN VỚI THỰC TIỄN TRONG GIÁNG DẠY MÔN LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM THÔNG QUA ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP GIÁNG DẠY 59

Lê Hải Yến

KHOÍ DẠY TIỀM NĂNG DU LỊCH GẮN VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ, VĂN HÓA VÀ XÃ HỘI HUYỆN THỌ XUÂN 62

Lê Đình Tư

10 NĂM XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI Ở HUYỆN NHƯ THANH KẾT QUẢ VÀ KINH NGHIỆM 66

**Trịnh Hoàng Minh
Lê Thị Huyền**

GÓP PHẦN TÌM HIỂU MỘT SỐ QUY ĐỊNH MỚI TRONG LUẬT TỔ CHỨC CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG SỬA ĐỔI NĂM 2019 71

**Phạm Thị Hoài Thu
Lê Thị Lan Anh**

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG BAN HÀNH VĂN BẢN HÀNH CHÍNH CỦA UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA 75

**Đỗ Thị Tuyết
Lê Minh Nguyệt**

HUYỆN TỈNH GIA THỰC HIỆN HIỆU QUẢ ỨNG DỤNG, PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ 78

Phạm Bá Thịnh

PHÁT HUY VAI TRÒ LÃNH ĐẠO CỦA CẤP ỦY ĐẢNG ĐỐI VỚI CÔNG TÁC DÂN VẬN Ở THÔN, KHU PHỐ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐÔNG SƠN, TỈNH THANH HÓA HIỆN NAY 82

Nguyễn Thị Duyên

XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN VĂN HÓA CÔNG SỞ Ở PHƯỜNG TÂN SƠN THÀNH PHỐ THANH HÓA 86

Nguyễn Thị Hiệp

NUÔI CÁ RÔ PHI ĐƠN TÍNH Ở XÃ ÁI THƯỢNG, HUYỆN BÁ THƯỚC: HIỆU QUẢ TỪ MỘT MÔ HÌNH 89

**Vương Mạnh Toàn
Lê Thị Nga**

TRANG TIN HOẠT ĐỘNG CỦA NHÀ TRƯỜNG 93

Ban Biên soạn



CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH NÓI VỀ TÁC PHONG LÃNH ĐẠO CỦA CÁN BỘ

Để hoàn thành nhiệm vụ thì tư tưởng và tác phong của cán bộ phải chuyển mạnh. Chúng ta phải kiên quyết chấp hành đúng đắn chính sách của Đảng và Chính phủ, phải hết lòng hết sức phục vụ Nhân dân.

Hồ Chí Minh toàn tập, NXB CTQG, H.2002, tập 10, tr. 275-276.

Tác phong phải dân chủ, dựa vào lực lượng quần chúng, học hỏi sáng kiến của quần chúng, để lãnh đạo quần chúng.

Sđd, tập 7, tr.86.

Trước hết chúng ta cần phải sửa chữa

khuyết điểm trong tư tưởng và tác phong lãnh đạo. Phải khắc phục hiện tượng thiếu tập thể, thiếu dân chủ, khắc phục tác phong quan liêu mệnh lệnh, phải nghe ngóng ý kiến của cán bộ và nhân dân. Phải quan tâm đến lợi ích của nhân dân, trước hết là của nhân dân lao động: công nhân và nông dân; phải chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

Sđd, tập 8, tr.274-275.

Các đồng chí cần phải lãnh đạo cụ thể hơn nữa. Phải đi sâu, đi sát hơn nữa, đối với mọi việc phải có biện pháp cụ thể hơn nữa. Phải tuyệt đối tránh tư tưởng chủ quan thỏa mãn, tránh tác phong quan liêu mệnh lệnh, phải khắc phục lề lối làm việc luộm thuộm. Phải hết sức chú trọng bồi dưỡng cán bộ cũ và dìu dắt những cán bộ trẻ tiến lên.

Sđd, tập 10, tr.486.

Cán bộ lãnh đạo phải luôn luôn gương mẫu về mọi mặt, phải nêu gương sáng về đạo đức cách mạng: cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, phải giữ gìn tác phong gian khổ phấn đấu, phải không ngừng nâng cao chí khí cách mạng...

Sđd, tập 11, tr. 186.

Cán bộ lãnh đạo cần phải chống bệnh quan liêu, chống cách lãnh đạo chung chung. Cần phải đi sâu đi sát, điều tra nghiên cứu. Cần phải khuyến khích, thu góp, bổ sung và phổ biến rộng rãi những sáng kiến hay, những kinh nghiệm tốt của quần chúng.

Sđd, tập 10, tr.307.

Phải nêu cao tác phong độc lập suy nghĩ và tự do tư tưởng. Đọc tài liệu thì phải đào sâu hiểu kỹ, không tin một cách mù quáng từng câu một trong sách, có vấn đề chưa thông suốt thì mạnh dạn đề ra và thảo luận cho vỡ lẽ. Đối với bất kỳ vấn đề gì đều phải đặt câu hỏi “vì sao?”, đều phải suy nghĩ kỹ càng xem nó có hợp với thực tế không, có thật là đúng lý không, tuyệt đối không nên nhắm mắt tuân theo sách vở một cách xuôi chiều.

Sđd tập 8, tr.500.



XÃ LUẬN:

Chúng ta đang sống trong không khí những ngày tháng 5 giàu cảm xúc gắn với những sự kiện quan trọng: Đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội XIII của Đảng; kỷ niệm 130 năm Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại.

Trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa – chiếc nôi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho tỉnh nhà luôn nêu cao tinh thần học tập và rèn luyện theo tấm gương, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, không ngừng đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới. Theo đó, công tác đào tạo, bồi dưỡng được mở rộng về quy mô, nâng cao về chất lượng, hướng vào sự thiết thực, hiệu quả. Các thế hệ cán bộ được đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện tại Trường đều có trình độ lý luận, bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ trong từng giai đoạn cách mạng.

Với ý thức, trách nhiệm cao trước Đảng bộ và Nhân dân trong tỉnh, bằng trí tuệ và niềm say mê sáng tạo, luôn kiên định và cầu thị, nêu gương sáng về tinh thần phụng sự tất cả vì sự nghiệp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, các thế hệ giảng viên, học viên của Trường Chính trị tỉnh đã chung sức, đồng lòng, xây dựng Trường phát triển toàn diện, đưa Trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa vào tốp đầu trong hệ thống các trường chính trị của cả nước.

Mỗi độ tháng 5 về, kỷ niệm ngày sinh nhật Bác, là dịp để Nhà trường báo công dâng lên Bác những đóa hoa tươi thắm - thành quả quan trọng trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Năm nay, thành quả quan trọng, đó là những bài học kinh nghiệm quý báu được đúc kết từ thực tiễn xây dựng và phát triển: Bài học về chủ động xây dựng chương trình, đổi mới phương pháp dạy - học, gắn kết đào tạo với sử dụng cán bộ. Bài học về coi trọng công tác nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn với việc nâng cao chất lượng giảng dạy, chất lượng đội ngũ và vị thế Nhà trường. Bài học về chăm lo xây dựng cơ sở vật chất, xây dựng môi trường giáo dục kỷ cương, thân thiện, giàu tính Đảng...

Học tập và làm theo Bác, cán bộ, giảng viên và học viên Trường Chính trị tỉnh càng phải “thấp lưà” truyền thống, say mê sáng tạo, thi đua hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, xây dựng Trường trở thành trung tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý kiểu mẫu. Đặc biệt, tổ chức thành công Đại hội Đảng bộ Nhà trường (nhiệm kỳ 2020 – 2025); có ý kiến góp ý quan trọng vào Dự thảo Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa khóa XIX và Đại hội XIII của Đảng./.

Ban Biên soạn

TIẾP TỤC NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO VÀ SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA ĐẢNG BỘ, PHÁT HUY GIÁ TRỊ TRUYỀN THỐNG, QUYẾT TÂM XÂY DỰNG NHÀ TRƯỜNG ĐẠT CHUẨN KIỂU MẪU VÀO NĂM 2025

TS. Lương Trọng Thành*

Bám sát vào định hướng tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh và các quan điểm của Đảng ta về công tác cán bộ và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đặc biệt từ yêu cầu thực tiễn của sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của trường chính trị cấp tỉnh, nhiệm kỳ qua, Đảng bộ Trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa đã phát huy những thuận lợi, khắc phục khó khăn, tập trung lãnh đạo thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu được Đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ 2015-2020 đề ra. Theo đó, Đảng bộ đã kịp thời đề ra nhiều chủ trương, biện pháp lãnh đạo toàn diện các hoạt động của Nhà trường và đã đạt được những kết quả rõ rệt:

(1) Đã tham mưu xây dựng được thể chế đồng bộ nhất về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Nhà trường đã chủ động phối hợp tham mưu, đề xuất với Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh ban hành các chủ trương, quy định, kết luận, các đề án, cơ chế chính sách về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Qua đó, thể hiện sự quan tâm sâu sắc, toàn diện của Đảng bộ, chính quyền tỉnh Thanh Hóa đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của tỉnh nhà.

(2) Công tác đào tạo, bồi dưỡng tiếp tục được đổi mới đồng bộ và toàn diện, tạo đột phá ở một số khâu. Phương thức mở lớp được đa dạng hóa, vừa đáp ứng được nhu cầu chuẩn hóa,

vừa nâng cao trình độ, năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức của các địa phương, đơn vị. Cải tiến nội dung chương trình đào tạo, bồi dưỡng theo phương châm “rõ hơn về lý luận, sát với đối tượng, phù hợp với thực tiễn”. Trong những năm qua, Trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa liên

Việc thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI), Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) được triển khai thực hiện nghiêm túc, qua đó đã tạo sự chuyển biến trong cán bộ, đảng viên về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Công tác lãnh đạo các đoàn thể chính trị - xã hội luôn được Đảng bộ quan tâm, từ đó đã phát huy vai trò của các đoàn thể trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, tham gia xây dựng Đảng, xây dựng Nhà trường vững mạnh.

tục là trường có quy mô đào tạo, bồi dưỡng lớn nhất trong hệ thống các trường chính trị, chất lượng có nhiều chuyển biến tích cực.

(3) Công tác nghiên cứu khoa học, nghiên cứu thực tế, tổng kết thực tiễn phát triển toàn diện, mục tiêu nghiên cứu nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và cung cấp cơ sở lý luận cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo ở địa phương. Với phương châm “Xã hội hóa nghiên cứu tìm hiểu, ưu tiên nguồn lực cho nghiên cứu

(*) Bí thư Đảng ủy, Hiệu trưởng

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH THANH HÓA

phát hiện, khuyến khích nghiên cứu tư vấn” và “sâu địa bàn, sát lĩnh vực, phát hiện kịp thời, đề xuất được giải pháp”, các hoạt động nghiên cứu khoa học được phát triển toàn diện, đa dạng hóa các loại hình. Đặc biệt, từ kết quả nghiên cứu của các hội thảo, các đề tài khoa học, các vấn đề tổng kết thực tiễn, luận án... đã biên tập và phát hành trên 30 cuốn sách chuyên khảo, tham khảo phục vụ nghiên cứu, dạy - học và công tác lãnh đạo, quản lý.

(4) Công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên được quan tâm đồng bộ, chất lượng không ngừng được nâng lên đáp ứng yêu cầu đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Với phương châm *“định hướng tốt, cơ chế tốt, môi trường tốt”*, Nhà trường đã phê duyệt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, giảng viên giai đoạn 2017 - 2020 và đến 2025, ưu tiên nguồn lực, ban hành cơ chế hỗ trợ đặc biệt khích lệ cán bộ, giảng viên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Kết quả có 100% cán bộ, giảng viên được cập nhật kiến thức mới, nghị quyết mới; trên 90% cán bộ quản lý, giảng viên có thành tích được tham gia các khóa bồi dưỡng, học tập kinh nghiệm ở các trường trong hệ thống, các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước. Hiện tại, Nhà trường có 04 tiến sỹ; 03 nghiên cứu sinh; 48 thạc sỹ; 05 giảng viên đang học cao học; 65 cán bộ, giảng viên có trình độ cử nhân, cao cấp LLCT và tương đương; 16 cán bộ, viên chức có trình độ trung cấp LLCT. Là trường có số lượng tiến sỹ và nghiên cứu sinh nhiều nhất trong hệ thống các trường chính trị cấp tỉnh hiện nay.

(5) Công tác xây dựng cơ quan văn hóa; xây dựng môi trường giáo dục kỷ cương, thân thiện, kiểu mẫu được coi trọng và đạt kết quả tốt đẹp. Phát huy dân chủ trong việc bổ sung, hoàn thiện và ban hành đồng bộ các quy chế nội bộ làm cơ sở cho việc quản lý, điều hành và thực hiện mọi hoạt động của Nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, dân chủ, đúng pháp

luật; đảm bảo về chế độ, trách nhiệm và quyền lợi của cán bộ, giảng viên, học viên; đảm bảo kỷ cương, nề nếp, xây dựng môi trường giáo dục giàu tính Đảng.

Công tác xây dựng Đảng được tăng cường cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức; các nguyên tắc trong tổ chức và sinh hoạt Đảng được thực hiện nghiêm, tính tiên phong của đội ngũ đảng viên và vai trò tiên phong của tổ chức Đảng được phát huy. Có sự phối kết hợp giữa công tác Đảng và quản lý của chuyên môn. Việc thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về *“Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”* gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI), Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) được triển khai thực hiện nghiêm túc, qua đó đã tạo sự chuyển biến trong cán bộ, đảng viên về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Công tác lãnh đạo các đoàn thể chính trị - xã hội luôn được Đảng bộ quan tâm, từ đó đã phát huy vai trò của các đoàn thể trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, tham gia xây dựng Đảng, xây dựng Nhà trường vững mạnh.

Đạt được những thành tích nổi bật nêu trên là nhờ sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, động viên kịp thời của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Ban Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Ban Thường vụ Đảng ủy Khối Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh; sự phối hợp của các sở, ban, ngành, đoàn thể và các huyện, thị trong tỉnh; sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng bộ; sự nỗ lực, dám nghĩ, dám làm, dám đổi mới của tập thể cán bộ, đảng viên, viên chức Nhà trường.

Từ thực tiễn hoạt động của Đảng bộ Nhà trường trong nhiệm kỳ qua, Đảng bộ tổng kết một số kinh nghiệm trong đổi mới và phát triển Nhà trường:

Một là, Làm tốt vai trò hạt nhân lãnh đạo của Đảng bộ nhằm giữ vững định hướng trong quá trình đổi mới và phát triển Nhà trường.

Hai là, Bám sát định hướng của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, của Tỉnh ủy, chủ động tham mưu để hoàn thiện thể chế, phát huy được nguồn lực, tập trung chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

Ba là, Phát huy vai trò của người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, đơn vị; vai trò là chủ, làm chủ của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý trong quản trị Nhà trường và của đội ngũ giảng viên, viên chức và người lao động trong giảng dạy, nghiên cứu, tham mưu, phục vụ.

Bốn là, Quan tâm xây dựng môi trường văn hóa, giàu tính Đảng: xây dựng, hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định nội bộ; kiện toàn tổ chức bộ máy tinh gọn, trang thiết bị theo hướng hiện đại hóa; xây dựng và thực hiện 5 giá trị chuẩn mực học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh “*kiên định, kỷ cương, đoàn kết, nêu gương, sáng tạo*”, xây dựng tác phong, hình ảnh của cán bộ, đảng viên, viên chức và học viên Trường Đảng.

Bước sang nhiệm kỳ mới, để tiếp tục lãnh đạo xây dựng, phát triển Trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa trở thành trung tâm chất lượng cao về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý và nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn, phấn đấu là một trong những trường đạt chuẩn đầu tiên trong hệ thống các trường chính trị của cả nước, Đảng bộ Nhà trường xác định phương hướng nhiệm kỳ 2020 - 2025 là: Với phương châm “*Đoàn kết, kỷ cương, nêu gương, sáng tạo, phát triển*”, tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ; phát huy giá trị truyền thống của Nhà trường; đổi mới và nâng cao chất lượng phong trào thi đua 5 tốt “*Nghiên cứu tốt, tham mưu tốt, quản trị tốt, dạy - học tốt, tư vấn tốt*”; tiếp tục xử lý hài

hòa 5 mối quan hệ: (1) *Đổi mới, ổn định và phát triển*; (2) *Quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng cán bộ*; (3) *Giữa quy mô và chất lượng đào tạo, bồi dưỡng*; (4) *Giữa đào tạo - bồi dưỡng với nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn*; (5) *Giữa đổi mới Nhà trường với sự phát triển của tỉnh, các địa phương, đơn vị*

Đảng bộ đã thống nhất đề ra 04 nhóm chỉ tiêu phấn đấu trong nhiệm kỳ 2020-2025, trong đó những chỉ tiêu cơ bản là: hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng cả số lượng và chất lượng; duy trì quy mô từ 70 đến 100 lớp, với 10.000 học viên/năm; trong nhiệm kỳ, triển khai nghiên cứu ít nhất 05 đề tài khoa học cấp tỉnh, chủ biên 15 đầu sách chuyên khảo, tham khảo và các tài liệu bồi dưỡng; phấn đấu cuối nhiệm kỳ có 90% cán bộ, giảng viên có trình độ thạc sỹ, có từ 06-09 cán bộ, giảng viên có trình độ tiến sỹ; phấn đấu xây dựng 50% các khoa, phòng kiểu mẫu, cán bộ, viên chức kiểu mẫu, xây dựng Nhà trường kiểu mẫu.

trong tỉnh và các trường trong hệ thống; hiện thực hóa mô hình Nhà trường 5 nhất, 4 trụ cột, 5 định hướng đổi mới¹; hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị; xây dựng Đảng bộ, các đoàn thể trong sạch, vững mạnh, xây dựng nhà trường đạt chuẩn kiểu mẫu vào năm 2025.

Đảng bộ đã thống nhất đề ra 04 nhóm chỉ tiêu phấn đấu trong nhiệm kỳ 2020-2025, trong đó những chỉ tiêu cơ bản là: hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng cả số lượng và chất lượng; duy trì quy mô từ 70 đến 100 lớp, với 10.000 học viên/năm; trong nhiệm kỳ, triển khai nghiên cứu ít nhất 05 đề tài khoa học cấp tỉnh, chủ biên 15 đầu sách chuyên khảo, tham khảo và các tài liệu bồi dưỡng; phấn đấu cuối nhiệm kỳ có 90% cán bộ, giảng viên có

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH THANH HÓA

trình độ thạc sỹ, có từ 06-09 cán bộ, giảng viên có trình độ tiến sỹ; phấn đấu xây dựng 50% các khoa, phòng kiểu mẫu, cán bộ, viên chức kiểu mẫu, xây dựng Nhà trường kiểu mẫu; xây dựng 100% các tổ chức quần chúng vững mạnh; giữ vững danh hiệu Đảng bộ trong sạch, vững mạnh trong suốt nhiệm kỳ.

Bám sát định hướng của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, của Tỉnh ủy Thanh Hóa và từ thực tiễn của Nhà trường, đề tập trung phát huy nguồn lực, nâng cao hình ảnh vị thế của Nhà trường, đồng hành cùng sự nghiệp đổi mới của hệ thống trường Đảng cả nước, Đảng bộ Trường Chính trị tỉnh xác định nhiệm kỳ 2020-2025 thực hiện 03 chương trình trọng tâm: (1) *Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của cấp ủy và chi bộ*; (2) *Nâng cao chất lượng phong trào thi đua 5 tốt “Nghiên cứu tốt, tham mưu tốt, quản trị tốt, dạy - học tốt, tư vấn tốt”*; (3) *Nâng cao hiệu quả công tác quản lý, đánh giá, phân loại cán bộ, giảng viên và học viên*; xác định 02 khâu đột phá: (1) *Xây dựng tác phong, hình ảnh của cán bộ, giảng viên, học viên trường Đảng*; (2) *Ứng dụng có hiệu quả công nghệ thông tin vào công tác quản trị Nhà trường*.

Để hiện thực hóa phương hướng, mục tiêu, chỉ tiêu đề ra, Đảng bộ đề ra các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu sau:

** Lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị*

- Lãnh đạo, chỉ đạo tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; đảm bảo cân đối về quy mô đào tạo tập trung và tại chức; đa dạng hóa các loại hình bồi dưỡng; tiếp tục đổi mới và thực hiện đồng bộ các khâu trong công tác quản lý đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng toàn diện cho học viên cả về nhận thức lý luận chính trị, kỹ năng lãnh đạo, quản lý, coi trọng việc giáo dục nâng cao bản lĩnh chính trị, lập trường tư tưởng, đạo đức cách mạng, tác phong chuẩn mực, phương pháp làm việc khoa học cho đội ngũ học viên.

Tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị về nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; phối hợp với các ban, sở, ngành tham mưu xây dựng các đề án về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức giai đoạn 2020-2025 và những năm tiếp theo trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện.

Đảng bộ Trường Chính trị tỉnh xác định nhiệm kỳ 2020-2025 thực hiện 03 chương trình trọng tâm: (1) Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của cấp ủy và chi bộ; (2) Nâng cao chất lượng phong trào thi đua 5 tốt “Nghiên cứu tốt, tham mưu tốt, quản trị tốt, dạy - học tốt, tư vấn tốt”; (3) Nâng cao hiệu quả công tác quản lý, đánh giá, phân loại cán bộ, giảng viên và học viên; xác định 02 khâu đột phá: (1) Xây dựng tác phong, hình ảnh của cán bộ, giảng viên, học viên trường Đảng; (2) Ứng dụng có hiệu quả công nghệ thông tin vào công tác quản trị Nhà trường.

- Lãnh đạo, chỉ đạo tiếp tục phát triển toàn diện và nâng cao chất lượng công tác nghiên cứu khoa học, nghiên cứu thực tế, tổng kết thực tiễn. Tiếp tục thực hiện đổi mới phương thức nghiên cứu khoa học theo phương châm *sâu địa bàn, sát lĩnh vực, phát hiện được vấn đề, đề xuất được giải pháp*. Tiếp tục chủ động đề xuất và thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ khoa học cấp bộ, cấp tỉnh, các chương trình, đề án, các nhiệm vụ tổng kết thực tiễn. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, tiếp tục biên soạn tài liệu, sách tham khảo, chuyên khảo với chất lượng tốt, bổ sung nguồn tài liệu tham khảo quan trọng cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn phục vụ công tác giảng dạy, học tập và công tác lãnh đạo, quản lý của cấp ủy, chính quyền các cấp ở Thanh Hóa.

* Công tác xây dựng Đảng

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác chính trị tư tưởng; kịp thời nghiên cứu, vận dụng các quan điểm của Đại hội lần thứ XIII của Đảng, Đại hội Đảng các cấp vào đào tạo bồi dưỡng và các hoạt động nghiên cứu khoa học.

- Chăm lo xây dựng, kiện toàn các chi bộ vững mạnh toàn diện nhằm đảm bảo vai trò hạt nhân lãnh đạo trong thực hiện nhiệm vụ chính trị ở các khoa, phòng. Đổi mới nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, nhất là sinh hoạt chi bộ theo chuyên đề, tiếp tục đổi mới phương thức và phong cách lãnh đạo của cấp ủy, chi bộ.

- Tăng cường lãnh đạo công tác cán bộ, từ quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, đề bạt, bổ nhiệm, luân chuyển... trên nguyên tắc phù hợp yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị nhà trường cả trước mắt và lâu dài. Tiếp tục tập trung lãnh đạo xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng; kiên trì xây dựng đội ngũ chuyên gia; rà soát, bổ sung, xây dựng và thực hiện tốt các quy chế, quy định về công tác cán bộ.

- Nâng cao chất lượng công tác quản lý đảng viên về mọi mặt; chăm lo công tác phát triển đảng viên mới; bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đảng cho cán bộ tham gia cấp ủy.

- Nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, giám sát của các chi ủy, chi bộ và Ủy ban kiểm tra Đảng uỷ và tự kiểm tra của đảng viên để kịp thời phát hiện, ngăn chặn sai phạm, giữ vững kỷ cương, kỷ luật trong Đảng.

- Tiếp tục lãnh đạo thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị gắn với thực hiện Nghị quyết TW4 (khóa XII); thực hiện 5 giá trị chuẩn mực học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh của cán bộ, viên chức Trường Chính trị: *kiên định, kỷ cương, đoàn kết, nêu gương, sáng tạo*.

* Lãnh đạo các đoàn thể chính trị - xã hội

Lãnh đạo, chỉ đạo kiện toàn các tổ chức đoàn thể cho phù hợp với thực tế nhà trường, xây dựng các đoàn thể quần chúng vững mạnh, phát huy vai trò của các đoàn thể trong thi đua thực hiện nhiệm vụ chính trị của Nhà trường.

Phát huy tinh thần đoàn kết, tranh thủ những thuận lợi và kinh nghiệm; khắc phục khó khăn, toàn Đảng bộ Trường Chính trị tỉnh quyết tâm đổi mới, sáng tạo, tập trung lãnh đạo phấn đấu thực hiện thắng lợi những mục tiêu, nhiệm vụ được Đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ 2020-2025 đề ra./

1 5 nhất: (1) có thể chế hoàn thiện nhất về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; (2) có quy mô đào tạo, bồi dưỡng lớn và chất lượng tốt nhất; (3) công tác nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn phát triển toàn diện nhất; (4) đội ngũ có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín nhất; (5) có môi trường giáo dục kỷ cương, thân thiện, giàu tính Đảng nhất. **4 trụ cột phát triển:** (1) nâng cao chất lượng là trung tâm; (2) đổi mới công tác quản lý là then chốt; (3) đổi mới phương pháp dạy - học, thi, kiểm tra, đánh giá là khâu đột phá; (4) xây dựng môi trường giáo dục kỷ cương, thân thiện, giàu tính Đảng là nhiệm vụ quan trọng thường xuyên; **5 định hướng đổi mới:** (1) chuyển mạnh nhận thức từ người thầy là trung tâm sang người thầy và học viên là trung tâm; (2) chuyển mạnh từ dạy - học kiến thức là chủ yếu sang dạy - học phát triển phẩm chất, năng lực; (3) chuyển mạnh từ dạy - học thụ động sang dạy - học chủ động theo phương châm dạy - học hiểu, dạy - học vận dụng, dạy - học xử trí theo nguyên tắc 3 tăng (chủ động, trao đổi, xử trí), 3 giảm (thụ động, đọc thoại, lý thuyết); (4) chuyển mạnh từ đánh giá điểm số sang đánh giá quá trình; (5) chuyển mạnh từ quản lý hành chính sang quản lý phục vụ và kiến tạo).

HUYỆN NGA SƠN TẬP TRUNG LÃNH ĐẠO LÀM TỐT CÔNG TÁC CHUẨN BỊ VÀ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐẢNG CÁC CẤP, TIẾN TỚI ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ HUYỆN LẦN THỨ XXIII, NHIỆM KỲ 2020-2025

TS. Mai Văn Hải*

Nga Sơn là huyện ven biển nằm ở phía đông bắc của tỉnh Thanh Hóa, toàn Đảng bộ huyện có 45 tổ chức cơ sở Đảng trực thuộc, gồm 35 đảng bộ và 10 chi bộ trực thuộc; có 365 chi bộ trực thuộc Đảng bộ cơ sở với hơn 8.400 đảng viên.

Ban Thường vụ Huyện ủy Nga Sơn xác định quá trình chuẩn bị và tổ chức đại hội Đảng các cấp là đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong toàn Đảng, toàn dân, là nhiệm vụ trọng tâm của năm 2020. Ngay sau khi tiếp thu Chỉ thị 35-CT/TW ngày 30/5/2019 của Bộ Chính trị “về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng” và Kế hoạch số 177-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy Nga Sơn đã ban hành Kế hoạch 209-KH/HU, ngày 28/11/2019 về việc tổ chức Đại hội Đảng bộ cơ sở tiến tới Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXIII, nhiệm kỳ 2020 - 2025; Quyết định thành lập các tiểu ban, tổ giúp việc đại hội như Tiểu ban Nội dung, Tiểu ban Tổ chức phục vụ Đại hội; Tiểu ban Nhân sự; Tổ công tác chỉ đạo Đại hội Đảng bộ, chi bộ cơ sở; Tổ giúp việc về công tác thẩm định tiêu chuẩn chính trị...ban hành Kế hoạch số 220-KH/HU,

ngày 14/2/2020 về tuyên truyền đại hội Đảng bộ các cấp, đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng... song song với việc triển khai quán triệt tổ chức Chỉ thị 35-CT/TW của Bộ Chính trị, Ban Thường vụ Huyện ủy đã phát động 3 phong trào thi đua lớn để chào mừng Đại hội Đảng các cấp, trong đó trọng tâm là phong trào thi đua “Phát triển nông nghiệp theo hướng

Đến ngày 17/3/2020, trong toàn Đảng bộ huyện đã hoàn thành đại hội ở 365 chi bộ trực thuộc Đảng bộ cơ sở, trong đó có 298 chi bộ trực thuộc Đảng bộ xã, thị trấn và 67 chi bộ trực thuộc Đảng bộ cơ quan, ngành.

công nghệ cao gắn với củng cố bền vững các tiêu chí nông thôn mới, xây dựng xã nông thôn mới nâng cao”..

Để làm tốt công tác chuẩn bị và tổ chức Đại hội cấp cơ sở, thì việc lãnh đạo tổ chức thành

công Đại hội các chi bộ trực thuộc là hết sức quan trọng, đòi hỏi các cấp ủy, tổ chức Đảng phải tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo một cách toàn diện và trực tiếp từ khâu chuẩn bị cho đến khi tiến hành tổ chức Đại hội. Đến ngày 17/3/2020, trong toàn Đảng bộ huyện đã hoàn thành Đại hội ở 365 chi bộ trực thuộc Đảng bộ cơ sở, trong đó có 298 chi bộ trực thuộc Đảng bộ xã, thị trấn và 67 chi bộ trực thuộc Đảng bộ cơ quan, ngành. Trong quá trình tổ chức Đại hội các chi bộ trực thuộc Đảng ủy cơ sở, nhất là các chi bộ trực thuộc Đảng ủy cơ sở xã, thị trấn đã quan tâm đến công tác nhân sự ở các chi ủy, kết

(*) Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch HĐND huyện Nga Sơn

hợp với thực hiện Nghị định số 34/2019/NĐ-CP của Chính phủ và Nghị quyết số 232/2019/NQ-HĐND của Hội đồng Nhân dân tỉnh Thanh Hóa đảm bảo bố trí không quá 3 người để đảm nhận các chức danh không chuyên trách và công việc ở thôn, tiểu khu. Tiếp tục thực hiện chủ trương nhất thể hóa chức danh Bí thư chi bộ kiêm trưởng thôn, tiểu khu ở những nơi có điều kiện. Nhìn chung đại hội ở các chi bộ trực thuộc Đảng ủy cơ sở đã diễn ra đúng kế hoạch, nội dung, đúng quy trình, đặc biệt công tác nhân sự được chuẩn bị kỹ lưỡng, cho nên Đại hội chi bộ nhìn chung đạt kết quả tốt đẹp.

Đối với công tác chuẩn bị đại hội cấp cơ sở, các tổ công tác chỉ đạo Đại hội Đảng ở cơ sở thường xuyên nắm bắt tình hình, chỉ đạo, hướng dẫn các tổ chức cơ sở đảng làm tốt công tác chuẩn bị và tổ chức đại hội. Ban Thường vụ Huyện ủy lựa chọn 3 đơn vị tổ chức Đại hội điểm đó là: Đảng bộ xã Nga Trường, Đảng bộ xã Nga Trung và Đảng bộ cơ quan khối Đoàn thể huyện, đến ngày 17/3/2020 cả 3 đơn vị Đại hội điểm đã tổ chức Đại hội thành công tốt đẹp. Sau đại hội điểm BTV Huyện ủy đã tổ chức hội nghị để rút kinh nghiệm chỉ đạo Đại hội cấp cơ sở trong toàn Đảng bộ huyện, đến ngày 13/5/2020 đã có 23/45 đảng bộ, chi bộ trực thuộc (Gồm 8 xã và 15 đảng bộ, chi bộ cơ quan ngành) tiến hành đại hội thành công tốt đẹp. Ban Thường vụ Huyện ủy đã tổ chức duyệt công tác chuẩn bị Đại hội cho tất cả các đảng bộ, chi bộ trực thuộc và dự kiến Đại hội cơ sở sẽ xong trước 31/5/2020. Nhìn chung, dự thảo báo cáo chính trị tại đại hội đánh giá khá toàn diện kết quả đạt được, những hạn chế yếu kém và nguyên nhân, kinh nghiệm; xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm và các khâu đột phá phù hợp với thực tế của địa phương, đơn vị. Nhân sự cấp ủy gắn với nhân sự lãnh đạo HĐND và UBND nhiệm kỳ 2021- 2026 được lựa chọn

đảm bảo yêu cầu, tiêu chuẩn, cơ cấu, tỷ lệ cán bộ nữ, trẻ. Ngoài ra các đơn vị cũng đã xây dựng nội quy, quy chế đại hội, thể lệ bầu cử, chương trình điều hành chi tiết và một số văn bản liên quan để phục vụ Đại hội.

Công tác chuẩn bị Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Nga Sơn lần thứ XXIII, nhiệm kỳ 2020-2025 được Ban Thường vụ Huyện ủy chỉ đạo chặt chẽ, cụ thể hóa việc thực hiện và triển khai tổ chức đại hội, giao nhiệm vụ cụ thể cho các phòng, ban, cơ quan, các tiểu ban và tổ giúp việc, trong quá trình chuẩn bị coi trọng tất cả các khâu, nhất là công tác chuẩn bị văn kiện và nhân sự đại hội.

Trong quá trình chỉ đạo, Ban Thường vụ Huyện ủy quan tâm đến công tác nắm bắt tình hình dư luận của cán bộ, đảng viên và Nhân dân, làm tốt công tác thẩm định tiêu chuẩn chính trị và chính trị hiện nay đối với cán bộ tham gia nguồn cấp ủy cũng như đại biểu tham dự đại hội Đảng bộ các cấp. Cùng với đó là làm tốt công tác tư tưởng, thực hiện tốt công tác chính sách giải quyết chế độ cho cán bộ đủ tuổi tái cử cấp ủy, nhưng không đủ tuổi tái cử HĐND và UBND dân có nguyện vọng nghỉ hưởng chế độ; các đồng chí không đủ tuổi tái cử cấp ủy, những đồng chí đủ tuổi tái cử nhưng không đủ các điều kiện tiêu chuẩn theo quy định tạo sự đồng thuận thống nhất cao trong nhận thức và hành động.

Công tác chuẩn bị Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Nga Sơn lần thứ XXIII, nhiệm kỳ 2020-2025 được Ban Thường vụ Huyện ủy chỉ đạo chặt chẽ, cụ thể hóa việc thực hiện và triển khai tổ chức đại hội, giao nhiệm vụ cụ thể cho các phòng, ban, cơ quan, các tiểu ban và tổ giúp việc, trong quá trình chuẩn bị coi trọng tất cả

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH THANH HÓA

các khâu, nhất là công tác chuẩn bị văn kiện và nhân sự đại hội. Dự thảo báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đánh giá đúng, trung thực, khách quan, toàn diện tình hình và kết quả thực hiện Nghị quyết đại hội nhiệm kỳ 2015 - 2020, nhất là các nhiệm vụ trọng tâm, nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; chỉ rõ ưu điểm, khuyết điểm, nguyên nhân, nhất là nguyên nhân chủ quan và rút ra những bài học kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện. Đồng thời, xác định phương

hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nhiệm kỳ tới phải sát với tình hình thực tế, có tính khả thi. Báo cáo kiểm điểm của cấp ủy mang tính chiến đấu, nêu cao tinh thần tự phê bình và phê bình với thái độ nghiêm túc, thẳng thắn, xây dựng; đánh giá đúng, khách quan, trung thực công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện trong nhiệm kỳ. Đến nay, đã tiến hành thảo luận lần 3 tại Hội nghị Ban Thường vụ Huyện ủy, tổ chức hội nghị xin ý kiến góp ý của các đồng chí nguyên là lãnh đạo chủ chốt huyện, tổ chức thảo luận trong BCH Đảng bộ huyện và đã hoàn thiện in và gửi xin ý kiến góp ý của cơ sở, đại hội cấp cơ sở thảo luận góp ý kiến.

Việc lựa chọn, giới thiệu nhân sự cấp ủy khóa mới, trên cơ sở quy hoạch cán bộ đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy phê duyệt và nguồn cán bộ đương nhiệm. Ban Thường vụ Huyện ủy chỉ đạo Tiểu ban nhân sự đang tiến hành rà

soát cán bộ không đủ điều kiện tái cử, những nguồn nhân sự đủ điều kiện tái cử và nguồn nhân sự mới đủ điều kiện tham gia cấp ủy và các chức danh lãnh đạo HĐND và UBND

huyện nhiệm kỳ 2021-2026. Trong quá trình chuẩn bị nguồn nhân sự cấp ủy nhiệm kỳ 2020 - 2025, Ban Thường vụ Huyện ủy coi trọng chất lượng và cơ cấu hợp lý đảm bảo tỷ lệ cán bộ nữ, cán bộ trẻ tuổi, tiêu biểu về trí tuệ, phẩm chất, uy tín, đáp ứng yêu cầu lãnh đạo trong tình hình mới.

Theo kế hoạch, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Nga Sơn lần thứ XXIII, nhiệm kỳ

2020 - 2025 dự kiến vào tháng 7/2020 với sự tham gia của 250 đại biểu chính thức, trong đó 36 đại biểu đương nhiên và 214 đại biểu bầu.

Bên cạnh công tác chuẩn bị đại hội các cấp, Huyện ủy Nga Sơn cũng tập trung chỉ đạo việc tăng cường kiểm tra, giám sát tổ chức đảng, đảng viên; giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, nhất là những nội dung liên quan đến nhân sự Đại hội; chỉ đạo các cơ quan trong khối nội chính xây dựng kế hoạch bảo vệ Đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. Các ban ngành, đoàn thể phối hợp cùng với các xã, thị trấn nắm bắt tình hình tư tưởng của Nhân dân đối với đại hội Đảng các cấp, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, kịp thời phát hiện và giải quyết ngay những vấn đề mâu thuẫn, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo từ cơ sở. Đồng thời, đẩy mạnh thực hiện các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020,

khẩn trương hoàn thành các công trình chào mừng Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Nga Sơn, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Bên cạnh những kết quả đạt được là cơ bản thì trong quá trình chỉ đạo Đại hội chi bộ trực thuộc Đảng ủy cơ sở, qua 3 đơn vị đã tổ chức Đại hội điểm cũng như công tác chuẩn bị Đại hội cơ sở còn một số tồn tại như: Một số chi ủy chuẩn bị nhân sự cho Đại hội chi bộ chưa tốt, nên bầu không được nguồn đã chuẩn bị; vẫn còn bầu trưởng thôn không phải là đảng viên; báo cáo chính trị, báo cáo kiểm điểm một số đơn vị chuẩn bị chưa tốt, dung lượng báo cáo còn dài, một số chỉ tiêu chủ yếu chưa bám sát vào hướng dẫn... một số ý kiến tham luận còn dài, chất lượng hạn chế; trong tổ chức Đại hội có lúc điều hành chưa bám sát kịch bản, đôi lúc còn lúng túng ...

Rút kinh nghiệm từ công tác lãnh đạo, chỉ đạo Đại hội điểm, đại hội diện rộng ở các đơn vị, trong thời gian tới Ban Thường vụ Huyện ủy Nga Sơn tiếp tục tập trung chỉ đạo thực hiện tốt một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

Một là, Đẩy mạnh công tác tuyên truyền việc triển khai, tổ chức thực hiện Chỉ thị 35-CT/TW của Bộ Chính trị “về Đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng”, vừa tuyên truyền công tác chuẩn bị, tổ chức Đại hội, gắn với việc tuyên truyền thực hiện các phong trào thi đua, các nhiệm vụ chính trị của huyện.

Hai là, Tập trung chỉ đạo các đơn vị tiến hành Đại hội xong trong tháng 5/2020, kịp thời tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong quá trình chuẩn bị Đại hội cho cơ sở, nhất là những vấn đề liên quan đến công tác nhân sự.

Ba là, Hoàn thiện báo cáo chính trị trình Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXIII, nhiệm kỳ 2020-2025, chỉ đạo tổ chức tốt việc lấy ý kiến đóng góp vào dự thảo Báo cáo chính trị

đại hội Đảng các cấp, các văn kiện trình Đại hội lần thứ XIII của Đảng. Chỉ đạo thực hiện tốt các bước quy trình nhân sự theo tinh thần Chỉ thị 35-CT/TW của Bộ Chính trị, lựa chọn những đồng chí có đầy đủ các điều kiện tiêu chuẩn về phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống, năng lực và uy tín trong công tác. Tiếp tục thực hiện tốt công tác thẩm định tiêu chuẩn chính trị và chính trị hiện nay đối với các đồng chí nằm trong nguồn cấp ủy, lãnh đạo HĐND và UBND xã, thị trấn nhiệm kỳ 2020 - 2021.

Bốn là, Chỉ đạo làm tốt công tác kiểm tra giám sát phục vụ Đại hội Đảng các cấp, thực hiện tốt việc tiếp công dân, nhất là tiếp dân của người đứng đầu cấp ủy theo quy định số 11-QĐi/TW của Bộ chính trị, tập trung giải quyết những vấn đề còn tồn đọng, giải quyết tốt đơn thư khiếu nại, tố cáo liên quan đến nhân sự và đại biểu dự đại hội.

Năm là, trong quá trình chuẩn bị và tiến hành đại hội quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo làm tốt công tác chính trị, tư tưởng trong đảng bộ, chi bộ; lãnh đạo hoàn thành tốt các nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị gắn với đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, lập thành tích xuất sắc chào mừng đại hội Đảng bộ các cấp, nhiệm kỳ 2020 - 2025 tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và các ngày kỷ niệm lớn của đất nước, của tỉnh, của huyện năm 2020.

Ban Thường vụ Huyện ủy Nga Sơn tin tưởng rằng, với sự chuẩn bị chu đáo, tích cực, đại hội Đảng bộ các cấp huyện Nga Sơn, nhiệm kỳ 2020 - 2025 sẽ thành công tốt đẹp. Qua đó, không ngừng xây dựng Đảng bộ ngày càng trong sạch vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các tổ chức đảng, đảng viên; củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc; phát huy sức mạnh toàn dân xây dựng huyện Nga Sơn ngày càng phát triển./.

**KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC VÀ NHỮNG KINH NGHIỆM
SAU 5 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ HUYỆN HOÀNG HÓA
NHIỆM KỲ 2015 - 2020**

Lê Xuân Thu*

Hoàng Hóa là huyện đồng bằng ven biển của tỉnh, nằm ở đông bắc thành phố Thanh Hoá, có diện tích tự nhiên 20.380,50ha, dân số gần 223 ngàn người. Đảng bộ huyện có 65 tổ chức cơ sở đảng với hơn 12.000 đảng viên gồm 37 đảng bộ xã, thị trấn và 28 đảng bộ, chi bộ cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp trực thuộc. 5 năm qua, với tinh thần đoàn kết, chủ động khắc phục khó khăn, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân Hoàng Hóa đã nỗ lực phấn đấu, thực hiện thắng lợi các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXVI, nhiệm kỳ 2015 - 2020, ghi nhiều dấu ấn trong phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh.

Nét nổi bật là ngay sau Đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ 2015 - 2020, với phương châm “*Đoàn kết - năng động - sáng tạo - phát triển*”, cấp ủy, chính quyền huyện đã nhanh chóng xây dựng chương trình công tác toàn khóa, hàng năm, ban hành các đề án, kế hoạch, chương trình hành động cụ thể; vận dụng linh hoạt, sáng tạo các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước để thực hiện 29 chỉ tiêu chủ yếu và 3 chương trình trọng tâm mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện đã đề ra.

Về kinh tế, tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất cả nhiệm kỳ đạt bình quân 14,65%, vượt 0,15 so với mục tiêu Đại hội. Tổng giá

trị sản xuất đến năm 2020 ước đạt 16.385 tỷ đồng, tăng 1,97 lần so với năm 2015. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng, dịch vụ, giảm dần tỷ trọng nông - lâm - thủy sản. Thu nhập bình quân đầu người đạt 50,2 triệu đồng, vượt 9,2 triệu đồng so với mục tiêu Đại hội và tăng

5 năm qua, với tinh thần đoàn kết, chủ động khắc phục khó khăn, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân Hoàng Hóa đã nỗ lực phấn đấu, thực hiện thắng lợi các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXVI, nhiệm kỳ 2015 - 2020, ghi nhiều dấu ấn trong phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh.

gấp 4,6 lần so với năm 2010. Tổng huy động vốn đầu tư toàn xã hội đạt 25.220 tỷ đồng, vượt 10.720 tỷ so với mục tiêu Đại hội và tăng gấp 1,68 lần so với giai đoạn 2010 - 2015. Thu hút 351 dự án đầu tư vào địa bàn với tổng mức vốn đăng ký trên 3.707 tỷ đồng.

Trong sản xuất nông nghiệp, đã tập trung lãnh đạo chuyển đổi cơ cấu giống, cơ cấu mùa vụ, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, xây dựng thương hiệu và tiêu thụ sản phẩm. Đến nay, giá trị thu nhập trên một ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản đạt trên 155 triệu đồng. Hình thành 131 trang trại chăn nuôi quy mô vừa và nhỏ. Sản lượng thủy sản đạt 23.230 tấn, vượt mục tiêu

(*) *Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch HĐND huyện Hoàng Hóa*

đại hội. Một số sản phẩm nông nghiệp địa phương được đăng ký nhãn hiệu, thương hiệu riêng như: Nước mắm Khúc Phụ; mắm tôm, mắm tép, nước mắm Lê Gia; rượu Ngọc Châu; rau an toàn Hoàng Hợp, Hoàng Giang...

Dịch vụ du lịch phát triển mạnh hướng tới trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của huyện. Cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu du lịch Hải Tiến không ngừng được đầu tư, hoàn thiện, tạo ra bước phát triển có tính đột phá với hơn 5.800 phòng nghỉ, 5 sân tennis, 8 bể bơi, 15 kiốt... Năm 2019 đón 1,5 triệu lượt khách trong nước và quốc tế, tăng 1.280 nghìn lượt khách so với 2015, doanh thu trên 1.700 tỷ đồng, hiện nay các tập đoàn kinh tế lớn (Flamingo) đang khảo sát và đầu tư. Công tác quản lý, bảo tồn, phục dựng và phát huy các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể như: Múa sanh ngô, hát chèo, nhạc trống, đấu vật, đua thuyền, nấu cơm thi, lễ hội cầu ngư ... được quan tâm, đã tạo sức hấp dẫn riêng của du lịch Hoàng Hóa.

Một trong những nét nổi bật nhất trong bức tranh toàn cảnh về phát triển của Hoàng Hóa nhiệm kỳ qua là chương trình xây dựng Nông thôn mới. Bằng sự chỉ đạo, triển khai tích cực, quyết liệt với nhiều giải pháp và cách làm linh hoạt, sáng tạo, hết năm 2019 đã có 42/42 xã đạt chuẩn nông thôn mới. Đây là cơ sở vững chắc tiến tới mục tiêu huyện nông thôn mới trong năm 2020. Đặc biệt, những năm qua, công tác chỉnh trang cảnh quan, đảm bảo vệ sinh môi trường đã được tập trung chỉ đạo tích cực và triển khai rộng khắp, thu hút các địa phương, cơ quan, doanh nghiệp và các tầng lớp Nhân dân tích cực tham gia. Hàng loạt công trình trọng điểm tạo điểm nhấn như: Nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ Quốc lộ 1A đi Khu du lịch biển Hải Tiến (giai đoạn 1) và tuyến đường Goòng - Quảng với 4 làn xe, có dải phân cách, trồng

hoa, điện chiếu sáng đã hoàn thành đưa vào sử dụng; xây dựng gần 400 km đường điện ánh sáng công cộng, 2 nhà máy nước sạch; chỉnh trang vỉa hè, cây xanh, nâng cấp hệ thống giao thông, hệ thống cấp thoát nước trên địa bàn thị trấn Bút Sơn và một số xã được triển khai tích cực bằng nguồn vốn hỗ trợ của Nhà nước và đóng góp của Nhân dân, các doanh nghiệp. Sau 5 năm, diện mạo của huyện đã có nhiều đổi mới, khang trang. Hoàng Hóa hôm nay đã khoác trên mình bộ áo mới với nhiều đổi thay về cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội cũng như đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân.

Cùng với phát triển kinh tế, văn hoá, y tế, giáo dục, hoạt động văn nghệ, thể thao, thông tin tuyên truyền và các lĩnh vực xã hội khác từng bước được chăm lo, phát triển. Sự nghiệp giáo dục - đào tạo đạt được những tiến bộ mới khá toàn diện, nhiều năm liền dẫn đầu toàn tỉnh về chất lượng mũi nhọn. Cơ sở vật chất trường, lớp được tăng cường, dự kiến hết năm 2020 có 100% trường đạt chuẩn quốc gia, vượt mục tiêu nghị quyết đại hội đề ra. Đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên đủ về số lượng, 100% đạt và vượt chuẩn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Cơ sở vật chất phục vụ chăm sóc sức khỏe Nhân dân được mở rộng và tăng cường, bình quân 6 bác sĩ/1 vạn dân; 100% xã đạt Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế. Văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao cũng phát triển mạnh và đạt nhiều thành tích. Công tác giảm nghèo được quan tâm chỉ đạo với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp Nhân dân. Những kết quả đó, đã làm thay đổi cuộc sống của nhiều hộ dân, nhất là những vùng khó khăn. Tỷ lệ hộ nghèo của huyện giảm còn 0,38% theo tiêu chí đa chiều.

Công tác quốc phòng, an ninh được giữ vững, trật tự an toàn xã hội bảo đảm. Hoạt

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH THANH HÓA

động của bộ máy chính quyền từ huyện đến cơ sở được củng cố, nâng cao hiệu lực quản lý điều hành. Cải cách hành chính tiếp tục được thực hiện. Hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể Nhân dân ngày càng được nâng cao.

Song song với nhiệm vụ lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, công tác xây dựng Đảng được chú trọng cả về 4 mặt: chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức. Đảng bộ thường xuyên quán triệt Chỉ thị số 05 của Bộ Chính trị về “*Đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh gắn với thực hiện Nghị quyết TW 4 (Khóa XII) về “Về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ*”. Nhờ vậy, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức Đảng không ngừng được nâng lên. 5 năm qua đã kết nạp 1.280 đảng viên, bình quân mỗi năm 256 đảng viên, vượt kế hoạch đề ra. Điều động, luân chuyển 80 lượt cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp huyện, cấp xã. Cử 1.372 lượt cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ. Trình độ, năng lực đội ngũ cán bộ từ huyện tới cơ sở từng bước được nâng lên, cơ bản đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ. Thực hiện tốt công tác sáp nhập thôn và xã, thị trấn trong huyện. Kết quả giảm từ 370 thôn xuống còn 243 thôn; từ 43 xã, thị trấn còn 37 xã, thị trấn (giảm 127 thôn và 6 xã). Đảm bảo các chế độ, quyền lợi cho cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách xã, thôn ở những nơi sáp nhập. Thực hiện Nghị quyết số 18 và Nghị quyết số 19 của Trung ương 6, khóa 12 về đổi mới, sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị được thực hiện đồng bộ, kịp thời, hiệu quả. Đến nay, Đảng bộ huyện còn 65 tổ

chức cơ sở Đảng trực thuộc, giảm 15 đơn vị so với đầu nhiệm kỳ.

Những ngày này, mỗi người dân Hoàng Hoá ai ai cũng đều cảm nhận rõ sự đổi thay của quê hương sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXVI. Từ trung tâm huyện cho đến các xã, thị trấn, những công trình phúc lợi xã hội, những ngôi nhà mái bằng, cao tầng mọc lên san sát, các khu, cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp,

Về kinh tế, tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất cả nhiệm kỳ đạt bình quân 14,65%, vượt 0,15 so với mục tiêu đại hội. Tổng giá trị sản xuất đến năm 2020 ước đạt 16.385 tỷ đồng, tăng 1,97 lần so với năm 2015. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng, dịch vụ, giảm dần tỷ trọng nông - lâm - thủy sản. Thu nhập bình quân đầu người đạt 50,2 triệu đồng, vượt 9,2 triệu đồng so với mục tiêu đại hội và tăng gấp 4,6 lần so với năm 2010.

làng nghề đang hồi hã sản xuất và những con đường thẳng tắp, những cây cầu, ngôi trường tươi rói màu sơn tô điểm cho bức tranh quê hương những sắc màu nổi bật của vùng đất đang trên đà phát triển. Đó là thành quả của sự đoàn kết, bền bỉ phấn đấu của Đảng bộ và Nhân dân Hoàng Hoá trong suốt nhiệm kỳ qua. Đồng thời cũng là thước đo sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền từ huyện đến cơ sở, sự đoàn kết, đồng tâm hiệp lực của các tầng lớp Nhân dân, các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn huyện. Trong đó, cấp ủy, chính quyền huyện Hoàng Hóa đã năng động, sáng tạo, lựa chọn những vấn đề trọng tâm, trọng điểm tập trung chỉ đạo thực hiện với các giải pháp linh hoạt,

quyết liệt và kịp thời. Đến nay 29 chỉ tiêu chủ yếu và 3 chương trình trọng tâm là chương trình phát triển công nghiệp, ngành nghề tiểu thủ công nghiệp; chương trình phát triển du lịch; chương trình phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện, nhiệm kỳ 2015 - 2020 cơ bản đã được thực hiện đạt và vượt kế hoạch đề ra. Từ những kết quả đạt được, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm sau:

Một là, Giữ vững sự đoàn kết, thống nhất trong toàn Đảng bộ, bảo đảm ổn định chính trị - xã hội, tạo niềm tin và sự đồng thuận của Nhân dân. Thực hiện nhất quán giữa chủ trương và hành động; phát huy dân chủ và tập hợp sức mạnh của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp Nhân dân.

Hai là, Phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế, tranh thủ sự chỉ đạo, ủng hộ, giúp đỡ của cấp trên, vận dụng sáng tạo đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước để cụ thể hóa vào thực tiễn địa phương bằng những quan điểm, nghị quyết, nhiệm vụ sát thực, phù hợp tình hình, đáp ứng yêu cầu phát triển. Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ với quyết tâm cao; quyết liệt trong chỉ đạo, điều hành; kiên trì theo đuổi mục tiêu đã đề ra; giữ vững kỷ cương, tăng cường kỷ luật, đề cao trách nhiệm cá nhân, nhất là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, thủ trưởng cơ quan, đơn vị.

Ba là, Chăm lo phát triển toàn diện, vừa trước mắt vừa lâu dài, đồng thời xác định được nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm của từng thời kỳ để tổ chức thực hiện quyết liệt với quyết tâm cao. Vận dụng, linh hoạt các cơ chế, chính sách của cấp trên; tạo cơ chế thông thoáng để thu hút đầu tư cho phát triển; phát huy và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực.

Bốn là, Tăng cường công tác xây dựng, củng cố tổ chức, cán bộ trong hệ thống chính trị nhất là ở cơ sở đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Thực hiện tốt phương châm “Cơ sở vững mạnh, huyện phát triển”, bồi dưỡng, chăm lo

Những thành quả đạt được trong nhiệm kỳ qua là bài học kinh nghiệm quý báu để Hoàng Hóa viết tiếp trang sử vẻ vang truyền thống hào hùng của quê hương. Chặng đường phía trước còn nhiều thời cơ, thuận lợi và không ít khó khăn, thách thức. Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân huyện Hoàng Hóa sẽ tiếp tục phát huy truyền thống cách mạng của vùng quê hiếu học, đồng tâm, hợp sức, nỗ lực phấn đấu, vượt qua khó khăn, đẩy mạnh toàn diện và sâu rộng công cuộc đổi mới, xây dựng địa phương trở thành đô thị nông thôn năng động, văn minh, hiện đại.

đơn vị tốt, xây dựng và nhân rộng các điển hình, đồng thời chấn chỉnh, củng cố kịp thời các đơn vị yếu kém, nhất là cán bộ chủ chốt. Thực hiện tốt công tác cán bộ trong việc điều động, luân chuyển, bố trí, sử dụng đồng bộ, góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh.

Mỗi kỳ Đại hội là thêm một dấu mốc trưởng thành. Những thành quả đạt được trong nhiệm kỳ qua là bài học kinh nghiệm quý báu để Hoàng Hóa viết tiếp trang sử vẻ vang truyền thống hào hùng của quê hương. Chặng đường phía trước còn nhiều thời cơ, thuận lợi và không ít khó khăn, thách thức. Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân huyện Hoàng Hóa sẽ tiếp tục phát huy truyền thống cách mạng của vùng quê hiếu học, đồng tâm, hợp sức, nỗ lực phấn đấu, vượt qua khó khăn, đẩy mạnh toàn diện và sâu rộng công cuộc đổi mới, xây dựng địa phương trở thành đô thị nông thôn năng động, văn minh, hiện đại./.

VAI TRÒ CỦA ĐẦU TƯ THEO HÌNH THỨC ĐỐI TÁC CÔNG - TƯ (PPP) ĐỐI VỚI VIỆC THỰC HIỆN KHẤU ĐỘT PHÁ VỀ PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI Ở THANH HÓA HIỆN NAY

ThS. Trần Thị Ngọc Diệp*

Đầu tư theo hình thức đối tác công - tư (PPP: Public- Private Partnership) có tầm quan trọng đặc biệt trong việc thu hút nguồn vốn tư nhân để xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng cần thiết phục vụ lợi ích công và phát triển kinh tế - xã hội trên bình diện quốc gia và với mỗi địa phương. Tầm quan trọng của hình thức hợp tác này đã được khẳng định ở các nước phát triển Âu - Mỹ, các nước ASEAN và nhiều quốc gia khác trên thế giới, đặc biệt đối với các nước đang phát triển trong đó có Việt Nam, PPP được xem là công cụ cải cách quan trọng lĩnh vực quản lý công. Đây là hình thức đầu tư trên cơ sở hợp tác dài hạn giữa Nhà nước và tư nhân thông qua cơ chế hợp đồng nhằm cung cấp sản phẩm dịch vụ công thuộc về trách nhiệm của Nhà nước.

Ở nước ta, mô hình đầu tư theo hình thức đối tác công tư PPP bắt đầu được thực hiện từ những năm 1990, khi nước ta có chủ trương hợp tác đầu tư với nước ngoài nhằm tranh thủ vốn, công nghệ, kinh nghiệm quản lý phục vụ sự nghiệp đổi mới đất nước. Tại thời điểm đó, việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng các công trình hạ tầng như: Cầu đường, bến cảng, cấp nước là ưu tiên hàng đầu của Nhà nước ta, đây là nhiệm vụ đòi hỏi số vốn đầu tư lớn, trong khi nguồn ngân sách hạn hẹp. Theo đó, Luật Đầu tư nước ngoài sửa đổi năm 1992 đã bổ sung quy định về vấn đề BOT (*xây dựng - kinh doanh - chuyển*

giao). Trong cơ chế này, nhà đầu tư tự nguyện bỏ vốn xây dựng công trình, tự khai thác kinh doanh công trình trong một thời gian nhất định để thu hồi vốn và lợi nhuận, sau đó chuyển giao công trình cho Nhà nước. Đây là cơ sở pháp lý ban đầu cho hình thức đầu tư BOT đối với thu hút đầu tư nước ngoài. Để thực hiện nhiệm vụ này, Chính phủ ban hành các Nghị định quy định về quy chế đầu tư theo hình thức hợp đồng BOT áp dụng cho đầu tư nước ngoài và trong nước (*Nghị định số 87-CP ngày 23/11/1993 về quy chế đầu tư theo hình thức Hợp đồng - kinh doanh - chuyển giao đối với nhà đầu tư nước ngoài; Nghị định*

Đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) là hình thức đầu tư được thực hiện trên cơ sở hợp đồng giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án để xây dựng, cải tạo, vận hành, kinh doanh, quản lý công trình hạ tầng, cung cấp dịch vụ công.

77-CP ngày 18/6/1997 về quy chế đầu tư theo hình thức hợp đồng BOT áp dụng cho nhà đầu tư trong nước). Sau đó, Chính phủ tiếp tục ban hành các Nghị định về đầu tư PPP để quy định về cơ chế đầu tư theo hình thức PPP. Đến nay, xuất phát từ nhu cầu thực tiễn của sự nghiệp đổi mới, hội nhập quốc tế và sự phát triển kinh tế - xã hội, vấn đề đầu tư theo hình thức đối tác công tư PPP cần phải được luật hóa. Dự thảo Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư đang được góp ý và hoàn thiện để trình Quốc hội trong thời gian tới, góp phần hoàn thiện cơ sở pháp lý huy động sự tham gia của tổ chức, cá nhân đầu tư vào dự án kết cấu hạ tầng.

Đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) là hình thức đầu tư được thực hiện trên cơ sở hợp đồng giữa cơ quan Nhà nước có

(*) Phó Hiệu trưởng

thẩm quyền và nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án để xây dựng, cải tạo, vận hành, kinh doanh, quản lý công trình hạ tầng, cung cấp dịch vụ công (Theo quy định tại Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/05/2018 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư). Đây là hình thức hợp tác mà theo đó Nhà nước cho phép cá nhân, tổ chức cùng tham gia đầu tư vào các dịch vụ hoặc công trình công cộng của Nhà nước. Với mô hình PPP, Nhà nước sẽ thiết lập các tiêu chuẩn về cung cấp dịch vụ và tư nhân được khuyến khích cung cấp bằng cơ chế thanh toán theo chất lượng dịch vụ. Đây là hình thức hợp tác tối ưu hóa hiệu quả đầu tư và cung cấp dịch vụ công cộng chất lượng cao, nó sẽ mang lại lợi ích cho cả Nhà nước và người dân và doanh nghiệp vì tận dụng được nguồn lực tài chính và quản lý từ tư nhân, trong khi vẫn đảm bảo lợi ích cho người dân.

Hiện nay, ở nước ta đang tồn tại 07 hình thức hợp đồng đối với các dự án PPP, gồm: Hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (*hợp đồng BOT*); Xây dựng - Chuyển giao - Kinh doanh (*hợp đồng BTO*); Xây dựng - Chuyển giao (*hợp đồng BT*); Xây dựng - Sở hữu - Kinh doanh (*hợp đồng BOO*); Xây dựng - Chuyển giao - Thuê dịch vụ (*hợp đồng BTL*); Xây dựng - Thuê dịch vụ - Chuyển giao (*hợp đồng BLT*); Kinh doanh - Quản lý (*hợp đồng O&M*). Mặc dù quy định có 07 hình thức hợp đồng, nhưng trên thực tế, cũng giống như các nước khác, mô hình BOT, BOO và BT chiếm tỷ phần chủ yếu tại Việt Nam; trong đó, hai lĩnh vực chiếm tỷ phần lớn nhất là điện và viễn thông sau đó là lĩnh vực giao thông.

Ở Thanh Hóa, những năm qua, phát huy tiềm năng, lợi thế của một tỉnh có nhiều thuận lợi trong thu hút đầu tư, là cửa ngõ nối liền Bắc Bộ với Trung Bộ, nơi có các tuyến giao thông huyết mạch của cả nước đi qua, có đầy đủ các loại địa hình, các hệ sinh thái và chia thành 3 vùng kinh tế rõ rệt: miền núi, đồng bằng và ven biển, nguồn tài nguyên thiên nhiên đa dạng, phong phú. Diện tích tự nhiên 11.120 km²,

đứng thứ 5 cả nước, với quỹ đất lớn là một cơ sở thuận lợi để có thể nghiên cứu, thực hiện đầu tư PPP theo hình thức BT, đối đất lấy hạ tầng. Dân số khoảng trên 3,6 triệu người (*đứng thứ 3 cả nước, sau thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Hà Nội*), đang ở trong thời kỳ dân số vàng với 2,2 triệu lao động, trình độ văn hóa tương đối cao, với lợi thế dân số đông, Thanh Hóa là một thị trường rộng lớn, có lượng cầu, sử dụng hàng hóa, dịch vụ cao; do đó, các dự án đầu tư

Để tăng cường thu hút đầu tư nói chung và đầu tư theo hình thức PPP nói riêng, tỉnh Thanh Hóa đã ban hành nhiều chủ trương, giải pháp thực hiện thu hút đầu tư hợp tác công tư (PPP): Nghị quyết số 02-NQ/TU của BCH Đảng bộ tỉnh về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh trên địa bàn giai đoạn 2011 - 2015, Kết luận số 46-KL/TU ngày 20/10/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 02; UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 753/QĐ-UBND ngày 14/5/2010 phê duyệt danh mục các dự án kêu gọi đầu tư theo hình thức BOT, BTO, BT; Quyết định số 4572/QĐ-UBND ngày 28/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt đề án thu hút đầu tư theo hình thức PPP trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2017-2020...

trên địa bàn tỉnh theo các hình thức như BOT, BTO, BOO, O&M sẽ có điều kiện thuận lợi để thu hồi vốn nhanh, dễ dàng hơn so với các tỉnh khác. Bên cạnh đó, về hạ tầng kinh tế - xã hội, tỉnh Thanh Hóa có đủ các loại hình giao thông: đường bộ, đường sắt, đường thủy và đường hàng không, có Khu kinh tế Nghi Sơn gắn với Cảng nước sâu Nghi Sơn và 08 khu công nghiệp, là động lực thu hút đầu tư và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Về tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân giai đoạn 2016-2020 dự kiến đạt 12,5%; quy mô GRDP

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH THANH HÓA

của tỉnh năm 2020 dự kiến đạt 133.816 tỷ đồng, đứng thứ 8 cả nước. Hiện tại có khoảng 19.900 doanh nghiệp đang hoạt động trong tất cả các lĩnh vực; có 127 dự án FDI đang hoạt động, với tổng vốn đăng ký 14,1 tỷ USD.

Từ những thuận lợi trên, để tăng cường thu hút đầu tư nói chung và đầu tư theo hình thức PPP nói riêng, tỉnh Thanh Hóa đã ban hành nhiều chủ trương, giải pháp thực hiện thu hút đầu tư hợp tác công tư (PPP): Nghị quyết số 02-NQ/TU của BCH Đảng bộ tỉnh về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh trên địa bàn giai đoạn 2011 - 2015, Kết luận số 46-KL/TU ngày 20/10/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 02; UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 753/QĐ-UBND ngày 14/5/2010 phê duyệt danh mục các dự án kêu gọi đầu tư theo hình thức BOT, BTO, BT; Quyết định số 4572/QĐ-UBND ngày 28/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt đề án thu hút đầu tư theo hình thức PPP trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2017-2020...theo đó, nhiều giải pháp đã được thực hiện nhằm cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, trong đó chú trọng cải cách thủ tục hành chính, thành lập các tổ chức có chức năng hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức các buổi gặp mặt doanh nghiệp định kỳ hàng năm, tổ chức các đoàn công tác xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại nhằm vận động thu hút đầu tư. Việc thu hút đầu tư theo hình thức PPP trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đạt được nhiều kết quả tích cực, đặc biệt là nâng cao trách nhiệm của cán bộ, công chức, cải cách hành chính, thực hiện tốt công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, cung cấp thông tin, đảm bảo an ninh trật tự, tăng cường đấu tranh xử lý các hành vi gây khó khăn, phiền hà cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư.

Đến thời điểm hiện tại, tỉnh Thanh Hóa đã và đang triển khai thực hiện 14 dự án theo hình thức PPP với tổng vốn đầu tư 11.519,33 tỷ đồng (theo số liệu *Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa*). Trong đó, 2 dự án thực hiện

theo hình thức BOT, 12 dự án thực hiện theo hình thức hợp đồng BT. Một số dự án điển hình như: dự án đường giao thông từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn, giai đoạn 1 (*dự án BT*) đã tạo điều kiện kết nối giao thông thuận lợi giữa Cảng hàng không Thọ Xuân với Khu kinh tế Nghi Sơn và các vùng lân cận, nâng cao hiệu quả khai thác Cảng hàng không Thọ Xuân, thu hút các nhà đầu tư vào Khu Kinh tế Nghi Sơn và các khu vực dọc hai bên tuyến đường; Dự án Không gian ven biển phía Đông đường Hồ Xuân Hương, thị xã Sầm Sơn (*dự án BOT*) đã cải thiện mỹ quan đô thị biển Sầm Sơn, tạo không gian sạch đẹp cho khu vực phía đông đường Hồ Xuân Hương và khu vực các bãi tắm biển; dự án Trung tâm hành chính thành phố Thanh Hóa (*dự án BT- dự án đổi đất lấy công trình*) đã hoàn thành cuối năm 2019, hình thành Trung tâm hành chính mới của thành phố Thanh Hóa hiện đại, đáp ứng điều kiện làm việc của cán bộ, công chức cũng như Nhân dân đến làm việc. Bên cạnh các dự án kết cấu hạ tầng, các dự án đổi ứng được giao cho nhà đầu tư như: Khu đô thị trung tâm thành phố Thanh Hóa, Trung tâm thương mại Vincom Plaza tại phường Điện Biên, Khu nhà ở biệt thự và Khu nhà ở kết hợp thương mại thuộc Khu hành chính mới thành phố Thanh Hóa, Khu dân cư Trường THCS Chu Văn An cũ, Khu dân cư đường Từ Thức,... đều được đầu tư xây dựng, đạt hiệu quả cao, làm thay đổi diện mạo đô thị theo hướng đồng bộ hiện đại, đáp ứng nhu cầu về nhà ở, phát triển đô thị của tỉnh Thanh Hóa. Ngoài các dự án do UBND tỉnh quyết định đầu tư, còn có một số dự án do các Bộ, ngành Trung ương quyết định đầu tư đang được thực hiện trên địa bàn tỉnh.

Có thể nói, các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng theo hình thức PPP trên địa bàn tỉnh trong thời gian vừa qua đều đã phát huy tốt hiệu quả, chất lượng, năng lực phục vụ, cung ứng dịch vụ công của hệ thống kết cấu hạ tầng được cải thiện đáng kể. Sự thành công của các dự án PPP đó đã khẳng định tiềm năng và triển vọng thu

hút các nguồn vốn đầu tư từ xã hội cho các dự án kết cấu hạ tầng của tỉnh; nâng cao vị thế, năng lực cạnh tranh, thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Tuy nhiên, qua quá trình triển khai thực hiện đầu tư theo hình thức PPP còn có những khó khăn nhất định: (1) hệ thống pháp luật, chính sách và quy trình thủ tục đầu tư các dự án PPP chịu sự điều chỉnh của các luật khác nhau: Luật Ngân sách nhà nước (*đối với việc sử dụng vốn ngân sách Nhà nước tham gia dự án PPP*), Luật Đầu tư công (*vốn đầu tư công trong dự án PPP*), Luật Doanh nghiệp (*hoạt động của doanh nghiệp dự án*), Luật Xây dựng (*thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán*), Luật Đất đai, Luật Đầu

thầu... nên quá trình thực hiện vẫn còn gặp khó khăn ở nhiều khâu trong suốt vòng đời dự án PPP từ chuẩn bị đầu tư đến khai thác dự án (*do phần lớn các Luật này chủ yếu được xây dựng để điều chỉnh hoạt động đầu tư dự án công mà chưa tính đến đặc thù của đầu tư PPP*). Hơn nữa, trên thực tế, nhiều nhà đầu tư không mặn mà với đầu tư PPP, vì đây là hình thức đầu tư nhiều vốn, tính rủi ro khá cao, nếu thường xuyên thay đổi chính sách thì nhà đầu tư không yên tâm. Do vậy, cần phải có khuôn khổ pháp lý cao nhất (*tức là có luật riêng điều chỉnh*), tính ổn định cao nhất và rõ ràng nhất; (2) nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP còn nhiều băn khoăn về những rủi ro khi thay đổi chính sách, pháp luật làm ảnh hưởng đến doanh thu, trong khi đó một bộ phận xã hội kể cả cơ quan Nhà nước và người dân chưa nhận thức đầy đủ về chủ trương, chính sách xã hội hóa đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng và tầm quan trọng của đầu tư PPP đối với việc phát triển kinh tế - xã hội, nên chưa đồng thuận với chủ trương

xã hội hóa đầu tư thông qua việc thu phí hoàn vốn; (3) nguồn vốn đầu tư công có hạn nên rất khó khăn trong việc thực hiện cơ chế hỗ trợ vốn; một số công trình, dự án kết cấu hạ tầng không có khả năng kinh doanh, thu phí để thu hồi vốn nên chưa đủ sức thu hút nhà đầu tư. Tại một số địa phương chưa nghiên cứu quy hoạch để dành quỹ đất làm dự án đối ứng cho các dự án BT, hơn nữa không có quỹ đất giá trị

thương mại để giao nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức BT. Quỹ đất sạch hạn chế hoặc không tập trung, quy mô nhỏ lẻ, khó khăn cho nhà đầu tư khi đề xuất làm dự án đối ứng để đầu tư dự án khác...

Trước yêu cầu của sự phát triển kinh tế - xã hội, việc phát triển đồng bộ hệ thống kết

cấu hạ tầng tạo động lực cho tăng trưởng kinh tế, tiếp tục là khâu đột phá được tỉnh ta xác định trong giai đoạn 2020 - 2025. Từ thực tiễn của tỉnh, việc thu hút đầu tư PPP cho các nhiệm vụ xây dựng hạ tầng giao thông, năng lượng, hạ tầng đô thị, hạ tầng các khu công nghiệp, xây dựng bệnh viện, hệ thống xử lý nước thải, rác thải... đang là yêu cầu rất lớn đối với tỉnh ta. Do vậy, để phát huy lợi thế từ PPP mang lại, cần nghiên cứu thực hiện một số nội dung:

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền trong Nhân dân về chủ trương, chính sách xã hội hóa đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng nhằm tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động về đầu tư PPP là hình thức đầu tư cùng Nhà nước để cung cấp dịch vụ công đáp ứng nhu cầu cần thiết về dịch vụ công và nhu cầu cấp bách về cơ sở hạ tầng để phát triển kinh tế - xã hội, tạo sự đồng thuận trong xã hội để mọi người dân ủng hộ và chia sẻ trách nhiệm với Nhà nước trong đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, khắc phục tư duy, nhận thức, chống tư

Mô hình PPP trong việc đầu tư nâng cao chất lượng các dịch vụ công được coi là hướng đi đúng đắn của Việt Nam nói chung và tỉnh Thanh Hóa trong giai đoạn hiện nay. Đây là lĩnh vực mới và khó, ngoài việc cần phải tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách thì công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền và sự tham gia ủng hộ, cùng cộng đồng trách nhiệm từ phía người dân là hết sức quan trọng.

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH THANH HÓA

tương trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước trong đầu tư kết cấu hạ tầng xã hội. Bên cạnh đó, tăng cường tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về đầu tư theo hình thức PPP cho các cơ quan quản lý nhà nước cũng như các doanh nghiệp trên địa bàn. Đổi mới nội dung, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động xúc tiến đầu tư; xây dựng hệ thống thông tin về xúc tiến đầu tư, nhất là các dự án PPP; tăng cường quảng bá, giới thiệu các chính sách thu hút đầu tư của tỉnh trên các phương tiện thông tin truyền thông của Trung ương và của tỉnh.

- Rà soát và hoàn thiện khung chính sách, và các quy định, quy chế quản lý trên các lĩnh vực để thu hút đầu tư PPP, gồm: Khung chính sách về đất đai cho các dự án đầu tư theo hình thức PPP; khung chính sách thu hút đầu tư vào các cụm công nghiệp, khu công nghiệp để tạo điều kiện đẩy mạnh thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp; rà soát, điều chỉnh một số loại phí, đơn giá sử dụng dịch vụ công như dịch vụ cung cấp nước sạch; xử lý nước thải, chất thải; dịch vụ trông giữ xe tại các bến xe; phí dịch vụ tại các bệnh viện... theo hướng tính đúng, tính đủ các chi phí và lợi nhuận hợp lý để tạo sự hấp dẫn, thu hút nguồn vốn của các thành phần kinh tế vào đầu tư; xây dựng quy chế về hợp tác đầu tư kinh doanh, quản lý, khai thác, cơ chế chia sẻ rủi ro trong quá trình thực hiện các dự án PPP.

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính trong lĩnh vực PPP, đơn giản hóa thủ tục và quy trình giải quyết thủ tục hành chính. Hỗ trợ, tháo gỡ kịp thời các vấn đề khó khăn, vướng mắc từ khâu lập đề xuất dự án đến khi kết thúc dự án. Đẩy mạnh việc công khai, minh bạch thông tin ở tất cả các bước: Chuẩn bị dự án, lựa chọn nhà đầu tư, ký kết hợp đồng... Đặc biệt, là đối tượng chịu tác động của dự án, dự thảo Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư đã bổ sung cơ chế tham vấn ý kiến của các đối tượng chịu ảnh hưởng của dự án.

- Đổi mới, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư của Nhà nước theo hướng tập trung, có trọng điểm; vốn của Nhà nước được sử dụng như vốn “mồi” để thu hút vốn của các thành phần kinh tế khác; ưu tiên bố trí vốn ngân sách nhà nước cho công tác chuẩn bị đầu tư, hỗ trợ GPMB để thực hiện các dự án PPP; trong đó, ưu tiên bố trí nguồn vốn triển khai đầu tư các dự án hạ tầng khu tái định cư trước khi triển khai dự án. Lựa chọn các khu đất có giá trị thương mại cao và ưu tiên để bố trí thanh toán cho các dự án BT. Theo đó, cần rà soát, bổ sung, hoàn chỉnh các quy hoạch trên địa bàn; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý quy hoạch. Sớm phê duyệt quy hoạch chi tiết các khu đất được xác định là dự án đối ứng cho dự án BT, làm cơ sở cho các nhà đầu tư xây dựng phương án đầu tư phù hợp.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra dự án PPP, quy định rõ trách nhiệm, nghĩa vụ của cơ quan Nhà nước và nhà đầu tư. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý, giám sát chất lượng công trình và quản lý khai thác sử dụng sau đầu tư; thực hiện tốt việc duy tu bảo dưỡng, bảo trì công trình xây dựng để phát huy tính năng sử dụng, duy trì độ bền vững và đảm bảo kiến trúc cảnh quan môi trường.

Như vậy, mô hình PPP trong việc đầu tư nâng cao chất lượng các dịch vụ công được coi là hướng đi đúng đắn của Việt Nam nói chung và tỉnh Thanh Hóa trong giai đoạn hiện nay. Đây là lĩnh vực mới và khó, ngoài việc cần phải tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách thì công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền và sự tham gia ủng hộ, cùng cộng đồng trách nhiệm từ phía người dân là hết sức quan trọng. Chúng tôi tin tưởng trong thời gian tới mô hình PPP ở Thanh Hóa tiếp tục khởi sắc và phát huy hiệu quả, là động lực góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội đạt được mục tiêu Đại hội XIX tỉnh Đảng bộ đề ra./.

TÌM HIỂU QUAN ĐIỂM CỦA V.LÊNIN VỀ CÔNG NGHIỆP HÓA NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN VÀ VIỆC VẬN DỤNG Ở NƯỚC TA

ThS. Dương Thị Bảo Anh *

Công nghiệp hóa là quy luật phổ biến để chuyển từ một nền sản xuất nhỏ, lạc hậu lên sản xuất lớn, hiện đại - con đường tất yếu của mọi quốc gia trong quá trình phát triển. Vì, quá trình công nghiệp hóa tạo ra bước phát triển nhảy vọt về lực lượng sản xuất. Trên thực tế, nhiều nước tư bản phát triển đã mất hàng trăm năm thực hiện công nghiệp hóa để có được sự phát triển như ngày nay. Bởi vậy, các nước đang thực hiện quá độ lên chủ nghĩa xã hội, việc tiến hành và đẩy mạnh công nghiệp hóa càng trở nên cấp thiết. Đây là cách thức, con đường rất quan trọng để tạo lập cơ sở vật chất kỹ thuật của nền sản xuất lớn, hiện đại có trình độ xã hội hóa cao và xác lập một cơ cấu kinh tế hợp lý.

Tuy nhiên, để quá trình công nghiệp hóa thành công, mỗi quốc gia phải xuất phát từ điều kiện về kinh tế, văn hóa, xã hội của mình để xác định nội dung, bước đi cho phù hợp. Thực tiễn nước Anh là một ví dụ, là nước đầu tiên trên thế giới tiến hành công nghiệp hóa, nước Anh đã bắt đầu đi từ ngành dệt (thuộc ngành công nghiệp nhẹ), nhờ đó đã giúp nước Anh có sự phát triển phù hợp, hiệu quả.

Tìm hiểu kinh nghiệm các nước đi trước và xuất phát từ thực tế nước Nga sau nội chiến, để tạo ra bước phát triển của lực lượng sản xuất, Lênin đã chỉ ra rằng, phải đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa. Người khẳng định: “Cơ sở vật chất duy nhất và thực sự để làm tăng của cải của chúng ta, để xây dựng xã hội xã hội chủ

nghĩa chỉ có thể là đại công nghiệp... Không có một nền đại công nghiệp tổ chức cao thì không thể nói đến chủ nghĩa xã hội được, mà lại càng không thể nói đến chủ nghĩa xã hội ở một nước nông nghiệp được”¹. Hơn nữa, từ thực tế của đất nước, Lênin còn khẳng định rằng, quá trình công nghiệp hóa của nước Nga phải được bắt đầu từ nông nghiệp, nông dân. Người viết

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng khẳng định phải “tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, chú trọng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, phát triển nhanh, bền vững; phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại”.

“Phải bắt đầu từ nông dân. Người nào không hiểu điều đó, người nào có ý coi đưa vấn đề nông dân lên hàng đầu như thế là một sự “từ bỏ” hoặc tương tự như sự từ bỏ chuyên chính vô sản thì chẳng qua chỉ là vì người đó không chịu suy nghĩ kỹ về vấn đề đó và bị lời nói trống rỗng chi phối”². Công nghiệp hóa trong nông nghiệp ở Nga, Người cũng nhắc nhở cần thực hiện bằng việc tập trung phát triển công nghiệp vừa và nhỏ để phát triển lực lượng sản xuất và thúc đẩy sự phát triển của nông nghiệp. Qua nghiên cứu có thể rút ra, tư tưởng của Lênin về quá trình công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn bao quát các nội dung cơ bản đó là:

(*) Trường Phòng QLĐT & NCKH

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH THANH HÓA

Thứ nhất, công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn phải gắn với quá trình phân công lao động xã hội.

Thực tế cho thấy, nền sản xuất khi còn dừng lại ở lao động thủ công, để có được thay đổi tiến bộ thì phải tạo bước chuyển trong phân công lao động xã hội; phải gắn với quá trình chuyên môn hóa trong lao động. Đặc biệt, chuyên môn hóa trong nông nghiệp là phương kế để giúp “.. sản xuất không những từng sản phẩm riêng mà cả việc sản xuất từng bộ phận riêng của sản phẩm và không những việc sản xuất sản phẩm mà thậm chí cả từng thao tác trong việc chế biến sản phẩm tiêu dùng, thành một ngành công nghiệp riêng biệt”³. Đây

chính là nhiệm vụ quan trọng của quá trình công nghiệp hóa nông nghiệp. Quá trình này làm cho việc tổ chức chế biến sản phẩm nông nghiệp ngày càng tạo thêm nhiều ngành công nghiệp nằm ngay trong nền kinh tế nông nghiệp. Thông qua quá trình chuyên môn hóa trong phân công lao động thúc đẩy sự hình thành các vùng chuyên doanh, như: Trồng trọt, chăn nuôi, chế biến sản phẩm nông nghiệp, đồng thời đẩy nhanh việc áp dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật, việc sử dụng các phương tiện máy móc hiện đại vào sản xuất nông nghiệp. Mặt khác, từ đó sẽ thúc đẩy kết cấu hạ tầng kinh tế, đặc biệt là giao thông phát triển, cái mà theo cách gọi của Lênin “có tầm đặc quan trọng đặc biệt đối với sự phát triển sản xuất”.

Thứ hai, phải đẩy mạnh việc áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất và chế biến nông sản; đẩy mạnh cơ khí hóa trong nông nghiệp.

Thực hiện nhiệm vụ về công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn, Lênin luôn nhắc nhở, cần phải tích cực áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất và chế biến nông phẩm. Trong áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trước

mất được thực hiện ở các khâu, như: cải tạo đất, chống úng, chống mặn, bón phân, luân canh có hệ thống. Ngoài ra, để nền sản xuất nông nghiệp tiến lên sản xuất lớn hiện đại, theo Lênin phải thực hiện cơ khí hóa nông nghiệp. Mà thực chất là việc áp dụng các thành tựu của

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Thanh Hoá lần thứ XVIII đã xác định phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới là một trong 5 chương trình trọng tâm giai đoạn 2015 -2020. Nghị quyết chỉ rõ phải tập trung đẩy mạnh tái cơ cấu nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa quy mô lớn, nông nghiệp sạch, ứng dụng công nghệ cao tạo ra sản phẩm có năng suất, chất lượng, có khả năng cạnh tranh cao.

công nghiệp cơ khí vào sản xuất; đưa máy móc, công cụ cải tiến vào các khâu tưới nước, làm đất... Đây được coi là biện pháp đòn bẩy để phát triển sản xuất nông nghiệp. Người chỉ rõ: “*Những phát minh trong nông học và những cải tiến kinh tế đều biến ruộng đất cằn cỗi thành ruộng đất phì nhiêu*”⁴.

Thứ ba, phải từng bước nâng cao trình độ kỹ thuật, ý thức kỷ luật cho người lao động.

Để thực hiện công nghiệp hóa nhằm phát triển nông nghiệp, nông thôn, Lênin đặc biệt quan tâm tới nhân tố con người. Bởi vì, máy móc dù có hiện đại đến đâu, nếu không có con người sử dụng thì cũng không có ích, không phát huy được vai trò của nó. Theo Lênin, muốn công nghiệp hóa nông nghiệp thành công thì phải có đội ngũ những người lao động có trình độ khoa học, chuyên môn kỹ thuật; có tác phong công nghiệp và kỷ luật lao động nghiêm ngặt. Vì vậy, Lênin yêu cầu phải đảm bảo được các điều kiện về văn hóa, giáo dục, y tế, sức khỏe cho Nhân dân ở vùng nông thôn, Nhà nước cần có chính sách đầu tư thu hút cán bộ khoa học trẻ tình nguyện về các vùng nông thôn công tác...

Điểm lại những di sản tư tưởng của Lênin về công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, chúng ta lại càng thấy đó là những di sản tư tưởng có tầm vóc chiến lược và có ý nghĩa thực tiễn to lớn đối với toàn bộ sự nghiệp cách mạng của dân tộc ta. Nội dung tư tưởng của Lênin về công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn là hết sức phong phú, đó là một chỉnh thể nhiều nội dung thống nhất, quan hệ mật thiết và tác động, bổ sung cho nhau. Trong quá trình thực hiện phải tiến hành một cách đồng bộ và có kế hoạch.

Ở nước ta, ngay từ năm 1960, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III đã chỉ rõ công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đại hội cũng khẳng định phải phát triển công nghiệp và nông nghiệp, thực hiện một bước ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý, đồng thời ra sức phát triển nông nghiệp toàn diện, công nghiệp thực phẩm, công nghiệp nhẹ. Tuy nhiên, trong một thời gian tương đối dài, việc công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn ở nước ta chưa thực sự được chú trọng. Vì vậy, nông nghiệp, nông thôn nước ta cơ bản vẫn lạc hậu, năng suất, chất lượng thấp, đời sống nông dân hết sức khó khăn, kinh tế - xã hội của đất nước phát triển chậm.

Trong quá trình đổi mới, nhận thức sâu sắc tư tưởng của Lênin về công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, tại Hội nghị Trung ương bảy, khóa VII (tháng 7 năm 1994), chủ trương công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn của Đảng được hình thành và phát triển. Tại Hội nghị này, lần đầu tiên Đảng ta chỉ rõ phải gắn công nghiệp hóa với hiện đại hóa, đưa ra định nghĩa hoàn chỉnh về công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đồng thời xác định nội dung chủ yếu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa là công nghiệp hóa,

hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Đại hội khẳng định *“Phát triển nông, lâm, ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến, phát triển toàn diện kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để ổn định tình hình kinh tế, xã hội”*⁵. Việc xác định nội dung cơ bản này thể hiện việc vận dụng tư tưởng của Lênin và của Chủ tịch Hồ Chí Minh vào điều kiện cụ thể của một nước có nền kinh tế nông nghiệp, lạc hậu. Theo đó, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng (tháng 6-1996) mở đầu thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã quyết định và chỉ đạo phải coi trọng đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng (năm 2001) nêu rõ *“Con đường công nghiệp hoá, hiện đại hóa ở nước ta cần và có thể rút ngắn thời gian, vừa có những bước tuần tự, vừa có bước phát triển nhảy vọt”*⁶. Đối với nông nghiệp, nông thôn, phải *“Tăng cường sự chỉ đạo và huy động các nguồn lực cần thiết để đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn. Tiếp tục phát triển và đưa nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp lên một trình độ mới bằng ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ”*⁷.

Đặc biệt, Hội nghị lần thứ năm, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX ra quyết định về *“Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn thời kỳ 2001-2010”*. Đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng (tháng 4-2006), trên cơ sở phân tích những thuận lợi do bối cảnh quốc tế tạo ra và những tiềm năng lợi thế của đất nước, Đảng ta đã khẳng định phải *“Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn, giải quyết đồng bộ các vấn đề nông nghiệp, nông thôn và nông dân”*⁸. Trên cơ sở đó, Hội Nghị Trung ương 7, khóa X Đảng ta đã ban hành nghị quyết số 26 *“Về nông*

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH THANH HÓA

ng nghiệp, nông dân, nông thôn”. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng tiếp tục nhấn mạnh “phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại, hiệu quả và bền vững, phát huy lợi thế của nền nông nghiệp nhiệt đới”. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng khẳng định phải “*tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, chú trọng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, phát triển nhanh, bền vững; phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại*”⁹.

Từ sự phân tích trên cho thấy sự phát triển trong tư duy lãnh đạo của Đảng ta về công nghiệp hoá, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn qua các thời kỳ. Theo đó, nhiều chủ trương, chính sách lớn về công nghiệp hoá, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn được ban hành và tổ chức thực hiện. Vì

vậy, nông nghiệp nước ta phát triển mạnh theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả, đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc

gia; một số mặt hàng nông sản xuất khẩu chiếm vị thế cao trên thị trường thế giới. Kinh tế nông thôn chuyển dịch theo hướng tăng công nghiệp, dịch vụ, ngành nghề; các hình thức tổ chức sản xuất tiếp tục đổi mới. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được tăng cường; bộ mặt nhiều vùng nông thôn thay đổi. Đời sống vật chất và tinh thần của dân cư ở hầu hết các vùng nông thôn được cải thiện một cách toàn diện, góp phần quan trọng phát triển kinh tế - xã hội của cả nước. Hệ thống chính trị ở nông thôn được củng cố và tăng cường. Dân chủ cơ sở được phát huy. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Vị thế chính trị của giai cấp nông dân ngày càng được nâng cao.

Tuy nhiên, trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong xu thế hội nhập hiện nay, ngành nông nghiệp nước ta còn bộc lộ những hạn chế nhất định, phát triển chưa bền vững, năng suất lao động còn thấp; chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nhiều sản phẩm còn hạn chế. Điều này đặt ra cho chúng ta nhiệm vụ phải tiếp tục đẩy mạnh quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn, thực hiện thành công chương trình xây dựng nông thôn mới. Tiếp tục quán triệt và thực hiện tốt chủ trương coi nông

ng nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược lâu dài và là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước đã được tái khẳng định tại Kết luận số 54-KL/TW ban hành ngày 7 tháng 8 năm 2019 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục thực hiện Nghị quyết

Trung ương 7 khoá X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

Thanh Hoá là một tỉnh lớn, đất rộng, người đông, có nhiều tiềm năng lợi thế để phát triển nông nghiệp. Thực hiện chủ trương của Đảng, những năm qua, tỉnh luôn quan tâm đến phát triển nông nghiệp, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Đặc biệt, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XVIII đã xác định phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới là một trong 5 chương trình trọng tâm giai đoạn 2015 -2020. Nghị quyết chỉ rõ phải tập trung đẩy mạnh tái cơ cấu nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa quy mô lớn, nông nghiệp sạch, ứng dụng công nghệ cao tạo ra sản phẩm có năng suất, chất lượng, có khả năng cạnh tranh cao.

Trong thời gian tới, Thanh Hoá xác định phải tập trung mọi nguồn lực, từng bước xây dựng một nền nông nghiệp hiện đại, khả năng cạnh tranh cao, thích ứng với biến đổi khí hậu, trở thành một trong những trụ cột tăng trưởng của tỉnh.

Sau gần 5 năm thực hiện Nghị quyết, sản xuất nông nghiệp mặc dù bị thiệt hại nặng nề do thiên tai, dịch bệnh, nhưng vẫn phát triển ổn định và đạt kết quả khá toàn diện, năng suất, chất lượng, hiệu quả ngày càng nâng cao; tốc độ tăng giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản bình quân hàng năm dự kiến đạt 3%; giá trị sản xuất năm 2020 dự kiến đạt 29.176 tỷ đồng, gấp 1,16 lần năm 2015. Tái cơ cấu ngành trồng trọt, tích tụ, tập trung ruộng đất được đẩy mạnh; hình thành và nhân rộng một số mô hình sản xuất nông nghiệp công nghệ cao; các vùng cây nguyên liệu được duy trì, phát triển, bảo đảm cung cấp nguyên liệu cho các nhà máy chế biến; năng suất hầu hết các cây trồng chính đều tăng; sản lượng lương thực hàng năm luôn đạt trên 1,6 triệu tấn. Chăn nuôi phát triển theo mô hình gia trại, trang trại công nghiệp gắn với bảo vệ môi trường. Đặc biệt, xây dựng nông thôn mới trên địa bàn đạt kết quả vượt bậc, hiện nay toàn tỉnh có 6 đơn vị cấp huyện, 376 xã và 950 thôn, bản hoàn thành xây dựng nông thôn mới; tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới là 64,46%, vượt mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII đã đề ra; bình quân toàn tỉnh đạt 17,5 tiêu chí/xã, tăng 5,2 tiêu chí so với năm 2015; đời sống vật chất và tinh thần của người dân ở khu vực nông thôn được nâng lên rõ rệt.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả nêu trên, việc tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa vẫn còn chậm. Diện tích đất được tích tụ, tập trung, sản xuất hàng hoá quy mô lớn chưa nhiều. Việc gắn kết giữa sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp còn nhiều khó khăn; sản phẩm sau chế biến còn ít dẫn đến chất lượng và giá trị nông sản thấp. Việc thu hút đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của tỉnh. Vì vậy, trong thời gian tới, Thanh Hoá xác định phải

tập trung mọi nguồn lực, từng bước xây dựng một nền nông nghiệp hiện đại, khả năng cạnh tranh cao, thích ứng với biến đổi khí hậu, trở thành một trong những trụ cột tăng trưởng của tỉnh. Điều này không chỉ góp phần quan trọng vào bảo đảm quốc phòng - an ninh, trật tự - an toàn xã hội, tạo môi trường ổn định cho kinh tế - xã hội phát triển, mà còn là điều kiện, tiền đề quan trọng để thực hiện thắng lợi mục tiêu chung đó là đến năm 2025 nằm trong nhóm các tỉnh dẫn đầu cả nước, đến năm 2030 trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại./.

Chú thích:

¹ *V.I.Lênin toàn tập. Tập 32, Nxb Tiến bộ, M. 1970, trang 528 - 529.*

² *V.I. Lênin, Bàn về thuế lương thực – Nxb Sự Thật, Hà Nội 1984, trang 24*

³ *Lênin toàn tập, Tập 3, Nxb Tiến Bộ, M. 1976, trang 21-22*

⁴ *Lênin toàn tập, Tập 5, Nxb Tiến Bộ, M, 1975, trang 127.*

⁵ *Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Hội nghị Trung ương VII khóa VII. Nxb Chính trị Quốc Gia, Hà Nội 1994, trang 60*

⁶ *Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội 2001, trang 91*

⁷ *Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội 2001, trang 92.*

⁸ *Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội 2006, trang 88.*

⁹ *Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội 2016, trang 90.*

CHỦ NGHĨA NHÂN VĂN TRONG DI CHỨC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH Ý NGHĨA TRONG XÂY DỰNG ĐẢNG, XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

ThS. Tạ Văn Hưng*

Xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh là yêu cầu khách quan để hoàn thành các mục tiêu chiến lược xuyên suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, cũng như thực tiễn đổi mới đất nước hiện nay. Một trong những nội dung của xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị chính là xây dựng văn hóa trong Đảng và trong cả hệ thống chính trị. Việc nghiên cứu tư tưởng nhân văn, đạo đức, văn hóa Hồ Chí Minh sẽ gợi mở cho chúng ta nhiều giá trị và ý nghĩa to lớn trong công cuộc xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị hiện nay.

1. Chủ nghĩa nhân văn trong Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh

Tư tưởng nhân văn (nhân đạo), chủ nghĩa nhân văn (nhân đạo), xét đến cùng cũng chính là tư tưởng về con người và phận người. Trong lịch sử tư tưởng nhân loại, đã có nhiều học thuyết, tư tưởng nhân văn phản ánh tâm tư, nguyện vọng của con người muốn được giải phóng khỏi mọi bế tắc đến từ tự nhiên, xã hội và từ chính mình, được thể hiện ở những mức độ, trình độ và góc tiếp cận khác nhau.

Nhìn chung, những tư tưởng nhân văn, nhân đạo ấy chỉ mới dừng lại là ước mơ, là sự phản ánh nguyện vọng được giải phóng của con người, về tương lai và mối quan hệ xã hội tốt đẹp hơn. Điều này được phản ánh trong nhiều học thuyết triết học trước C.Mác, đặc biệt là chủ nghĩa xã hội không tưởng thế kỷ XVII – XVIII và các tôn giáo.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kế thừa những giá trị nhân văn cao cả của dân tộc, nhân loại

và đặc biệt là chủ nghĩa nhân đạo cộng sản của C. Mác, Ăng – ghen và Lênin. Điều đó đã giải thích vì sao tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung và chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh nói riêng luôn luôn là linh hồn, “ngọn cờ lãnh đạo cách mạng Việt Nam”, “luong tâm của thời đại”, có sức sống bền vững và ảnh hưởng sâu sắc đến tư tưởng, tình cảm của Nhân dân Việt Nam.

Chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh trước hết thể hiện ở tư tưởng yêu thương con người. Tình thương yêu con người của Bác không phải là tình thương hại của bề trên, cũng không phải là sự động lòng trắc ẩn của người đứng ngoài, mà là sự đồng cảm của những con người cùng cảnh ngộ.

Chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh chính là tình thương yêu con người bao la vượt lên mọi hoàn cảnh. Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh sẽ thấy, triết lý sống của Người chính là “Nghĩ cho cùng, mọi vấn đề... là vấn đề ở đời và làm người. Ở đời và làm người là phải thương nước, thương dân, thương nhân loại đau khổ bị áp bức. Phải làm sao đóng góp làm cho nước được độc lập, dân được tự do, hạnh phúc, nhân loại khỏi đau khổ”¹.

2. Nội dung chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh

Chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh trước hết thể hiện ở tư tưởng yêu thương con người. Tình thương yêu con người của Bác không phải là tình thương hại của bề trên, cũng không phải

(*) Phó trưởng Khoa Lý luận cơ sở

là sự động lòng trắc ẩn của người đứng ngoài, mà là sự đồng cảm của những con người cùng cảnh ngộ. Đó chính là nét đặc sắc, cũng là cái vượt lên trên các học thuyết, tư tưởng nhân bản trước Mác.

Trong chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh, bao dung, độ lượng là một thành tố không thể thiếu. Người luôn khắt khe với chính mình nhưng lại bao dung, độ lượng với những người xung quanh. Thái độ bao dung, độ lượng của Bác cũng rất đặc sắc. Bao dung nhưng không phải bỏ qua sai lầm, khuyết điểm. Đối với cán bộ có khuyết điểm thì phải sửa, muốn sửa được thì phải nhận ra khuyết điểm. Cho nên Người đề cao tinh thần phê bình và tự phê bình để sửa chữa khuyết điểm của cán bộ, từ đó giúp cán bộ hoàn thiện hơn, phục vụ đất nước và Nhân dân tốt hơn. Thái độ đối với sai lầm của Bác cũng đặc sắc và đầy tính nhân văn. Ở đời có ai không sai lầm nhưng quan trọng phải biết bỏ tới, về sáng. Bác luôn khoan dung với những người lầm lỡ như vậy. Còn những người mắc sai lầm đi ngược đường lối đúng đắn của Đảng, Chính phủ, làm sai đường lối, pháp luật, làm tổn hại đến uy tín của Đảng, Chính phủ, gây hại cho lợi ích của đất nước của Nhân dân thì nghiêm trị theo pháp luật, nhưng Bác cũng rất đau xót, luôn tự nhận trách nhiệm giáo dục cán bộ chưa đến nơi đến chốn để cán bộ mắc sai lầm không thể tha thứ.

Có thể nói, chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh cô đọng nhất trong Di chúc. Bác viết: *“Đầu tiên là vấn đề con người”* và *“Cuối cùng tôi để lại muôn vàn tình thân yêu cho toàn dân, toàn Đảng, cho toàn thể bộ đội, cho các cháu thanh niên và nhi đồng”*.

Chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh là giải phóng con người, mà trước tiên là những người cùng khổ.

Xưa nay, giai cấp thống trị coi khinh quần chúng lao động, cho họ là đám người ngu dốt, tiêu cực, thụ động. Nếu có tiến bộ lắm thì cũng chỉ mới phát hiện ra *“Đầy thuyền cũng là dân,*

lật thuyền cũng là dân”, hay *“dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh”*. Họ hoàn toàn chưa phát hiện ra sức mạnh vô địch đến từ Nhân dân.

Hồ Chí Minh sống trong lòng quần chúng Nhân dân cần lao, hiểu được tâm tư, nguyện vọng và sức mạnh to lớn của quần chúng, nhất là khi họ được trang bị lý luận khoa học của Chủ nghĩa Mác – Lênin. Nên tình yêu thương quần chúng ở Bác gắn liền với niềm tin mãnh liệt vào sức mạnh, tính chủ động, sáng tạo của quần chúng Nhân dân và lòng kính trọng Nhân

Tình yêu thương quần chúng ở Bác gắn liền với niềm tin mãnh liệt vào sức mạnh, tính chủ động, sáng tạo của quần chúng Nhân dân và lòng kính trọng Nhân dân thực sự. Yêu thương – tin tưởng tuyệt đối - kính trọng quần chúng cần lao, ấy là nét đặc sắc vượt lên mọi học thuyết nhân bản cũ để tạo nên sự quuyền rũ của Chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh.

dân thực sự. Yêu thương – tin tưởng tuyệt đối - kính trọng quần chúng cần lao, ấy là nét đặc sắc vượt lên mọi học thuyết nhân bản cũ để tạo nên sự quuyền rũ của Chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh.

Một nét đặc sắc khác trong chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh, đó là, mặc dù là chủ nghĩa nhân văn, triết học nhân văn nhưng không phải là hệ thống phạm trù, khái niệm chung trừu tượng như truyền thống triết học Tây phương, mà triết học nhân văn Hồ Chí Minh là tổng hòa tư tưởng hành động nhân văn rất cụ thể và gần gũi, thể hiện thái độ ứng xử phù hợp đối với từng tầng lớp người khác nhau trong xã hội.

Trong Di chúc, Người nhấn mạnh, *“Đầu tiên là công việc đối với con người và đề ra yêu cầu, thái độ, chính sách đối với các lớp người khác nhau: “Đối với những người đã dũng cảm hy sinh một phần xương máu của mình (cán bộ, binh sỹ, dân quân, du kích, thanh niên xung phong...), Đảng, Chính phủ và đồng bào phải*

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH THANH HÓA

tìm mọi cách làm cho họ có nơi ăn, chốn ở yên ổn, đồng thời phải mở những lớp dạy nghề thích hợp với mỗi người để họ có thể dần dần tự lực cánh sinh”.

Đối với các liệt sỹ, mỗi địa phương (thành phố, làng xã) cần xây dựng vườn hoa và bia kỷ niệm ghi sự hy sinh anh dũng của các liệt sỹ, để đời đời giáo dục tinh thần yêu nước cho Nhân dân ta.

Đối với cha, mẹ, vợ con (của thương binh và liệt sỹ) mà thiếu sức lao động và túng thiếu, thì chính quyền địa phương... phải giúp đỡ họ có công việc làm ăn thích hợp, quyết không để họ bị đói rét.

Những chiến sỹ trẻ tuổi trong các lực lượng vũ trang Nhân dân và thanh niên xung phong đều đã được rèn luyện trong chiến đấu và đều tỏ ra dũng cảm. Đảng và Chính phủ cần chọn một số ưu tú nhất, cho các cháu ấy đi học thêm các ngành, nghề để đào tạo thành cán bộ và công nhân có kỹ thuật giỏi, tư tưởng tốt, lập trường cách mạng vững chắc. Đó là đội quân chủ lực trong công cuộc xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh còn là xây dựng con người, giải phóng con người về đạo đức, nhân cách, tài năng, trí tuệ. Theo đó, xây dựng con người trong đó có đội ngũ cán bộ, đảng viên thì đầu tiên là xây dựng về đạo đức, nhân cách. Đạo đức, nhân cách của cán bộ, đảng viên trước hết hình thành từ yêu cầu khách quan của công cuộc giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội và giải phóng Nhân dân. Ngày nay còn là yêu cầu khách quan của sự nghiệp đổi mới, hội nhập quốc tế, bảo vệ và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội Việt Nam.

Vậy người cán bộ, đảng viên thì cần đạo đức, nhân cách nào? Đó chính là đạo đức, nhân cách cách mạng.

Cách mạng trước hết là cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới. Cán bộ, đảng viên là lực lượng nòng cốt đi đầu trong cách mạng, cho nên cán bộ, đảng viên phải có đạo đức cách

mạng. Người nhân mạng: *“Vì muốn giải phóng cho dân tộc, giải phóng cho loài người là công việc to tát, mà tự mình không có đạo đức, không có căn bản, tự mình hủ hóa, xấu xa thì còn làm nổi việc gì?”*. Đạo đức cách mạng của người cán bộ, đảng viên là phải cần kiệm, liêm chính, chí công, vô tư, *“Trung với nước, với Đảng”, “Hiếu với dân”*.

Như vậy có thể nói, chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh là chủ nghĩa nhân văn hành động, hành động để giải phóng con người, giải phóng Nhân dân. Tất cả vì con người, vì Nhân dân. Người căn dặn: *“Yêu nước thì việc gì có lợi cho Nhân dân, dù khó mấy cũng phải ra sức làm cho kỳ được. Điều gì có hại cho Nhân dân, dù khó mấy cũng phải ra sức trừ cho kỳ hết”*.

Chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh là chủ nghĩa nhân văn hành động, hành động để giải phóng con người, giải phóng Nhân dân. Tất cả vì con người, vì Nhân dân. Người căn dặn: “Yêu nước thì việc gì có lợi cho Nhân dân, dù khó mấy cũng phải ra sức làm cho kỳ được. Điều gì có hại cho Nhân dân, dù khó mấy cũng phải ra sức trừ cho kỳ hết”.

3. Ý nghĩa trong xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh ở nước ta hiện nay

Xây dựng Đảng, xây dựng Hệ thống chính trị thực chất là xây dựng đội ngũ con người và cấu trúc tổ chức của Đảng và Hệ thống chính trị. Không có con người tốt thì không có tổ chức Đảng và đoàn thể chính trị tốt. Ngược lại cấu trúc tổ chức và cơ chế vận hành của tổ chức không khoa học thì kìm hãm sự phát triển của con người. Vì vậy xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị xét đến cùng cũng là vấn đề về con người, và vấn đề con người cũng là vấn đề của tổ chức. Đây là hai mặt của mối quan hệ biện chứng con người - tổ chức và tổ chức - con người.

Vậy hiện nay trong công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị ở nước ta đang đặt ra những vấn đề gì?

Đảng ta luôn xác định xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt. Trong Di chúc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn “Việc cần làm trước tiên là xây dựng, chỉnh đốn lại Đảng”. Mục đích của xây dựng, chỉnh đốn Đảng là để cán bộ, đảng viên, đoàn viên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao và hết lòng, hết sức phụng sự Nhân dân, phụng sự đất nước.

Mặc dù công tác xây dựng Đảng, hệ thống chính trị đã đạt được nhiều thành tựu, nhưng vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế, khuyết điểm. Nghị quyết số 04-NQ/TW, ngày 30 tháng 10 năm 2016 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa XII đã chỉ rõ 9 biểu hiện suy thoái chính trị tư tưởng, 9 biểu hiện suy thoái về đạo đức, lối sống và 9 biểu hiện về “Tự diễn biến”, “Tự chuyển hóa” trong nội bộ. Đây chính là những vấn đề nhức nhối, cấp bách đang đặt ra trong công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay. Những vấn đề này nếu không sớm được khắc phục dứt điểm thì Đảng sẽ tự đánh mất vai trò lãnh đạo, cầm quyền của mình.

Nghiên cứu chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh cho chúng ta một gợi mở đáng quan tâm trong công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh hiện nay, đó là, quá trình vừa thanh lọc cũ, vừa tuyển chọn mới. Để xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị thật sự trong sạch, vững mạnh, hiệu lực, hiệu quả, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, thì trước hết phải thanh lọc hàng ngũ, “thà ít mà tốt” còn hơn đông, nhiều mà hiệu quả thấp, thậm chí gây mất uy tín của Đảng, của hệ thống chính trị, tổn hại lợi ích quốc gia, dân tộc và Nhân dân. Sẵn sàng loại bỏ những cán bộ, đảng viên suy thoái phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống. Ngăn chặn tình trạng một số cán bộ, đảng viên có chức vụ, quyền hạn sống xa hoa, lãng phí ở nhà lầu, đi xe hơi sang trọng, dùng những thứ

xa xỉ đắt tiền, trong khi đất nước và phần đông Nhân dân còn nghèo khổ, khó khăn. Phải đủ dũng khí để thanh lọc, thanh lọc ngay cả một số cán bộ lãnh đạo, thậm chí cả người đứng đầu một tỉnh, một ngành mà có biểu hiện suy thoái, biến chất, xa hoa, lãng phí.

Bên cạnh đó cũng cần tuyển chọn mới những người có đức, có tài, có thể họ chưa là đảng viên, chưa tham gia các lớp học tập lý luận chính trị, nhưng họ yêu nước, yêu chế độ, có năng lực thực sự cũng nên tuyển chọn, bố trí công việc phù hợp. Muốn tìm được người có đức, có tài cần phải đổi mới các kỳ thi công chức, phải có khung chuẩn quốc gia về phẩm chất, năng lực cho từng vị trí, từng cấp bậc, tránh tình trạng bỏ bỏ nhiệm con, anh bỏ nhiệm em và cũng cần luôn luôn quán triệt tinh thần “*Thà ít mà tốt*” trong tuyển chọn, bổ nhiệm cán bộ. Có vậy tương lai mới có được một đội ngũ cán bộ mới tinh thông khoa học, ngoại ngữ, giỏi lãnh đạo, quản lý, nhân văn, bác ái trong Đảng và hệ thống chính trị.

Tóm lại, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã rời xa Nhân dân ta hơn nửa thế kỷ nhưng Chủ nghĩa nhân văn của Người vẫn còn nguyên giá trị trong tinh thức nhân cách của mỗi chúng ta hôm nay và trong công cuộc xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh hiện nay.

¹ Trích Bài nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Hội nghị học tập của cán bộ ngành Tư pháp năm 1950.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Giá trị nhân văn trong Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh.*

Nxb Văn hóa - Văn nghệ thành phố Hồ Chí Minh, năm 2019

2. *Hồ Chí Minh, Toàn tập, t5,6,7. Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Năm 2011*

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA ĐỨC VÀ TÀI CỦA NGƯỜI CÁN BỘ VÀ MỘT SỐ YÊU CẦU ĐẶT RA TRONG CÔNG TÁC BỒI DƯỠNG CÁN BỘ Ở TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH THANH HÓA

ThS. Trịnh Thị Phượng*

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất quan tâm đến công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, theo Người cán bộ là “*gốc của mọi công việc*”¹, “*Muốn việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hoặc kém*”². Cũng theo Người, đối với người cán bộ cách mạng, hai mặt đức và tài, phẩm chất và năng lực, không thể thiếu mặt nào, cũng không thể coi nhẹ mặt nào. Tài của người cán bộ cách mạng là năng lực của họ, được biểu hiện bằng hiệu suất, hiệu quả hoạt động trong một lĩnh vực thực tiễn nào đó. Tài năng của người cán bộ phụ thuộc vào nhiều yếu tố như tâm - sinh lý, trí lực, thể lực... và là kết quả của một quá trình học tập, tích lũy kinh nghiệm của mỗi người. Bởi vậy, trong sử dụng cán bộ, Người dạy phải “biết tùy tài mà dùng người”. Để có được tài năng, người cán bộ cách mạng cần phải tích cực học tập, kiên trì rèn luyện, phải thực hiện lời dạy của Lênin “Học, học nữa, học mãi”.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, đức và tài phải luôn gắn bó chặt chẽ, quan hệ biện chứng với nhau trong nhân cách của người cán bộ cách mạng. Trong mối quan hệ đó thì đức phải được đặt lên hàng đầu “Đức phải có trước tài”,

đức là “gốc”. Nếu có tài mà không có đức là vô dụng, vì “có tài không có đức, tham ô hủ hoá có hại cho nước”. Bên cạnh đó, Người cũng nói rõ: “Có đức không có tài như ông bụt ngồi trong chùa, không giúp ích gì được ai”.

Đề cập sự thống nhất đức và tài của người cán bộ, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Có tài phải có đức”. Đức và tài phải được biểu hiện

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, đức và tài phải luôn gắn bó chặt chẽ, quan hệ biện chứng với nhau trong nhân cách của người cán bộ cách mạng. Trong mối quan hệ đó thì đức phải được đặt lên hàng đầu “Đức phải có trước tài”, đức là “gốc”.

trên kết quả công tác và phải luôn thống nhất, gắn bó chặt chẽ với nhau trong nhân cách người cán bộ cách mạng. Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, người cán

bộ cách mạng trước hết phải có đạo đức cách mạng, bởi vì “đạo đức là gốc của người cách mạng”. Người khẳng định: “Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được Nhân dân”; và “Mọi việc thành hay là bại, chủ chốt là do cán bộ có phẩm chất đạo đức cách mạng, hay là không”. Người cũng xác định rõ mục đích của công tác đào tạo, bồi dưỡng nhằm tạo ra những cán bộ có đủ phẩm chất cách mạng và năng lực công tác tốt, đó là “cán bộ có đức, có tài”, “vừa hồng vừa chuyên”.

(*) GV Khoa Lý luận Cơ sở

Trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp và thường xuyên của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Ngoài chức năng chủ yếu của Nhà trường là tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý của hệ thống chính trị cấp cơ sở, cán bộ, công chức, viên chức ở địa phương. Trong đó có nhiệm vụ bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước cho các chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương; kiến thức quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch cán sự và tương đương, ngạch chuyên viên và tương đương; ngạch chuyên viên chính và tương đương. Bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyên môn, nghiệp vụ cho các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý; cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ của các tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể Nhân dân cấp cơ sở.

Trước yêu cầu của sự nghiệp CNH, HĐH đất nước cùng những tác động tiêu cực của mặt trái nền kinh tế thị trường; từ thực trạng công tác cán bộ của Đảng, nhất là việc tu dưỡng, rèn luyện của cán bộ, đảng viên và sự chống phá quyết liệt của các thế lực thù địch bằng “diễn biến hòa bình”; từ nguy cơ “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, Hội nghị Trung ương 4 (khóa XII) đã chỉ rõ yêu cầu cấp thiết hiện nay đòi hỏi Đảng cần chú trọng công tác rèn luyện, xây dựng đội ngũ cán bộ có đủ đức và tài, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng.

Để quán triệt tư tưởng của Người về mối quan hệ giữa đức và tài của người cán bộ, đáp ứng được những yêu cầu cấp thiết trong công tác rèn luyện, xây dựng đội ngũ cán bộ cấp cơ sở cho tỉnh nhà hiện nay, yêu cầu đặt ra đối với công tác bồi dưỡng cán bộ của Trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa ngày càng cao hơn. Trong bài viết này tác giả đưa ra một số yêu cầu sau đây:

Thứ nhất, thường xuyên đổi mới nội dung, chương trình bồi dưỡng

Với mục tiêu có tính đặc thù của công tác bồi dưỡng của Trường Chính trị là bồi dưỡng, cập nhật kiến thức mới và các kỹ năng lãnh đạo, quản lý để thực thi chức năng, nhiệm vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; góp phần xây dựng đội ngũ ngũ cán bộ, công chức, viên

Mục đích của công tác đào tạo, bồi dưỡng phải xác định động cơ, thái độ cho người học là “học để làm việc, làm người, làm cán bộ...”, từ đó góp phần xây dựng ngũ cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh có đủ phẩm chất, năng lực và uy tín đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác trong tình hình mới.

chức trên địa bàn tỉnh có đủ phẩm chất, năng lực và uy tín đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác trong tình hình mới. Vì vậy, cần phải xây dựng nội dung chương trình bám sát phương châm “rõ hơn về lý luận, sát với đối tượng, phù hợp với thực tiễn”. Trên cơ sở nội dung chương trình của Bộ Nội vụ, Nhà trường cần xây dựng chương trình cho phù hợp với từng đối tượng. Nội dung chương trình phải gắn kết chặt chẽ giữa nâng cao kiến thức với trau dồi phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng cho cán bộ, làm cho cán bộ công chức, viên chức được bồi dưỡng một cách toàn diện về kiến thức chuyên môn, kiến thức lý luận, kỹ năng lãnh đạo, quản lý, kỹ năng xử lý tình huống... và trang bị phương pháp tư duy, phương pháp làm việc khoa học... Nội dung chương trình bồi dưỡng phải có tri thức lý luận cơ bản và tri thức thực hành, vừa trang bị tri thức, vừa trang bị phương pháp luận, phân tích các tình huống thực tiễn, gắn lý luận với thực tiễn ở địa phương, cơ sở.

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH THANH HÓA

Ngoài ra, yêu cầu bồi dưỡng ở Trường Chính trị là nơi người học được bồi dưỡng nhân cách, niềm tin son sắt vào lý tưởng của Đảng, sự chín chắn về chính trị, phẩm chất đạo đức. Do vậy, nội dung chương trình phải bao hàm cả mặt bồi dưỡng đạo đức, niềm tin cách mạng. Nghĩa là, trong nội dung cần phải bồi dưỡng kiến thức lý luận Mác - Lênin, cần chú ý phân tích làm rõ mặt tư tưởng, nhân văn, nhân đạo trong các nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin; các chuyên đề học tập làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Bên cạnh đó, cần chú ý đến thời gian bồi dưỡng, không nên ôm đồm dàn trải quá nhiều chuyên đề, thời gian lên lớp không hợp lý dẫn đến tình trạng bồi dưỡng chưa sâu, dẫn đến không hiệu quả, lãng phí. Tăng cường hướng dẫn nghiên cứu cá nhân, đưa ra các tình huống giải quyết, viết bài thu hoạch cuối khóa.

Bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh là việc làm thường xuyên, diễn ra hàng năm. Để tránh lặp lại, gây ra sự nhàm chán đối với người học, Nhà trường nên thường xuyên đổi mới nội dung chương trình bồi dưỡng theo hướng đảm bảo tính thời sự, thiết thực đối với việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của cán bộ, công chức, viên chức, sẽ tạo được sự quan tâm, thu hút của người học.

Thứ hai, đa dạng hóa các hình thức bồi dưỡng

Thực tế, những năm qua Nhà trường đã đa dạng hóa các hình thức bồi dưỡng cho phù hợp với từng đối tượng học viên. Hàng năm, đã mở tại trường các lớp bồi dưỡng cho cán bộ cấp phòng, công chức cấp xã, bồi dưỡng đội ngũ Bí thư, Chủ tịch, Chủ tịch Hội đồng Nhân dân cấp

xã. Mở tại huyện các lớp bồi dưỡng đại biểu Hội đồng Nhân dân cấp xã, lớp nguồn lãnh đạo cấp huyện. Tuy nhiên, trong những năm tới, Nhà trường cần đẩy mạnh bồi dưỡng theo chức

Mỗi cán bộ, giảng viên cần phải có trách nhiệm chính trị cao, am hiểu sâu - rộng về chuyên môn, nghiệp vụ; có tố chất, phẩm chất của nhà sư phạm, nhà khoa học, nhà lãnh đạo, quản lý. Phải có phong cách làm việc khoa học, dân chủ, nêu gương. Hướng tới phải là những chuyên gia trên các lĩnh vực mới đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng thời kỳ mới.

danh, mở các lớp sát với từng loại đối tượng như đối với cấp tỉnh thì mở lớp theo ngành, lĩnh vực; cấp huyện thì mở theo cán bộ, công chức huyện; nên mở lớp riêng cho đối tượng ở xã và đối tượng ở phường, thị trấn.

Thứ ba, đổi mới phương pháp bồi dưỡng

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nêu: “Học tập ở trường của Đoàn thể không phải như học ở các trường cũ” tức là thầy giảng, trò phải ghi và khi thi thì trả bài nguyên xi như thầy giảng. Mục đích của công tác đào tạo, bồi dưỡng phải xác định động cơ, thái độ cho người học là “học để làm việc, làm người, làm cán bộ...”, từ đó góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh có đủ phẩm chất, năng lực và uy tín đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác trong tình hình mới. Vì vậy, giảng viên lên lớp không nên đi sâu vào học thuật, dành phần lớn thời lượng để hướng dẫn học viên giải quyết tình huống, làm các bài tập thực hành gắn với công việc thực tế. Khắc phục triệt để lối truyền thụ một chiều, dành thời gian để học viên trao

đổi, thảo luận, thực hành ngay trên lớp. Áp dụng phương pháp dạy học tích cực, theo hướng biến quá trình học tập thành quá trình tự học, tự nghiên cứu với ý thức chủ động, tự giác của mỗi học viên, theo sự gợi mở, định hướng của giảng viên. Cụ thể, phát huy vai trò quản lý, tư vấn, hướng dẫn của giảng viên và vai trò làm chủ của học viên trong dạy - học; thực hiện tốt phương châm 3 tăng (*tăng* tính chủ động; *tăng* rèn phẩm chất, kỹ năng; *tăng* xử lý tình huống), 3 giảm (*giảm* thụ động; *giảm* lý thuyết; *giảm* độc thoại). Chú trọng đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng chuyển từ “dạy cái giảng viên có sang dạy cái học viên cần”. Thực hiện có hiệu quả việc kết nối giữa giảng viên với học viên trước, trong, sau quá trình đào tạo, bồi dưỡng. Tăng cường cập nhật kiến thức mới, các chuyên đề thực tiễn; các hoạt động ngoại khóa; nghe báo cáo chuyên đề của các nhà khoa học, các chuyên gia, các nhà quản lý về phát triển kinh tế - xã hội, công tác xây dựng Đảng, nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị... nhằm rèn luyện kỹ năng lãnh đạo, quản lý cho học viên.

Thứ tư, nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên

Trước yêu cầu thực tiễn hiện nay, đòi hỏi phải đào tạo, bồi dưỡng người cán bộ phải “vừa có đức, vừa có tài”. Vì vậy, người làm công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cũng phải “vừa có đức, vừa có tài”. Nghĩa là, giảng viên phải vừa có kiến thức chuyên môn sâu, vừa am hiểu rộng các lĩnh vực có liên quan, có khả năng nghiên cứu khoa học, nghiên cứu thực tế, tổng kết thực tiễn, có phương pháp truyền đạt hiệu quả. Nhưng đồng thời phải có phẩm chất chính trị, lương tâm đạo

đức nghề nghiệp, đặc biệt phải là những tấm gương đạo đức cách mạng. Trong việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, phẩm chất đạo đức cách mạng bao giờ cũng là yêu cầu được Hồ Chí Minh đặt lên hàng đầu. Bởi vậy, mỗi cán bộ, giảng viên cần phải có trách nhiệm chính trị cao, am hiểu sâu - rộng về chuyên môn, nghiệp vụ; có tố chất, phẩm chất của nhà sư phạm, nhà khoa học, nhà lãnh đạo, quản lý. Phải có phong cách làm việc khoa học, dân chủ, nêu gương. Hướng tới phải là những chuyên gia trên các lĩnh vực mới đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng thời kỳ mới.

Tóm lại: Nắm vững giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh về quan hệ đức và tài của người cán bộ, trước những yêu cầu của thực tiễn hiện nay đòi hỏi Trường Chính trị Thanh Hóa cần phải liên tục đổi mới nội dung, chương trình bồi dưỡng cho phù hợp với tình hình thực tế, từng đối tượng học viên; đổi mới hình thức, phương pháp bồi dưỡng; nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên. Có như vậy, chất lượng bồi dưỡng cán bộ của Nhà trường mới được nâng lên, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh có đủ phẩm chất, năng lực và uy tín đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác trong tình hình mới./.

¹ Hồ Chí Minh Toàn tập, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội năm 2002, tập 5, trang 269

² Hồ Chí Minh Toàn tập, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội năm 2002, tập 5, trang 273

TRAO ĐỔI VỀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRONG SOẠN BÀI GIẢNG

TS. Thịnh Văn Khoa*

Quá trình giảng dạy là quá trình được thực hiện rất công phu thông qua nhiều bước công việc như: nghiên cứu giáo trình, thu thập các tài liệu có liên quan, soạn bài giảng, thực hiện giảng dạy trên lớp... Trong các bước công việc đó, soạn bài giảng có vị trí quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến thực hiện mục tiêu giảng dạy cũng như mục đích của khóa học. Bài viết trao đổi một số vấn đề trong soạn bài giảng, góp phần nâng cao chất lượng chuẩn bị bài giảng nói riêng và chất lượng giảng dạy nói chung.

1. Xác định đúng mục tiêu của bài giảng

Thuật ngữ “mục tiêu” và “mục đích” của bài giảng hiện còn có nhiều ý kiến khác nhau. Theo quan niệm của chúng tôi, mục đích rộng lớn hơn mục tiêu và khó có thể xác định mục

Khi soạn bài giảng, giảng viên phải tuân theo những quy tắc về phương pháp và phương pháp luận. Trước hết, phải làm cho bài giảng phù hợp với chân lý, với hiện thực khách quan, phản ánh đúng sự thật, hiện tượng và mối quan hệ nhân quả giữa chúng.

đích, trong mỗi bài giảng chỉ nên xác định mục tiêu. Việc đạt được từng mục tiêu, từng nhóm mục tiêu sẽ đạt tới một mục đích nhất định như mục đích của môn học, mục đích của khóa học.

Mục tiêu của bài giảng là những ý định giảng dạy - ý định truyền đạt, rèn luyện, được thể hiện thông qua ba tiêu chí sau:

- *Mục tiêu về nhận thức.* Thể hiện người học hiểu được đúng bản chất vấn đề; ở mức độ cao hơn, trên cơ sở hiểu biết đó có thể tự nhận thức các nội dung khác hoặc giải quyết một tình huống cụ thể trong thực tế.

- *Mục tiêu về kỹ năng.* Là mục tiêu đạt được tay nghề, kinh nghiệm, hoạt động nhất định để giải quyết một công việc cụ thể.

- *Mục tiêu về ý chí.* Là mục tiêu nâng cao ý thức, động cơ để nhận thức và cải tạo. Được biểu hiện trong các hoạt động thực tiễn.

Vậy, vì sao trong việc soạn bài giảng phải xác định đúng mục tiêu, theo chúng tôi, xuất phát từ những lý do sau đây:

Thứ nhất, mục tiêu của từng bài giảng sẽ hợp thành mục tiêu của cả môn học và hợp thành mục đích của cả khóa học. Như vậy, việc xác định đúng mục tiêu của từng bài giảng sẽ đặt bài giảng vào đúng vị trí trong chương trình, góp phần vào việc thực hiện mục đích đào tạo của khóa học.

Thứ hai, mục tiêu quán xuyên suốt cả quá trình soạn bài giảng cũng như các công đoạn khác trong quá trình giảng dạy. Xuất phát từ mục tiêu, việc

lựa chọn kiến thức giảng dạy sẽ phù hợp, không vượt quá giới hạn, và tránh bỏ sót nội dung cần thiết.

Thứ ba, mục tiêu luôn gắn với đối tượng người học, là cái mà người học cần đạt được trong mỗi bài giảng. Xác định đúng mục tiêu của bài giảng sẽ đảm bảo cho nội dung kiến thức của bài giảng phù hợp với đối tượng, đáp ứng được nhu cầu nhận thức và rèn luyện của người học.

2. Xác định những nội dung trọng tâm của bài giảng

Trong mỗi bài giảng thường có một số nội dung quan trọng làm trọng tâm, những nội

(*) Phó Hiệu trưởng

dung này có quan hệ chặt chẽ với mục tiêu của bài giảng. Việc xác định được những nội dung trọng tâm của bài giảng sẽ liên kết các nội dung khác theo một logic nhất định và hướng nhiệm vụ của bài giảng tập trung vào truyền tải các nội dung đó, còn các nội dung khác chỉ là bổ trợ, minh họa hoặc được thể hiện để mang tính hệ thống của bài giảng.

Trong mỗi bài giảng nên có những tiêu kết cho mỗi suất tri thức, đặc biệt là những suất tri thức là trọng tâm của bài giảng, điều đó sẽ khắc sâu vào trí nhớ của người học. Các tiêu kết cho mỗi suất tri thức thường được

khái quát ở cuối mỗi phần giảng, đôi khi có thể ở đầu, tùy thuộc vào phương pháp của giảng viên hoặc phụ thuộc vào trình độ của người học. Về cách tiêu kết, có thể làm theo từng nấc phù hợp với diễn biến tư duy của người học, đầu tiên có thể khái quát bằng nhiều lời, sau đó thì cô đọng súc tích.

3. Đảm bảo tính khoa học các nội dung bài giảng

- Khi soạn bài giảng, giảng viên phải tuân theo những quy tắc về phương pháp và phương pháp luận. Trước hết, phải làm cho bài giảng phù hợp với chân lý, với hiện thực khách quan, phản ánh đúng sự thật, hiện tượng và mối quan hệ nhân quả giữa chúng. Muốn phân tích hiện thực phức tạp phải có tư duy biện chứng, nghĩa là không chỉ dừng lại ở bề ngoài sự vật mà phải cố gắng đi sâu vào bản chất của chúng; không xem xét sự vật một cách cô lập, tĩnh tại mà phải xem xét chúng trong trạng thái động, trong mối liên hệ qua lại. Sau đó, phải soạn làm sao để bài giảng trở thành mẫu mực cho việc xem xét, phân tích và giải quyết những vấn đề cụ thể theo quan điểm lịch sử - cụ thể. Đây chính là mục tiêu quan trọng mà mỗi bài giảng cần

đạt tới. Tức là trong mỗi bài giảng ngoài việc truyền đạt, trang bị kiến thức cho người học, còn phải trang bị luôn phương pháp, cách thức tiếp cận vấn đề để người học có thể phát triển, vận dụng để tự nhận thức.

- Thiếu sự kiện hoặc không có sự kiện thì lý thuyết chỉ là lý thuyết suông, không thuyết phục được người học và trở thành nhảm chán,

cuối cùng dẫn đến hiệu quả không cao, ảnh hưởng đến thực hiện mục tiêu của bài giảng. Bất kỳ một sự kiện, một chi tiết nào cũng đều phải có cơ sở vững chắc và phải được kiểm tra

cẩn thận. Nếu không sẽ rơi vào tình trạng khó xử khi giảng bài trên lớp. Điều đó chỉ ra, khi thu thập các tài liệu thực tế, phải phân biệt được sự kiện có thật đã xác định với sự kiện sai, đáng nghi ngờ. Tuy nhiên, phải phân biệt được cái đặc trưng và cái ngẫu nhiên - cái không bản chất, tập trung chú ý vào những sự kiện thực sự có tính chất quyết định. Như thế sẽ phản ánh đầy đủ tính phức tạp và đa dạng của hiện tượng mà không chủ quan, không thiên lệch.

- Yêu cầu về tính khoa học và tính chính xác của nội dung bài giảng còn phải được thể hiện dưới sự mô tả hiện thực một cách khách quan cùng với các nguyên nhân của chúng, tránh “tô hồng” hoặc “bôi đen” hiện thực; mặt khác, khi mô tả, phân tích lại phải có tính khuynh hướng, tính đảng.

4. Sắp xếp nội dung theo yêu cầu của phương pháp sư phạm

- Muốn cho bài giảng thiết thực, hấp dẫn và dễ hiểu, trước hết phải sắp xếp nội dung theo nguyên tắc từ đơn giản đến phức tạp, từ cái đã biết đến cái chưa biết, từ gần đến xa, từ cụ thể đến trừu tượng. Nội dung đưa ra, nếu bắt đầu bằng những vấn đề ít nhiều quen biết đối

Muốn cho bài giảng thiết thực, hấp dẫn và dễ hiểu, trước hết phải sắp xếp nội dung theo nguyên tắc từ đơn giản đến phức tạp, từ cái đã biết đến cái chưa biết, từ gần đến xa, từ cụ thể đến trừu tượng.

THỰC TIỄN VÀ KINH NGHIỆM

với người học thì mới gây được hứng thú, ham muốn hiểu biết thêm hoặc hiểu biết đầy đủ, và mới thu hút được sự chú ý của họ. Đặc biệt là đối với đối tượng có trình độ tư duy trừu tượng không cao, thường quen với lối suy nghĩ thực tế, cụ thể, thì điều quan trọng là phải trình bày theo nguyên tắc giải thích cái phức tạp bằng cái giản đơn, giải thích cái chưa biết thông qua cái đã biết.

Tuy nhiên, nguyên tắc sắp xếp nội dung từ đơn giản đến phức tạp, không phải bao giờ cũng làm như thế. Nhiều khi, nhất là những nội dung mang tính chất “hàn lâm” thì thường được sắp xếp theo thứ tự ngược lại: không theo cách quy nạp, không từ cái riêng đến cái chung, mà theo cách diễn dịch từ cái chung đến cái riêng.

- Tư duy khái niệm một cách đúng đắn, khoa học sẽ giúp cho quá trình nhận thức được thực hiện một cách dễ dàng, và thông qua đó sẽ đạt được mục tiêu của bài giảng. Không ít những khái niệm đưa ra rất khó hiểu và sự phân tích, giải thích của giảng viên lại làm cho khái niệm trở nên khó hiểu hơn, và như vậy quá trình nhận thức của người học bị mất “phương hướng”. Theo chúng tôi, một khái niệm cần phải dễ hiểu đối với người học và thực sự giúp người học phân biệt được sự vật đang định nghĩa với sự vật khác, phân biệt thông qua nội hàm của khái niệm.

- Điều đặt ra là các kiến thức lý thuyết phải được minh họa bằng thực tiễn, bằng những số liệu có thật. Bởi vì lý luận là khái quát của thực tế sinh động, nên trong giảng dạy, lý luận phải được minh chứng bởi các số liệu, các tài liệu thực tế, vậy mới có tính thuyết phục đối với người học, đặc biệt người học lại là người lớn tuổi và có kinh nghiệm thực tế, họ có thể

kiểm nghiệm được ngay. Cũng cần lưu ý rằng, trong các bài giảng không nên say sưa quá nhiều số liệu, làm cho người học mệt mỏi, khó tiếp thu. Số liệu chỉ nên dẫn ra ở những trường hợp thật cần thiết để so sánh, giải thích, chứng minh hoặc bác bỏ. Thực tế cho thấy, để cho bài

Để nâng cao chất lượng giảng dạy, đòi hỏi phải nghiên cứu và đổi mới ở nhiều khâu, nhiều công đoạn của quá trình dạy học. Một trong những công đoạn quan trọng và có ảnh hưởng trực tiếp tới mục đích đào tạo là quá trình chuẩn bị bài giảng của giảng viên.

giảng có tính thuyết phục thì phải làm cho số liệu thực tiễn trong bài giảng trở nên sinh động, và tốt hơn hết là làm cho nó sinh động bằng cách cụ thể hoá gắn liền với sự hiểu biết của người học.

- Việc chuyển tiếp

các nội dung trong bài giảng một cách lôgic, khoa học sẽ tạo ra sự hưng phấn đối với người học, tạo cho họ chú ý hoặc suy nghĩ trước về những điều mà giảng viên sắp đề cập. Công việc này nặng về phần phương pháp và khâu thực hiện trên lớp. Tuy nhiên, trong khi soạn bài giảng cần sắp xếp và sau khi tiểu kết cho mỗi phần giảng nên đặt ra các câu hỏi mở để hướng đối tượng người học vào nội dung kế tiếp. Thông qua đó có thể phát huy tính chủ động của người học trong việc lĩnh hội kiến thức.

Tóm lại, để nâng cao chất lượng giảng dạy, đòi hỏi phải nghiên cứu và đổi mới ở nhiều khâu, nhiều công đoạn của quá trình dạy học. Một trong những công đoạn quan trọng và có ảnh hưởng trực tiếp tới mục đích đào tạo là quá trình chuẩn bị bài giảng của giảng viên. Trên đây chúng tôi đã đề cập đến một số vấn đề trong soạn bài giảng, thực chất là một số vấn đề cần chú ý trong việc lựa chọn kiến thức cho mỗi bài giảng ứng với mỗi đối tượng cụ thể. Chắc chắn bài viết không thể tránh được những thiếu sót, mong được sự trao đổi, góp ý của các bạn đồng nghiệp./.

XÂY DỰNG VĂN HÓA CÔNG SỞ TẠI CƠ QUAN ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ Ở THANH HÓA, GÓP PHẦN NÂNG CAO HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC HIỆN NAY

ThS. Bùi Thị Thu*

Xây dựng văn hóa công sở trong các cơ quan Nhà nước nói chung, cơ quan Ủy ban nhân dân cấp xã nói riêng có vai trò hết sức quan trọng, hoạt động quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp xã có hiệu lực, hiệu quả hay không phần lớn phụ thuộc môi trường văn hóa công sở - mà ở đó, chính là những giá trị, chuẩn mực, nguyên tắc, phép ứng xử của tổ chức và tất cả mọi thành viên. Những giá trị văn hóa đó tạo nên sức mạnh, hình ảnh, uy tín và vị thế của mỗi cơ quan, đơn vị góp phần làm cho cơ quan, đơn vị trong sạch, vững mạnh. Ở Thanh Hóa, những năm qua, thực hiện việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII về một của số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết số 37-NQ/TW của Bộ Chính trị về sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã, số lượng các đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh hiện tại còn 559 xã, phường, thị trấn (giảm 76 đơn vị hành chính cấp xã), tương ứng với đó là 559 cơ quan Ủy ban nhân dân cấp xã. Trước yêu cầu, nhiệm vụ đang đặt ra trong hoạt động quản lý nhà nước ở địa phương; hơn nữa, việc sắp xếp lại các đơn vị hành chính cấp xã đặt ra nhiều nhiệm vụ cần phải thiết lập trật tự quản lý mới, đòi hỏi Ủy ban nhân dân cấp xã cần phải triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, trong đó xây dựng và thực hiện văn hóa công sở là một việc hết sức cần thiết.

Văn hóa công sở là tổng thể các giá trị, chuẩn mực, cách giao tiếp, ứng xử trong hoạt động công sở được các thành viên của công

sở thừa nhận, tuân theo. Đây là một dạng đặc thù của văn hóa xã hội. Văn hoá công sở được hình thành, phát triển từ chính vai trò của công sở trong hoạt động của bản thân bộ máy công sở và trong đời sống xã hội. Văn hóa công sở không chỉ biểu hiện ở hình thức bên ngoài mà nó còn hàm chứa những giá trị bên trong của mỗi tổ chức. Đó là những giá trị được thể hiện

Thực tiễn cho thấy, văn hóa công sở với các giá trị tích cực sẽ tạo ra môi trường hòa hợp, an toàn, thuận lợi trong công tác, giúp cán bộ, công chức hình thành các chuẩn mực nhân cách, trải nghiệm kiến thức, kỹ năng làm việc, từ đó có thái độ tích cực và kỹ năng thuận thực để “phục vụ Nhân dân”.

trong các mối quan hệ: Giữa con người với con người trong tổ chức; quan hệ giữa con người, cá nhân với tổ chức; quan hệ giữa tổ chức với tổ chức trong hệ thống và trong quan hệ phối hợp; quan hệ giữa tổ chức với tổ chức và công dân trong giao tiếp công sở... Trên thực tế, văn hóa công sở được thể hiện khá đa dạng, như: nội quy, quy chế làm việc, hội họp; cách bài trí của cơ quan, cách sắp xếp, bố trí các trang thiết bị làm việc; trang phục, ngôn ngữ, hành vi giao tiếp, ứng xử, tinh thần, thái độ, sự đồng thuận, đoàn kết trong thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức,... Những yếu tố này ảnh hưởng lớn đến cách làm việc và hiệu quả hoạt động của công sở. Vì vậy, xây dựng, thực hiện văn hóa công sở là nhu cầu quan trọng trong tổ chức, hoạt động của mọi cơ quan, tổ chức, trong đó có công sở hành chính cấp xã.

(*) Trường Khoa Lý luận cơ sở

Để đưa hoạt động xây dựng và thực hiện văn hóa công sở của các cơ quan hành chính nhà nước trở thành hoạt động có tính khoa học, tính cách mạng, tính pháp luật, tính dân chủ và nhân văn, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành *Quyết định số 129/2007/QĐ-TTg ngày 02/8/2007 về Quy chế văn hóa công sở tại các cơ quan hành chính nhà nước*. Nội dung của quyết định đã quy định về nguyên tắc trong thực hiện văn hóa công sở; trang phục, giao tiếp, ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức; bài trí công sở... Tiếp đến, *Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án văn hóa công vụ* trong đó đã quy định rõ: tinh thần, thái độ làm việc, chuẩn mực giao tiếp, chuẩn mực đạo đức, lối sống, trang phục của cán bộ, công chức, viên chức. Gần đây, *Quyết định số 733/QĐ-TTg ngày 14/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện phong trào thi đua “cán bộ, công chức, viên chức thi đua thực hiện văn hóa công sở”* nêu rõ các tiêu chí thi đua thực hiện văn hóa công sở của tập thể và cá nhân trong mỗi cơ quan, đơn vị. Đây là cơ sở quan trọng để tổ chức thực hiện nhiệm vụ xây dựng văn hóa công sở và để đánh giá môi trường làm việc ở các cơ quan hành chính nhà nước hiện nay.

Đối với tỉnh Thanh Hóa, thực hiện các quy định và kế hoạch của Trung ương, ngày 12 tháng 7 năm 2019, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 160/KH-UBND về việc tổ chức thực hiện Phong trào thi đua “*Cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Thanh Hóa thi đua thực hiện văn hóa công sở*” giai đoạn 2019 - 2025. Phong trào thi đua đã được triển khai sâu rộng trong các cơ quan, đơn vị, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể Nhân dân trong tỉnh với nội dung, hình thức phong phú, thiết thực, có tiêu chí rõ ràng, cụ thể phù hợp các quy định của Đảng, Nhà nước và tình hình thực tiễn của mỗi cơ quan, đơn vị. Đến nay, Phong trào thi đua đã, đang có những hiệu ứng tích cực, góp phần nhất định vào hiệu quả thực hiện nhiệm

vụ của mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương, như: hầu hết các cơ quan, đơn vị, địa phương đã ban hành và tổ chức thực hiện nội quy, quy chế làm việc, hội họp, quy định về trang phục, lễ phục, cách giao tiếp và ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ. Tuy nhiên, trong thực tế, việc thực hiện văn hóa công sở ở nhiều đơn vị, địa phương, trong đó có cơ quan hành chính cấp xã còn biểu hiện hình thức, chưa thực sự trở thành hành động thực chất, thường

Xây dựng công sở văn minh, hiện đại, có tính chuyên nghiệp cao là một tất yếu, song phải thực chất, không nên dừng lại ở hình thức, chạy theo thành tích. Quy chế văn hóa của công sở sẽ không thể đạt kết quả cao nếu tổ chức thực hiện không nghiêm ngặt, chỉ hô khẩu hiệu hoặc quy định rồi bỏ đó. Vì vậy, ngoài việc ban hành kịp thời các quy định văn hóa công sở, cần phải tăng cường công tác kiểm tra, giám sát ý thức chấp hành các quy định đó của cán bộ, công chức.

xuyên, còn biểu hiện của việc mất đoàn kết nội bộ; văn hóa giao tiếp còn hạn chế, một bộ phận cán bộ, công chức còn có biểu hiện nhiều khê, gây khó khăn cho người dân, tình trạng vô ý thức, kỷ luật công sở vẫn còn; ý thức tiết kiệm điện, nước và bảo vệ tài sản công chưa được đề cao... tình trạng này ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả hoạt động của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Để công sở nói chung và công sở hành chính cấp xã nói riêng ở Thanh Hóa sớm ổn định, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả và phát triển tốt đẹp, phải dựa vào trình độ văn hóa, cách ứng xử từ các quan hệ trong công sở. Điều đó do chính vai trò quan trọng của văn hóa công sở trong tổ chức và hoạt động của công sở quy định. Biểu hiện như:

Thứ nhất, văn hóa công sở giúp công sở vận hành theo đúng định hướng và phát triển; giúp kiểm soát và điều chỉnh hành vi của các thành viên theo các khung chuẩn cụ thể

Thực tiễn cho thấy, văn hóa công sở với các giá trị tích cực sẽ tạo ra môi trường hòa hợp, an toàn, thuận lợi trong công tác, giúp cán bộ, công chức hình thành các chuẩn mực nhân cách, trải nghiệm kiến thức, kỹ năng làm việc, từ đó có thái độ tích cực và kỹ năng thuần thực để “phục vụ Nhân dân”. Nhất là đối với công sở cấp xã, nơi gần dân nhất, đòi hỏi cán bộ, công chức phải là người có trách nhiệm với công việc, phục vụ Nhân dân một cách tận tụy; không vụ lợi; trung thực với Nhân dân, không ngừng đấu tranh chống cái xấu, nhất là thái độ quan liêu, cửa

Văn hóa công sở có vai trò cơ bản, vừa là mục tiêu, vừa là động lực phát triển của cơ quan hành chính nhà nước ở mọi cấp, trong đó có cấp xã. Nó vừa đảm bảo sự ổn định; vừa nâng cao hiệu quả về tổ chức và hoạt động. Vì vậy, xây dựng văn hoá công sở trong cơ quan hành chính cấp xã ở Thanh Hoá hiện nay không chỉ là nhu cầu cải cách nền hành chính mà còn bảo đảm sớm ổn định, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động.

quyền, sách nhiễu Nhân dân. Ngoài ra, văn hóa công sở còn có vai trò định hướng và xác lập sự đồng thuận, sự công bằng, bình đẳng giữa các thành viên. Các yếu tố của văn hóa công sở hình thành các tiêu chí khuyến khích thi đua, tạo ra bầu không khí làm việc thoải mái, kích thích mọi người hăng say làm việc, thúc đẩy các hoạt động. Theo đó, giúp cán bộ, công chức đề cao pháp luật, đề cao dân chủ, coi trọng giao tiếp, ứng xử có văn hóa.

Thứ hai, văn hóa công sở là nhân tố định hướng, tạo sự thống nhất nhận thức và hành động vì mục tiêu và lợi ích chung của đơn vị

Thực tiễn đã chứng minh, khi các giá trị văn hóa công sở, nhất là văn hóa đạo đức công vụ được cụ thể hóa thành nội quy, quy chế để quy định về những điều cán bộ, công chức được làm và không được làm, sẽ tác động một cách có ý thức đến các thành viên để có cách ứng xử phù hợp. Đồng thời, giúp các thành viên hành động vì mục đích, mục tiêu chung, do đó, sẽ hạn chế được những thành viên không tích cực, gây ảnh hưởng tiêu cực cho đơn vị.

Thứ ba, văn hóa công sở nâng cao hiệu quả hoạt động chấp hành và điều hành

Hoạt động quản lý của cơ quan hành chính nhà nước cấp xã là hoạt động chấp hành

theo luật định. Vì vậy, các giá trị văn hóa công sở khi trở thành những thói quen, chuẩn mực, truyền thống trong các quan hệ công vụ, sẽ định hướng và điều chỉnh hành vi của cán bộ, công chức, viên chức, tạo điều kiện để guồng

máy vận hành đồng bộ, nhịp nhàng, có kỷ luật, từ đó nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của bộ máy. Văn hóa công sở được coi như “chất keo dính” tạo sự thống nhất giữa các thành viên; là “chất xúc tác” khuyến khích bầu không khí hợp tác, liên kết của cán bộ, công chức

trong thực thi công vụ. Nó đòi hỏi các thành viên phải tôn trọng kỷ luật, danh dự của đơn vị; có quan hệ thân ái, đoàn kết, hợp tác vì sự nghiệp chung.

Thứ tư, văn hóa công sở tác động đến mục tiêu, hiệu quả hoạt động chung của bộ máy công sở

Mục tiêu phát triển của địa phương do hệ thống chính trị đưa ra để định hướng cho Nhân dân, cán bộ, công chức, tổ chức xã hội thực hiện. Khi văn hóa công sở chứa đựng các chuẩn mực đúng đắn, phù hợp xu thế phát triển, như: Tôn trọng pháp luật, chuyên nghiệp và hiệu quả trong hoạt động, tận tụy phục vụ Nhân dân; chống hách dịch, cửa quyền, nhũng nhiễu,... thì đòi hỏi năng lực chuyên môn, tinh thần trách nhiệm, tinh chuyên nghiệp của cán bộ, công chức phải được đề cao. Mặt khác, là một bộ phận của văn hóa truyền thống dân tộc, văn hoá công sở còn bảo tồn các giá trị tốt đẹp, như: Lòng yêu nước, nhân đạo; tinh thần đoàn kết, tương thân, tương ái; tôn sư trọng đạo, trên kính dưới nhường... của văn hóa truyền thống và phát triển mang tầm hiện đại. Từ đó, góp phần làm phong phú các giá trị của văn hóa dân tộc trong lĩnh vực chính trị. Điều đó càng có ý nghĩa đối với công sở hành chính cấp xã - nơi gần dân, trực tiếp tác động đến Nhân dân.

Để phát huy tốt nhất những vai trò trên của văn hóa công sở ở các đơn vị hành chính cấp xã, trước mắt cần tập trung làm tốt các nhiệm vụ sau:

Một là, đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức về bản chất, vai trò của văn hóa công sở; đề cao trách nhiệm của cán bộ, công chức, nhất là tập thể lãnh đạo trong tổ chức thực hiện

Để xây dựng văn hóa công sở thực sự có chất lượng và hiệu quả, nhận thức về bản chất, nội dung, trách nhiệm thực hiện văn hoá công sở của cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo và đội ngũ công chức, viên chức trong công sở là rất quan trọng. Vì, chỉ khi có nhận thức đúng và đầy đủ mới nâng cao các hành vi của họ trong công sở, từ đó tạo sự thay đổi trách nhiệm, chất lượng và hiệu quả làm việc.

Đối với tập thể lãnh đạo và người đứng đầu, cần phải tạo dựng được cơ chế tốt để mỗi thành viên công sở có điều kiện phát triển, nhất là một môi trường hòa đồng, thân thiện, có tính đoàn kết cao. Cần thay đổi về thái độ thờ ơ, hành vi vô cảm,... trong cán bộ, công chức khi ứng xử với Nhân dân. Phải tạo được sự phối kết hợp và trách nhiệm công vụ của họ từ những việc làm rất nhỏ, tạo dựng hình ảnh người cán bộ, công chức chuyên nghiệp, vì dân phục vụ.

Hai là, ban hành các quy chế văn hóa công sở với nội dung cụ thể, rõ ràng, có tính khả thi cao; đồng thời thường xuyên kiểm tra, đánh giá, tổng kết việc thực hiện những quy định đó

Để việc xây dựng văn hóa công sở cấp xã ở Thanh Hóa hiện nay đạt hiệu quả cao, trước hết công sở cấp xã cần xây dựng quy chế cụ thể, chi tiết, rõ ràng và phải phù hợp với điều kiện của đơn vị để mọi người phấn đấu; có quy định về thưởng, phạt đúng mức đối với những cán bộ, công chức, viên chức làm tốt và chưa tốt.

Xây dựng công sở văn minh, hiện đại, có tính chuyên nghiệp cao là một tất yếu, song

phải thực chất, không nên dừng lại ở hình thức, chạy theo thành tích. Quy chế văn hóa của công sở sẽ không thể đạt kết quả cao nếu tổ chức thực hiện không nghiêm ngặt, chỉ hô khẩu hiệu hoặc quy định rồi bỏ đó. Vì vậy, ngoài việc ban hành kịp thời các quy định văn hóa công sở, cần phải tăng cường công tác kiểm tra, giám sát ý thức chấp hành các quy định đó của cán bộ, công chức. Ngoài ra, tập thể lãnh đạo, nhất là người đứng đầu công sở hành chính cấp xã phải biết lắng nghe ý kiến của cán bộ, công chức, ý kiến của người dân để có những điều chỉnh kịp thời.

Ba là, tạo sự thống nhất về nhận thức trong cán bộ, công chức, xác định việc thực hiện văn hóa công sở chính là một nhiệm vụ cải cách hành chính và bảo đảm sự ổn định, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của bộ máy

Nhiệm vụ hàng đầu của công sở hành chính cấp xã và trách nhiệm công vụ của cán bộ, công chức là phục vụ Nhân dân. Cơ quan hành chính nhà nước cấp xã phải nghiêm túc kiểm điểm những hạn chế, thiếu sót nơi công sở của đơn vị mình. Ngay từ cách bài trí công sở; tác phong giao tiếp, ứng xử của cán bộ, công chức khi giao tiếp với Nhân dân; hiệu quả và chất lượng phục vụ Nhân dân gắn với chất lượng công vụ. Nhất là cần chỉ ra được những hạn chế, thiếu sót đang cản trở hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy, đặc biệt là các xã sáp nhập.

Tóm lại, văn hóa công sở có vai trò cơ bản, vừa là mục tiêu, vừa là động lực phát triển của cơ quan hành chính nhà nước ở mọi cấp, trong đó có cấp xã. Nó vừa đảm bảo sự ổn định; vừa nâng cao hiệu quả về tổ chức và hoạt động. Vì vậy, xây dựng văn hóa công sở trong cơ quan hành chính cấp xã ở Thanh Hóa hiện nay không chỉ là nhu cầu cải cách nền hành chính mà còn bảo đảm sớm ổn định, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động./.

TRAO ĐỔI VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ ĐẢNG VIÊN CỦA CẤP ỦY CƠ SỞ, CHI BỘ GÓP PHẦN NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO, SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG VÀ CHẤT LƯỢNG ĐẢNG VIÊN Ở THANH HÓA HIỆN NAY

ThS. Lê Mỹ Dung*

Công tác quản lý đảng viên là một nhiệm vụ quan trọng của công tác xây dựng Đảng, góp phần xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và chất lượng đảng viên. Cấp ủy cơ sở và chi bộ trực thuộc có nhiệm vụ tổ chức thực hiện quản lý đảng viên, bảo đảm để đảng viên luôn giữ vững tính tiên phong gương mẫu, phát huy vai trò trách nhiệm; mặt khác, còn góp phần ngăn ngừa đảng viên vi phạm kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước; giữ gìn phẩm chất đảng viên. Đối với Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa, đây là nhiệm vụ cần thiết trong công tác xây dựng Đảng hiện nay. Bởi vì, tính đến thời điểm hiện nay có 31 Đảng bộ cấp huyện và tương đương cấp huyện trực thuộc Tỉnh ủy và có 1.494 tổ chức cơ sở đảng với số lượng đảng viên là 225.713 nghìn đảng viên, tăng so với năm 2018 là 4.605 đảng viên¹. Do vậy, việc quản lý đảng viên của cấp ủy cơ sở, chi bộ có chất lượng sẽ góp phần đưa công tác xây dựng Đảng của Đảng bộ tỉnh chuyển biến tích cực, thực sự hiệu quả.

Chúng ta đều biết, nội dung quản lý đảng viên của cấp ủy cơ sở, chi bộ bao gồm: Quản lý về chính trị, tư tưởng; quản lý các hoạt động và quan hệ xã hội; quản lý chế độ sinh hoạt Đảng và các hồ sơ đảng viên; thực hiện nâng cao trình độ năng lực công tác của đảng viên... Qua công tác quản lý đảng viên, giúp cấp ủy cơ sở, chi bộ kịp thời phát hiện, ngăn ngừa đảng

viên vi phạm các quy định của Đảng, có thái độ và trách nhiệm thực hiện nghiêm pháp luật của Nhà nước... Từ đó, thực hiện mục tiêu xây dựng đội ngũ đảng viên vững vàng về chính trị, trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng, có trình độ, năng lực công tác tốt, tư duy sáng tạo, luôn gương mẫu đi đầu, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Đồng thời, qua quản lý, tổ chức đảng có đủ cơ sở xây dựng, phát triển

Nội dung quản lý đảng viên của cấp ủy cơ sở, chi bộ bao gồm: quản lý về chính trị, tư tưởng; quản lý các hoạt động và quan hệ xã hội; quản lý chế độ sinh hoạt Đảng và các hồ sơ đảng viên; thực hiện nâng cao trình độ năng lực công tác của đảng viên... Qua công tác quản lý đảng viên, giúp cấp ủy cơ sở, chi bộ kịp thời phát hiện, ngăn ngừa đảng viên vi phạm các quy định của Đảng, có thái độ và trách nhiệm thực hiện nghiêm pháp luật của Nhà nước.

đội ngũ đảng viên cả về số lượng và chất lượng. Nhất là, khi Đảng ta là đảng cầm quyền, nhiều đảng viên được giao trọng trách nắm giữ các vị trí chủ chốt trong bộ máy chính quyền và các đoàn thể Nhân dân, thì đây càng là nhiệm vụ quan trọng. Vì, nếu buông lỏng quản lý, đảng viên có chức quyền dễ lạm quyền, cửa quyền; bị thoái hóa, biến chất,... Nguy cơ diễn ra là họ sẽ lợi dụng và lạm dụng quyền, làm điều

(*) GVC. Khoa Xây dựng Đảng

THỰC TIỄN VÀ KINH NGHIỆM

sai trái; quan liêu, hách dịch, tham nhũng, ức hiếp Nhân dân... làm cho uy tín của Đảng trước Nhân dân bị giảm sút.

Để đề phòng, ngăn ngừa nguy cơ như đã nêu, Đảng phải thường xuyên xây dựng, chỉnh đốn, “tự mình” vươn lên cả về tổ chức đảng và chất lượng đảng viên. Cấp ủy cơ sở, chi bộ phải làm tốt công tác quản lý đảng viên nói chung, nhất là cán bộ chủ chốt trong cơ quan Đảng, bộ máy chính quyền, các đoàn thể Nhân dân. Thực hiện công tác quản lý đảng viên, giúp cấp ủy, chi bộ kịp thời nắm bắt kết quả, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ của mỗi đảng viên; phát hiện những đảng viên không đủ tư cách để đưa ra khỏi Đảng, góp phần quan trọng vào việc xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Thực tế, công tác quản lý đảng viên hiện tại của một số cấp ủy cơ sở, chi bộ, tuy có chuyển biến tích cực và đạt kết quả bước đầu khả quan, nhưng vẫn còn bộc lộ rõ hạn chế, như: Công tác quản lý hồ sơ, nghiệp vụ, cập nhật dữ liệu đảng viên còn hạn chế, chưa nề nếp; báo cáo định kỳ và thông tin những vấn đề vướng mắc từ cơ sở có lúc, có việc chưa kịp thời, nội dung báo cáo chưa sâu, chưa đạt yêu cầu. Một số huyện, thị, đề nghị bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử, tăng, truy tặng huy hiệu Đảng nhưng hồ sơ làm thiếu căn trọng, sai sót nhiều... gây khó khăn cho công tác thẩm định². Điều đó dẫn đến khâu quán triệt, triển khai các nhiệm vụ, các nội dung quản lý đảng viên thực hiện chưa đầy đủ, thiếu toàn diện. Công tác chính trị, tư tưởng, rèn luyện đạo đức lối sống cho đảng viên chưa quan tâm đúng mức, còn chiều lệ; việc nắm bắt diễn biến tư tưởng của đảng viên có cấp ủy, chi bộ còn buông lỏng, thiếu chủ động. Công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, trình độ cho đảng viên một số cấp ủy, chi bộ thực hiện chưa thường xuyên, chất lượng thấp; khâu chỉ đạo việc bổ sung hồ sơ đảng viên chưa kịp thời; một số đảng viên

thực hiện chế độ sinh hoạt chưa nghiêm, tham gia trách nhiệm còn thấp; hình thức quản lý còn đơn điệu, cứng nhắc, chưa phát huy tốt các đoàn thể và thu hút đông đảo quần chúng Nhân dân tham gia. Thông tin về đảng viên nắm chưa đầy đủ, nên còn tình trạng gian lận tuổi, bằng cấp, thành tích; quản lý đảng viên đi làm ăn xa quê còn nặng hình thức hồ sơ.

Nguyên nhân nêu trên trong công tác quản lý đảng viên của cấp ủy, chi bộ trước hết là do cấp ủy, chi bộ chưa quan tâm đúng mức trong lãnh đạo, thực hiện. Quản lý đảng viên trong các cơ quan hành chính, cấp ủy, tổ chức

Công tác quản lý đảng viên là nhiệm vụ quan trọng của công tác xây dựng Đảng với nhiều nội dung. Do đó, cấp ủy cơ sở, chi bộ phải quản lý chặt chẽ lịch sử chính trị, tư tưởng, quan hệ xã hội, phẩm chất đạo đức, lối sống và chế độ sinh hoạt Đảng đối với mọi đảng viên.

đảng còn thiếu sự phối hợp với lãnh đạo cơ quan, hoặc phối hợp nhưng thiếu chặt chẽ. Cá biệt có nơi lãnh đạo cơ quan, đơn vị đồng thời là người đứng đầu cấp ủy, nhưng thiếu sâu sát công tác quản lý đảng viên, nặng về thực hiện quản lý công chức. Cấp ủy và tổ chức đảng cấp trên cơ sở hướng dẫn, kiểm tra cấp ủy cơ sở, chi bộ việc quản lý đảng viên chưa thường xuyên, còn lúng túng, nên chậm phát hiện vi phạm.

Để công tác quản lý đảng viên của cấp ủy cơ sở, chi bộ đáp ứng nhiệm vụ xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh; nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên, cần thực hiện một số biện pháp cơ bản sau:

Thứ nhất, nâng cao nhận thức cho cấp ủy cơ sở, chi bộ về tầm quan trọng của công tác quản lý đảng viên

Nâng cao nhận thức là giải pháp quan trọng hàng đầu, xuyên suốt trong quá trình quản

lý đảng viên của cấp ủy cơ sở, chi bộ Đảng hiện nay. Vì chỉ khi cấp ủy cơ sở, chi bộ nhận thức đúng, đầy đủ yêu cầu, nội dung, phương thức quản lý đảng viên mới có cơ sở, nêu cao ý thức tự giác để hành động khoa học, hiệu quả. Thực hiện vấn đề này cấp ủy cơ sở, chi bộ cần nhận thức đầy đủ sự cần thiết phải tăng cường quản lý đảng viên; nội dung, phương thức quản lý đảng viên, mới có cơ sở chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện. Thấy rõ, việc buông lỏng quản lý đảng viên là gián tiếp để đảng viên dễ tha hóa, biến chất, vi phạm kỷ luật Đảng. Nâng cao nhận thức cho cấp ủy, chi bộ về quản lý đảng viên nhằm tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động. Khắc phục được những nhận thức lệch lạc, không đầy đủ về công tác này. Cấp ủy, chi bộ cần xác định rõ trách nhiệm của tập thể và người đứng đầu cấp ủy, chi bộ về công tác quản lý đảng viên, nhất là công tác kiểm tra, giám sát; làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng với tự phê bình và phê bình. Trong quản lý cần bám sát nhiệm vụ chính trị của tổ chức đảng, của đảng viên; phát huy đầy đủ vai trò giám sát của quần chúng với đảng viên.

Thứ hai, thực hiện có chất lượng các nội dung công tác quản lý đảng viên

Công tác quản lý đảng viên là nhiệm vụ quan trọng của công tác xây dựng Đảng với nhiều nội dung. Do đó, cấp ủy cơ sở, chi bộ phải quản lý chặt chẽ lịch sử chính trị, tư tưởng, quan hệ xã hội, phẩm chất đạo đức, lối sống và chế độ sinh hoạt Đảng đối với mọi đảng viên. Thông qua quản lý, nhằm phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm của từng đảng viên; chủ động ngăn ngừa đảng viên vi phạm kỷ luật Đảng, pháp luật của Nhà nước; coi việc nâng cao chất lượng đảng viên là nhiệm vụ thường xuyên của cấp ủy, chi bộ.

Để quản lý tốt tư tưởng đảng viên, cấp ủy, chi bộ kịp thời nắm bắt tâm tư nguyện vọng, tâm trạng, thái độ của mỗi đảng viên; kịp thời

nhắc nhở, uốn nắn những đảng viên biểu hiện lệch lạc về tư tưởng; ý thức coi thường học tập lý luận chính trị, quan điểm, đường lối của Đảng. Thực hiện quản lý đảng viên về trình độ, năng lực công tác và các quan hệ xã hội, chi bộ cần giao nhiệm vụ cho đảng viên rất cụ thể theo phương châm “giao việc, báo công”. Vì chỉ từ thực tiễn đảng viên mới bộc lộ phẩm chất, năng lực, tác phong, lề lối làm việc, quan hệ ứng xử với quần chúng. Duy trì nghiêm các chế độ, nguyên tắc trong tổ chức hoạt động của Đảng. Cấp ủy, chi bộ cần có cơ chế để quần chúng đóng góp ý kiến đối với tổ chức đảng về đảng

Từng đảng viên cần phải kiên định lập trường chính trị, kịp thời đấu tranh ngăn chặn những lệch lạc, sai trái; tích cực tham gia các hoạt động để tự hoàn thiện mình. Đảng viên cần phải gương mẫu và luôn tiên phong với mọi phong trào cách mạng theo phương châm “Đảng viên đi trước, làng nước theo sau”.

viên; quán triệt cho mọi đảng viên các quy định gắn với trách nhiệm người đảng viên. Cấp ủy, chi bộ cần có quy chế làm việc rõ ràng; phải gắn kết với các đoàn thể quần chúng trong công tác đánh giá chất lượng đảng viên.

Thứ ba, nâng cao ý thức tự quản lý của mỗi đảng viên

Tự quản lý có tính quyết định đến chất lượng, hiệu quả công tác quản lý đảng viên. Các biện pháp quản lý của tổ chức đảng dù chặt chẽ đến đâu, nhưng đảng viên ý thức tổ chức kỷ luật kém, thì cũng không thể bao quát hết các quan hệ xã hội của từng đảng viên. Nên phải đề cao tự quản lý của mỗi đảng viên. Thực tế đã chứng minh, mỗi đảng viên chỉ có thể khẳng định vai trò và uy tín của mình bằng sự kiên định, trí thông minh, sự hiểu biết và khả năng hoàn thành nhiệm vụ.

Để nâng cao tự quản lý của đảng viên, cần nâng cao trình độ mọi mặt cho đảng viên để mọi đảng viên xứng đáng là chiến sỹ tiên phong cả về lý luận và hành động thực tiễn. Từng đảng viên cần phải kiên định lập trường chính trị, kịp thời đấu tranh ngăn chặn những lệch lạc, sai trái; tích cực tham gia các hoạt động để tự hoàn thiện mình. Đảng viên cần phải gương mẫu và luôn tiên phong với mọi phong trào cách mạng theo phương châm “Đảng viên đi trước, làng nước theo sau”.

Thứ tư, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và chi bộ trong sạch, vững mạnh làm cơ sở, động lực cho công tác quản lý đảng viên

Điều lệ Đảng quy định rõ: Đảng viên phải sinh hoạt trong chi bộ, Đảng bộ nhất định và chịu sự quản lý, giáo dục, rèn luyện, cho dù đảng viên ấy có giữ cương vị nào trong Đảng, trong bộ máy Nhà nước. Nhưng từ thực tế, nhiều vụ việc tiêu cực, tham nhũng bị phát giác và xử lý, gần liền là có không ít đảng viên bị cách chức, sa vào lao lý... tuy tính chất, mức độ khác nhau. Nhưng hầu hết các vụ việc được phát hiện ban đầu không phải là kết quả của phê bình và tự phê bình trong Đảng, không phải từ công tác quản lý đảng viên của chi bộ và cấp ủy cơ sở. Trong số đảng viên bị xử lý, có đảng viên nắm cương vị lãnh đạo, trước khi bị xử lý đều được công nhận là “Đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”, chi bộ đảng viên sinh hoạt cũng đạt trong sạch, vững mạnh. Đây là nghịch lý. Vì, nếu chi bộ, tổ chức cơ sở đảng làm tốt vai trò lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng nội bộ Đảng thì tại sao đảng viên vi phạm kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Điều này sinh thời Bác Hồ đã từng chỉ ra: “Để tránh tình trạng có đảng viên kém, có chi bộ kém, từ nay các huyện ủy, thành ủy, tỉnh ủy cần phải đi sâu đi sát đến các chi bộ, cần phải giúp đỡ các chi bộ một cách thiết thực và thường xuyên”.. Điều đó chứng tỏ, để đưa

công tác quản lý đảng viên vào nề nếp, có chất lượng, cấp ủy, chi bộ cần quan tâm xây dựng, củng cố chi bộ thật sự trong sạch, vững mạnh đủ sức lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của đơn vị, qua đó phát huy tốt nhất vai trò của mỗi đảng viên. Duy trì nghiêm túc nề nếp sinh hoạt chi bộ, giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ. Lựa chọn, bố trí cấp ủy, nhất là người đứng đầu cấp ủy có đủ trình độ, năng lực và có uy tín. Tổ chức Đảng phải nắm vững và thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo các quy định của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ cho các loại hình tổ chức cơ sở đảng. Khắc phục tình trạng buông lỏng vai trò lãnh đạo, quản lý cán bộ, đảng viên; thực hiện nghiêm chế độ sinh hoạt, nâng cao chất lượng sinh hoạt cấp ủy, chi bộ. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Đảng và các quy định của Đảng. Cương quyết xử lý và xử lý nghiêm các cấp ủy và cá nhân đảng viên vi phạm. Cấp ủy, chi bộ phải có quy chế cụ thể thực hiện tự phê bình và phê bình. Tạo môi trường, điều kiện thuận lợi để quần chúng giám sát, phê bình đảng viên một cách thẳng thắn, chân tình (kể cả ở nơi công tác và nơi cư trú). Cấp ủy cần cử cấp ủy viên thực hiện và quy định ngày, địa điểm tiếp dân, thu nhận thông tin của dân. Quy định cụ thể về trách nhiệm, nghĩa vụ của đảng viên là cán bộ chủ chốt định kỳ báo cáo công việc và các mối quan hệ có liên quan của cá nhân trước cấp ủy, chi bộ. Cấp ủy cơ sở tổ chức thực hiện đầy đủ các quy định về công tác bảo vệ chính trị nội bộ./.

¹ và ² Nguồn: Báo cáo tình hình, kết quả công tác tổ chức xây dựng Đảng năm 2019; Phương hướng, nhiệm vụ công tác năm 2020 của Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa.

Ý NGHĨA CỦA CHỈ SỐ HIỆU QUẢ QUẢN TRỊ VÀ HÀNH CHÍNH CÔNG CẤP TỈNH (PAPI) ĐỐI VỚI CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH Ở TỈNH THANH HÓA TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

ThS. Đỗ Phương Anh*

1. Nhận thức chung về PAPI

PAPI là tên viết tắt bằng tiếng Anh của Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (Public Administration Performance Index). Ở Việt Nam, PAPI được tiến hành nghiên cứu khảo sát điều tra chọn mẫu do Trung tâm Nghiên cứu Phát triển - Hỗ trợ Cộng đồng (CECODES) thuộc Liên hiệp các Hội Khoa học - Kỹ thuật Việt Nam và Chương trình Phát triển Liên Hợp quốc (UNDP) phối hợp thực hiện cùng với sự hỗ trợ của các đối tác trong suốt quá trình triển khai thực hiện nghiên cứu.

Mục đích của nghiên cứu PAPI là hỗ trợ quá trình cải cách về quản trị, hành chính công và cung ứng dịch vụ công ở Việt Nam thông qua bộ chỉ số PAPI với tác dụng là một hệ thống chỉ báo về trải nghiệm thực tế của người dân với các nỗ lực cải cách đó. Bên cạnh đó, nghiên cứu PAPI vận dụng một cách tiếp cận mới để đo lường mối quan hệ giữa người dân với Nhà nước bằng việc hỏi về trải nghiệm cụ thể thay vì dựa vào cảm nhận của người dân.

Nội dung đánh giá của PAPI dựa trên ba quá trình có tác động lẫn nhau, đó là: Xây dựng chính sách, thực thi chính sách và giám sát việc cung ứng các dịch vụ công. Ban đầu, PAPI có 06 trục nội dung, gồm: (1) Tham gia của người dân ở cấp cơ sở; (2) Công khai, minh bạch; (3) Trách nhiệm giải trình với người dân; (4) Kiểm soát tham nhũng trong lĩnh vực công; (5) Thủ tục hành chính công; (6) Cung ứng dịch vụ công. Đến năm 2018, PAPI bổ sung thêm 02 trục nội dung hết sức quan trọng đó là: (7) Quản trị môi trường và (8) Quản trị điện tử.

Trước nhu cầu ngày một lớn về việc huy động sự tham gia của người dân vào việc đánh giá hiệu quả quản trị và hành chính công, Chỉ số PAPI ngày càng khẳng định được vị trí của mình là một công cụ đo lường mới, cung cấp thực chứng và thông tin khách quan cho quá trình hoạch định chính sách. Tính tiên phong của nghiên cứu PAPI trong việc đo lường trải nghiệm của người dân khi tiếp xúc, giao dịch

Với vai trò là công cụ theo dõi, phản ánh tiếng nói người dân về mức độ hiệu quả điều hành, quản lý nhà nước, thực thi chính sách và cung ứng dịch vụ công, thời gian qua PAPI đã góp phần quan trọng trong cải thiện hiệu quả quản trị và hành chính công của chính quyền các cấp.

với các cấp chính quyền địa phương đang trở thành một phần của quy trình hoạch định, thực thi và theo dõi thực thi chính sách. Với vai trò là công cụ theo dõi, phản ánh tiếng nói người dân về mức độ hiệu quả điều hành, quản lý nhà nước, thực thi chính sách và cung ứng dịch vụ công, thời gian qua PAPI đã góp phần quan trọng trong cải thiện hiệu quả quản trị và hành chính công của chính quyền các cấp.

2. Tác động của PAPI đến cải cách hành chính ở tỉnh Thanh Hóa trong thời gian qua

Thực hiện Nghị quyết số 30c/NQ-CP, ngày 08/11/2011 của Chính phủ về Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước

(* Phó trưởng Phòng QLĐT&NCKH

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH THANH HÓA

giai đoạn 2011-2020, giai đoạn 2011- 2015, tỉnh Thanh Hóa xác định công tác cải cách hành chính là nhiệm vụ trọng tâm, khâu đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội. UBND tỉnh đã kịp thời ban hành các văn bản hướng dẫn, đôn đốc, chỉ đạo đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, đồng thời triển khai một cách đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm; đề ra những mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể cho từng cấp, ngành và đơn vị và đạt kết quả khá tốt trên các nội dung như: Các quy định của pháp luật được bảo đảm triển khai thực hiện nghiêm túc; nhiều thủ tục hành chính được rà soát, công bố công khai, minh bạch và chất lượng giải quyết thủ tục hành chính cho Nhân dân có những cải thiện đáng kể, sự hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước cơ bản đạt được mục tiêu đề ra; tổ chức bộ máy được sắp xếp, bố trí theo đúng quy định của Trung ương, thường xuyên rà soát chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan hành chính nhà nước để điều chỉnh, xác định cụ thể, rõ ràng. Việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được quan tâm. Ứng dụng công nghệ thông tin vào thực hiện quản lý điều hành hoạt động của các cơ quan quản lý

Thế chế hóa Nghị quyết của Đảng bộ tỉnh, ngay trong năm 2016, Ủy ban Nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 3274/QĐ-UBND ngày 26/8/2016 về việc ban hành kế hoạch hành động đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp và nâng cao năng lực cạnh tranh tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016 – 2020.

nhà nước trên địa bàn tỉnh đã tạo ra sự chuyển biến tích cực trong đổi mới lề lối làm việc, từng bước nâng cao hiệu quả làm việc, tiết kiệm chi phí... Các kết quả cải cách hành chính trên địa

bàn tỉnh được phản ánh khá chính xác, khách quan thông qua nhiều kênh đánh giá. Chỉ số PCI của tỉnh (Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh) từ vị trí trung bình (đứng thứ 38 đến 52, giai đoạn 2006 - 2010) đã lên nhóm tốt cả nước giai đoạn 2013 - 2015, năm 2015 đứng thứ 10 cả nước và đứng đầu khu vực Bắc Trung Bộ. Chỉ PAPI năm 2013, 2015, tỉnh Thanh Hóa đứng ở vị trí top 10 bảng xếp hạng năng lực quản trị và hành chính công cấp tỉnh; được người dân đánh giá cao ở nội dung: kiểm soát tham nhũng trong khu vực công; thủ tục hành chính công và cung ứng dịch vụ công với điểm số từ 6,70 đến 7,18 điểm (bảng 1).

Để đạt được mục tiêu đảm bảo mức độ hài lòng của cá nhân, doanh nghiệp, nhà đầu tư đối với việc giải quyết thủ tục hành chính đạt trên 90% vào năm 2020¹ Đảng bộ, chính quyền tỉnh Thanh Hóa đã xem PAPI là một trong những kênh thông tin quan trọng. Trên cơ sở đó tiếp tục ban hành nhiều văn bản chỉ đạo nâng cao chất lượng cải cách hành chính

Bảng 1: Hiệu quả quản trị và hành chính công của tỉnh Thanh Hóa từ năm 2013 đến 2019

Chi số	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
Tham gia của người dân ở cấp cơ sở	5.60	5.30	5.16	5.47	5.30	5.57	4.91
Công khai minh bạch	6.60	6.00	5.94	6.02	5.85	5.70	5.68
Trách nhiệm giải trình với người dân	6.00	5.80	5.74	4.36	5.25	5.32	5.00
Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công	6.70	6.80	7.18	6.05	6.60	6.36	6.89
Thủ tục hành chính công	6.70	6.90	7.18	7.20	7.28	7.49	7.39
Cung ứng dịch vụ công	6.80		7.09	7.10	7.08	7.17	7.31
Quản trị môi trường						4.62	3.77
Quản trị điện tử						3.45	2.94
Tổng điểm	38.60	36.90	37.50	36.28	37.36	45.69	43.98
Xếp hạng	9	24	9	27	20	11	16

tập trung vào những nhiệm vụ liên quan đến các tiêu chí, tiêu chí thành phần có điểm thấp trong giai đoạn 2013-2015 như nội dung “công khai, minh bạch”; “trách nhiệm giải trình với người dân”. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2015 - 2020 tiếp tục xác định Đây mạnh CCHC, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh là 1 trong 4 khâu đột phá chiến lược trong nhiệm kỳ. Thể chế hóa

Nghị quyết của Đảng bộ tỉnh, ngay trong năm 2016, Ủy ban Nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 3274/QĐ-UBND ngày 26/8/2016 về việc ban hành kế hoạch hành động đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp và nâng cao năng lực cạnh tranh tỉnh Thanh Hóa giai đoạn

2016 - 2020 (Quyết định này được bổ sung và thay thế bởi Quyết định số 1025/QĐ-UBND ngày 04/4/2017), trong đó, có nhiều nội dung liên quan đến nâng cao chỉ số PAPI, như: Tiếp tục thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công và dịch vụ công; cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, đảm bảo thông thoáng, minh bạch, bình đẳng, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho doanh nghiệp, nhà đầu tư trong việc tiếp cận nguồn vốn, lao động, đất đai, nguyên vật liệu, thông tin, khoa học công nghệ,... phục vụ hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh, góp phần phát triển doanh nghiệp, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh và hoàn thành thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2015 – 2020. Trong đó có mục tiêu cụ thể là: Duy trì chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI), chỉ số hội

nhập kinh tế quốc tế cấp địa phương (PEII), chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) trong топ 10 cả nước. Phấn đấu đến năm 2020, chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh đứng thứ 6 cả nước.

Đặc biệt, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Chỉ thị số 18/CT-UBND, ngày 26/9/2018 về việc tập trung chỉ đạo cải thiện và nâng cao chỉ số cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Thanh

Với mục tiêu xây dựng Thanh Hóa trở thành cực tăng trưởng mới về kinh tế; một trong những trung tâm văn hóa, y tế, thể thao, du lịch của khu vực và trên cả nước, bên cạnh nhiều giải pháp thì đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư thông thoáng, hấp dẫn để thu hút đầu tư tiếp tục được xem là một trong các khâu đột phá của nhiệm kỳ.

Hóa. Trong đó có một số nội dung quan trọng như: làm rõ những tổ chức, cá nhân thực hiện tốt nhiệm vụ cải cách hành chính, những tổ chức, cá nhân vi phạm; đẩy nhanh tiến độ thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4, đảm bảo tất cả văn bản của

các sở, ban, ngành, UBND các cấp đều được xử lý trên môi trường mạng; tiếp tục chấn chỉnh lề lối làm việc, thái độ phục vụ và trách nhiệm trong thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đồng thời, xử lý nghiêm trường hợp gây khó khăn, phiền hà, sách nhiễu khi giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân.... Với sự chỉ đạo quyết liệt và sự vào cuộc của nhiều cơ quan ban ngành kết quả cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh có nhiều cải thiện đáng kể. Chỉ số PAPI của tỉnh Thanh Hóa năm 2018 xếp thứ 11 (tăng 9 bậc so với năm 2017 và 16 bậc so với năm 2016), là một trong những tỉnh có chỉ số về nhóm tỉnh/thành phố đạt điểm cao với điểm số từ 7.0 trở lên ở một số trục nội dung như: “Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công”; “Thủ tục hành chính công và cung ứng dịch vụ công”. Riêng 02 trục nội dung “Thủ tục hành chính công” và “cung ứng dịch vụ công” trong 5 năm liên tiếp (từ 2015-2019) liên tục đứng ở vị trí nhóm các tỉnh đứng top đầu (bảng 1).

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, cải cách hành chính tỉnh Thanh Hóa còn một số mặt hạn chế. Đánh giá về kết quả cải cách hành chính giai đoạn 2016-2018, Chỉ thị Chỉ thị số 18/CT-UBND chỉ rõ: Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) hàng năm của tỉnh không ổn định, năm 2017 giảm 26 bậc so với năm 2016. Một số tiêu chí, tiêu chí thành phần ở nhiều lĩnh vực, nội dung có điểm số thấp, như: Công bố, công khai, niêm yết thủ tục hành chính; thực hiện quy định về cơ cấu lãnh đạo cơ quan hành chính; kiểm tra, xử lý các vấn đề phát hiện qua phân cấp; xác định cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm; tỷ lệ đạt chuẩn cán bộ cấp xã; số lượng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần kinh phí; công tác triển khai, duy trì kiến trúc chính quyền điện tử; mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến; việc tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích; số đơn vị hành chính cấp xã áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn ISO 9001:2008; thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn so với chỉ tiêu được giao.

Chỉ số PAPI năm 2016 giảm 15 bậc so với năm 2015; năm 2019 giảm 5 bậc so với năm 2018. Điểm ở một số trục nội dung liên tục giảm qua các năm và rơi vào nhóm các tỉnh có điểm thấp đó là “Sự tham gia của người dân ở cấp cơ sở” (4.91 điểm); “quản trị điện tử” (2,94 điểm).

3. Những vấn đề đặt ra trong thời gian tới

Với mục tiêu xây dựng Thanh Hóa trở thành cực tăng trưởng mới về kinh tế; một trong những trung tâm văn hóa, y tế, thể thao, du lịch của khu vực và trên cả nước, bên cạnh nhiều giải pháp thì đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư thông thoáng, hấp dẫn để thu hút đầu tư tiếp tục được xem là một trong các khâu đột phá của nhiệm kỳ. Theo đó, yêu cầu phải tập trung nâng cao thứ hạng Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI). Trong phạm vi nghiên cứu và trao đổi của bài viết về ý nghĩa của Chỉ số quản trị và hành chính công cấp tỉnh, góp phần nâng cao chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công, tác giả bài viết mạnh dạn đề xuất một số giải pháp sau:

Một là, nâng cao nhận thức đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội từ tỉnh đến cơ về tầm quan trọng của PAPI đối với sự phát triển bền vững của tỉnh. Đồng thời tăng cường công tác phổ biến giáo dục pháp luật tại cộng đồng dân cư, đảm bảo người dân hiểu biết và thực hiện được các quy định pháp luật liên quan đến đời sống thường ngày; ý thức được quyền lợi và trách nhiệm đầy đủ của mình trong việc tham gia vào đời sống chính trị tại cơ sở.

Hai là, Thủ trưởng các ngành, địa phương nhất là chính quyền cấp huyện, xã cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung, nhiệm vụ liên quan trực tiếp đến PAPI, đặc biệt là việc công khai, minh bạch của cấp chính quyền cơ sở; việc giải quyết kịp thời các kiến nghị của người dân; hiệu quả phục vụ Nhân dân của các dịch vụ công; chấn chỉnh, xử lý nghiêm minh những biểu hiện tiêu cực, những thiếu sót của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ...

Ba là, tập trung nghiên cứu, rà soát, đánh giá một cách chính xác, khách quan, toàn diện các vấn đề liên quan đến những điểm thành phần đang ở mức thấp trong báo cáo PAPI, tìm hiểu nguyên nhân và có những biện pháp khắc phục... Trên cơ sở đó ban hành và triển khai thực hiện Kế hoạch nâng cao chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI), theo đó xác định cụ thể chi tiết về các chỉ tiêu mục tiêu, trách nhiệm các sở, ban, ngành, địa phương, chính quyền cấp huyện, xã trong việc cải thiện từng chỉ số thành phần. Tập trung cải thiện rõ rệt các lĩnh vực mà tỉnh Thanh Hóa còn nằm trong nhóm điểm thấp như: Kiểm soát tham nhũng; quản trị môi trường; quản trị điện tử.../.

¹ Quyết định số 1025/QĐ-UBND ngày 04/4/2017 về việc ban hành kế hoạch hành động đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp và nâng cao năng lực cạnh tranh tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016 – 2020.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP THEO HƯỚNG BỀN VỮNG Ở TỈNH THANH HÓA HIỆN NAY

ThS. Nguyễn Thị Lan Hương*

Phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững là xu hướng chủ đạo, là chìa khóa thành công của các nước có nền nông nghiệp phát triển, đồng thời là xu hướng tất yếu cho nền nông nghiệp Việt Nam trong xu thế hội nhập quốc tế hiện nay. Việc phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững vừa là đòi hỏi bức thiết từ thực tiễn sản xuất, vừa là một trong những giải pháp thành công quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn cũng như quá trình đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế và tái cơ cấu ngành nông nghiệp ở nước ta. Điều này đã được xác định trong Văn kiện Đại hội XII của Đảng: “*Đẩy nhanh cơ cấu lại ngành nông nghiệp, xây dựng nền nông nghiệp sinh thái phát triển toàn diện cả về nông, lâm, ngư nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững, trên cơ sở phát huy lợi thế so sánh và tổ chức lại sản xuất, thúc đẩy ứng dụng sâu rộng khoa học - công nghệ, nhất là công nghệ sinh học, công nghệ thông tin vào sản xuất, quản lý nông nghiệp và đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn...*”¹. Phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững chính là kiến tạo một nền sản xuất nông nghiệp bền vững cả về mặt lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất gắn với bảo vệ môi trường; có tốc độ tăng trưởng, năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất kinh doanh ngày càng cao một cách vững chắc; có mô hình sản xuất - kinh doanh bền vững, đáp ứng ổn định lương thực, thực phẩm, nguyên liệu cho sản xuất và tiêu dùng trong nước, xuất khẩu cả trước mắt và lâu dài; trên cơ sở chuyển dịch cơ cấu kinh tế và sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên, giải quyết tốt các vấn đề xã hội gắn với bảo vệ môi trường sinh thái.

Nhận thức được vai trò, tầm quan trọng của việc phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững, trong những năm qua tỉnh Thanh Hóa đã ban hành, tổ chức thực hiện tốt nhiều chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, như: Chính sách xúc tiến mở rộng thị trường; chính sách khuyến khích chuyển giao và ứng dụng khoa học - công nghệ; chính sách đầu tư cho phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp; chính sách bảo vệ môi trường

Theo số liệu của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thanh Hóa, sản xuất nông, lâm, thủy sản phát triển ổn định và đạt kết quả khá toàn diện, đến hết 2019, tỷ trọng ngành nông nghiệp chiếm hơn 12,7%. Sản xuất trồng trọt đạt kết quả cao, sản lượng lương thực hàng năm đạt trên 1,6 triệu tấn. Cơ cấu cây trồng đã chuyển dịch theo hướng từ cây có hiệu quả thấp sang cây trồng có hiệu quả cao hơn.

trong sản xuất nông nghiệp, nông thôn; chính sách bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp, nông thôn... Vì vậy, sản xuất nông nghiệp của tỉnh đã có những bước phát triển toàn diện, bước đầu hình thành một số vùng sản xuất hàng hóa tập trung quy mô lớn, đẩy mạnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp nhằm khắc phục tình trạng manh mún, mở rộng quy mô, nâng cao hiệu quả sản xuất; tốc độ tăng trưởng ngành nông nghiệp giá trị sản xuất toàn ngành bình quân hằng năm đạt khoảng 3%... Qua đó đóng góp quan trọng vào tăng trưởng giá trị sản xuất ngành nông nghiệp của tỉnh (bình quân giai đoạn 2011 - 2019 đạt 2,9%), bảo đảm an ninh lương thực, nâng cao thu nhập cho người dân. Theo số liệu của Sở Nông nghiệp và Phát triển

(*) Phó Trường Khoa Lý luận cơ sở

THỰC TIỄN VÀ KINH NGHIỆM

nông thôn tỉnh Thanh Hóa, sản xuất nông, lâm, thủy sản phát triển ổn định và đạt kết quả khá toàn diện, đến hết 2019, tỷ trọng ngành nông nghiệp chiếm hơn 12,7%. Sản xuất trồng trọt đạt kết quả cao, sản lượng lương thực hàng năm đạt trên 1,6 triệu tấn. Cơ cấu cây trồng đã chuyển dịch theo hướng từ cây có hiệu quả thấp sang cây trồng có hiệu quả cao hơn; toàn tỉnh đã chuyển đổi hơn 30.000ha cây trồng kém hiệu quả, năng suất thấp sang các loại cây trồng có giá trị cao; xây dựng được 35.612 ha mô hình cánh đồng mẫu; hơn 36.000ha mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị. Phát triển chăn nuôi đã có sự chuyển biến rõ nét về tổ chức sản xuất, chuyển mạnh sang chăn nuôi tập trung, quy mô lớn, công nghệ cao. Nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ theo hướng an toàn, bền vững. Sản xuất lâm nghiệp phát triển khá, hằng năm, trồng trên 2 triệu cây phân tán, tỷ lệ che phủ rừng đạt 53,03%, tăng 5,83%. Kinh tế hợp tác, liên kết trong nông nghiệp được đẩy mạnh; đến năm 2019, toàn tỉnh hiện có 630 hợp tác xã (HTX) nông nghiệp; trong đó, có 434 HTX tham gia liên kết sản xuất và hoạt động có hiệu quả; có 52 HTX ứng dụng công nghệ cao và theo hướng công nghệ cao, các HTX hoạt động theo đúng quy định của Luật HTX năm 2012 và có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững. Có 989 tổ hợp tác, 998 trang trại (515 trang trại chăn nuôi, 96 trang trại trồng trọt, 135 trang trại thủy sản, 241 trang trại tổng hợp, 11 trang trại lâm nghiệp). Toàn tỉnh có 790 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, trong đó có 52 doanh nghiệp trồng trọt, 48 doanh nghiệp chăn nuôi, 13 doanh nghiệp lâm nghiệp, 9 doanh nghiệp thủy sản, 668 doanh nghiệp tổng hợp; tổng nguồn vốn đầu tư khoảng 8.227 tỷ đồng, giải quyết việc làm ổn định cho 12.977 người. Bên cạnh sự đầu tư, phát triển của các doanh nghiệp nhỏ và vừa, một số tập đoàn, doanh nghiệp lớn đã đẩy mạnh đầu tư vào nông nghiệp, nhất là nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, tập đoàn lớn như Vinamilk, TH, Dabaco Việt Nam, Mastergood - Hungary. Thông qua các mô hình phát

triển sản xuất đã góp phần chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trong sản xuất nông nghiệp, nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm, góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập. Tỷ lệ hộ nghèo khu vực nông thôn giảm xuống còn 3,7%; thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn khoảng 32,5 triệu đồng/năm².

Tuy nhiên, sự phát triển của ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh vốn có của tỉnh, nhiều nơi sản xuất còn phân tán, manh mún, nhỏ lẻ; chưa có nhiều vùng sản xuất hàng hóa tập trung quy mô lớn ứng dụng công nghệ cao mà chủ yếu vẫn là sản xuất nông hộ, chất lượng sản phẩm còn thấp, khả năng cạnh tranh hạn chế. Quá trình phát triển các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao, vùng nông nghiệp công nghệ cao còn tự phát, chưa có quy hoạch, kế hoạch và cơ chế chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của tỉnh. Việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất phục vụ cho công tác nghiên cứu, ứng dụng khoa học kỹ thuật trong nông nghiệp còn hạn chế và chưa đồng bộ. Vấn đề đào tạo nguồn nhân lực kể cả cán bộ kỹ thuật có trình độ chuyên sâu và kỹ thuật viên mặc dù đã được quan tâm nhưng vẫn còn thiếu chưa đáp ứng được yêu cầu. Sản xuất một số sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao quy mô còn nhỏ lẻ, chưa hình thành vùng sản xuất tập trung, sản xuất hàng hóa lớn, gắn với chế biến, tiêu thụ.

Thực tiễn này đã đặt ra cho tỉnh Thanh Hóa cần đẩy mạnh chuyển đổi nền nông nghiệp, làm cho nông nghiệp trở nên hiệu quả và bền vững chính là chìa khóa để nâng cao tăng trưởng kinh tế. Theo đó, cần tập trung vào một số giải pháp sau:

Thứ nhất, nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ và Nhân dân về phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững. Nâng cao nhận thức giúp các chủ thể hiểu rõ tầm quan trọng của phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững, trách nhiệm, cách thức để phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững. Trong điều kiện biến đổi khí hậu và hội nhập quốc tế về nông nghiệp, phát triển nông nghiệp

theo hướng bền vững nhằm thực hiện hiệu quả mục tiêu phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững trên thực tế. Đây chính là khâu đột phá trong sản xuất nông nghiệp cả trước mắt và lâu dài nhằm phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, quy mô lớn, công nghệ cao, đạt năng suất, hiệu quả cao hơn; từ đó tạo sự đồng thuận, tự giác, tự nguyện của mọi tầng lớp Nhân dân. Để làm tốt điều đó, hằng năm tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức ngắn hạn về phát triển bền vững nói chung, kiến thức về phát triển nông nghiệp bền vững nói riêng; kiến thức về biến đổi khí hậu, hội nhập trong nông nghiệp; những vấn đề trong lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội trong điều kiện biến đổi khí hậu, hội nhập quốc tế... Tổ chức các đoàn đi học tập, nghiên cứu mô hình phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững, mô hình xây dựng nông thôn mới ở một số địa phương điển hình trong nước. Bên cạnh đó cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền chỉ rõ trách nhiệm của doanh nghiệp thực hiện

Thứ hai, tiếp tục hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách, pháp luật đồng bộ để tạo môi trường, tạo động lực cho phát triển nông nghiệp và nông thôn của tỉnh. Từ đó huy động, sử dụng các nguồn lực cơ bản vào phát triển nông nghiệp theo hướng gắn tăng trưởng nông nghiệp với thực hiện các vấn đề xã hội và bảo vệ môi trường góp phần để nông nghiệp phát triển hiệu quả và bền vững. Trong đó, tạo điều kiện thuận lợi để người nông dân, doanh nghiệp tiếp cận được các nguồn lực một cách bình đẳng, minh bạch, như đất đai, tài nguyên, nguồn vốn, khoa học - công nghệ... Đây là giải pháp rất quan trọng nhằm đổi mới mô hình tăng trưởng trong nông nghiệp.

Đẩy mạnh tái cơ cấu nền nông nghiệp, tập trung vào tái cơ cấu đầu tư công và dịch vụ công trong nông nghiệp, tạo môi trường thuận lợi cho hình thành có hiệu quả và bền vững chuỗi giá trị nông sản dựa trên lợi thế so sánh của từng vùng, từng địa phương; nghiên cứu và ứng dụng khoa học - công nghệ, nhất là công nghệ sản xuất và chế biến nông sản.

Thực hiện các mô hình tích tụ, tập trung đất đai theo hướng ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, gắn sản xuất với bao tiêu sản phẩm theo chuỗi giá trị. Sử dụng tiêu chí cụ thể để đánh giá hiệu quả sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, bao gồm: tăng chất lượng cây trồng, vật nuôi; chất

Để tiếp tục đẩy mạnh phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền về sự cần thiết phải phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững trong giai đoạn hiện nay; tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành cơ chế, chính sách đủ mạnh để khuyến khích doanh nghiệp đầu tư nông nghiệp, nông thôn nhằm từng bước xây dựng nền nông nghiệp hiện đại, khả năng cạnh tranh cao, thích ứng với biến đổi khí hậu, trở thành một trong những trụ cột tăng trưởng của tỉnh trong thời gian tới.

lượng cây trồng, vật nuôi ổn định; tăng khả năng tiêu thụ sản phẩm; tăng thu nhập ròng từ sản xuất nông nghiệp. Tập trung phát triển sản phẩm có khả năng cạnh tranh và thị trường tiêu thụ; đa dạng hóa thị trường, cả thị trường trong nước và xuất khẩu.

Thứ ba, đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất nông nghiệp. Tiếp tục ứng dụng công nghệ sinh học vào giống cây trồng, con nuôi chủ lực có năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế cao và thích ứng với biến đổi khí hậu. Liên kết sản xuất và tiêu thụ giữa người sản xuất với người tiêu dùng. Tăng cường ứng dụng quy trình sản xuất VietGAP, GlobalGAP... và các chế phẩm sinh học trong sản xuất sản phẩm nông nghiệp sạch, an toàn nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hóa phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu. Bên cạnh đó, cần đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến, sơ chế nông sản tạo ra sự đa dạng của giá trị sử dụng, tăng thời gian bảo quản sản phẩm, giảm tỷ lệ thất thoát sau thu hoạch; tạo giá trị gia tăng, nâng cao thu nhập cho nông dân.

Thứ tư, mở rộng và đẩy mạnh liên kết 4 nhà: Nhà nước, nhà nông, nhà doanh nghiệp, nhà khoa học. Trong đó lấy doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ trang trại là trung tâm, là động lực cho quá trình phát triển, là người tổ chức sản xuất, là người cung cấp dịch vụ đầu vào và tiêu thụ sản phẩm trong một chuỗi giá trị; người nông dân đóng vai trò là người sản xuất và được hưởng lợi ích phân phối từ lao động của mình cũng như từ việc góp vốn của mình. Xây dựng hệ thống thông tin minh bạch, phổ biến và công khai hoá các chủ trương, chính sách của tỉnh, huyện liên quan đến khuyến khích doanh nghiệp và hộ nông dân tham gia liên kết thông qua hình thức ký kết hợp đồng. Cần có những dự báo và khuyến cáo về sản xuất, tiêu thụ nông sản ở địa phương để các chủ thể tiếp thu và chấp hành một cách kịp thời, mạnh mẽ hơn nhằm tạo ra chuỗi sản xuất - tiêu thụ ổn định, bền vững. Tiếp tục quan tâm đến tạo sự liên kết bền vững trong sản xuất nông nghiệp, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp; tạo điều kiện thuận lợi về thủ tục chuyển nhượng, thuê, góp đất nông nghiệp, vận động người dân “dồn điền, đổi thửa” khuyến khích tích tụ ruộng đất để phát triển sản xuất quy mô lớn.

Cần thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ vốn, hỗ trợ chi phí sản xuất, giao đất, giao rừng cho người dân; tăng cường đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất nông nghiệp như: Đường giao thông, thủy lợi, kênh mương nội đồng, bờ vùng, bờ thửa, lưới điện, thông tin liên lạc trên tinh thần xã hội hóa với nguồn vốn từ ngân sách, từ sự đóng góp công sức của Nhân dân và đóng góp của doanh nghiệp tham gia liên kết.

Thứ năm, tổ chức tốt thị trường, hệ thống và các kênh phân phối nông sản. Việc tổ chức tốt lưu thông hàng hóa cần tập trung tạo ra những tiền đề bên trong cho sản xuất và phân công lao động trong nông nghiệp theo hướng mở rộng các ngành nghề chế biến dịch vụ bên cạnh sản xuất nông nghiệp, đồng thời tạo ra các tiền đề bên ngoài (nhất là mở rộng thị trường xuất khẩu) để đưa sản xuất hàng hoá ở nông thôn lên quy mô lớn, tiếp cận với thị trường thế giới. Đẩy

mạnh công tác xúc tiến thương mại dưới nhiều hình thức như: tăng cường giới thiệu, quảng bá các sản phẩm nông thủy sản chủ lực có chất lượng cao trên website của tỉnh, của ngành, của doanh nghiệp. Muốn vậy, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan chức năng với các doanh nghiệp, hợp tác xã trong việc xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm nông sản gắn với truy xuất nguồn gốc và quản lý chất lượng theo chuỗi.

Đa dạng hóa các thị trường nông sản xuất khẩu và đẩy mạnh tiêu thụ trong nước nhằm chủ động hơn trong việc tiêu thụ nông, lâm, thủy sản; không ngừng tìm kiếm thị trường xuất khẩu mới, bên cạnh thị trường truyền thống. Đồng thời đẩy mạnh khâu chế biến, nhất là đối với sản phẩm rau quả để hạn chế thiệt hại. Còn về lâu dài, tập trung hình thành sản xuất, chế biến, xuất khẩu theo chuỗi ngành hàng để sẵn sàng đối mặt với mọi rủi ro có thể xảy ra.

Tóm lại, phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững ở tỉnh Thanh Hóa trong những năm vừa qua đã đạt được nhiều thành tựu cơ bản. Tuy nhiên trên thực tế, do nhiều nguyên nhân khác nhau, sản xuất nông nghiệp của tỉnh vẫn chưa khai thác hết tiềm năng, thế mạnh của tỉnh. Vì vậy, để tiếp tục đẩy mạnh phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền về sự cần thiết phải phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững trong giai đoạn hiện nay; tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành cơ chế, chính sách đủ mạnh để khuyến khích doanh nghiệp đầu tư nông nghiệp, nông thôn nhằm từng bước xây dựng nền nông nghiệp hiện đại, khả năng cạnh tranh cao, thích ứng với biến đổi khí hậu, trở thành một trong những trụ cột tăng trưởng của tỉnh trong thời gian tới./.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII. H. Nxb Sự thật, 2016, tr. 92.

2. Báo cáo thực hiện Kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn năm 2019 và triển khai Kế hoạch 2020 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Báo cáo số 185/BC - BCD của Ban chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Thanh Hóa, ngày 6/11/2019: Tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2010 – 2020, tỉnh Thanh Hóa.

**PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN TRONG ĐỔI MỚI
VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG - TỰ THỰC TIỄN
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH THANH HÓA**

ThS. Lê Ái Bình*

Nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ là vấn đề quan trọng hàng đầu đối với các trường chính trị tỉnh, thành phố trong cả nước. Đặc biệt, trong những năm gần đây, trước yêu cầu mới của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế đang đặt ra đối với các cấp, các ngành đẩy mạnh thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng về công tác cán bộ, về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ... Đây là những nhiệm vụ quan trọng đặt ra cho công tác đào tạo, bồi dưỡng ở các trường chính trị cần tiếp tục đổi mới nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng đội ngũ cán bộ trong tình hình hiện nay.

Đối với Trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa - một trường có bề dày lịch sử 70 năm xây dựng và phát triển, trong những năm qua, trên cơ sở phát huy truyền thống của nhà trường, bám sát phương hướng, nhiệm vụ của Tỉnh ủy và Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, nhà trường tiếp tục đổi mới đồng bộ và nâng cao chất lượng toàn diện công tác đào tạo, bồi dưỡng từ quy trình tổ chức các lớp đến cải tiến nội dung chương trình, đổi mới phương pháp dạy - học và đổi mới đánh giá kết quả học tập của học viên.

Trong quá trình thực hiện đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng, Đảng ủy, Ban Giám hiệu nhà trường luôn nhận thức rõ đội ngũ giảng viên là then chốt, quyết định chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng. Đội ngũ giảng viên không chỉ là người định hướng, hỗ trợ học viên học tập, tiếp thu kiến thức về lý luận chính trị, khoa học quản lý, kỹ năng nghiệp vụ; định hướng cho học viên tự học, tự nghiên cứu để phát triển tư duy, phương pháp luận khoa học để giải quyết các vấn đề

thực tiễn, mà còn có thể tham mưu cho cấp ủy, chính quyền trong công tác lãnh đạo, quản lý, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh. Chính vì vậy, trong quá trình đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng, cùng với việc quan tâm nâng cao trình độ, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ giảng viên, Đảng ủy, Ban Giám hiệu đã rất chú trọng việc định hướng, giao trách nhiệm và tạo điều kiện, môi trường để phát huy vai trò của đội ngũ giảng viên trong tất cả các khâu của quá trình đổi mới.

Đội ngũ giảng viên không chỉ là người định hướng, hỗ trợ học viên học tập, tiếp thu kiến thức về lý luận chính trị, khoa học quản lý, kỹ năng nghiệp vụ; định hướng cho học viên tự học, tự nghiên cứu để phát triển tư duy, phương pháp luận khoa học để giải quyết các vấn đề thực tiễn, mà còn có thể tham mưu cho cấp ủy, chính quyền trong công tác lãnh đạo, quản lý, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh.

Ngay từ khâu đổi mới quy trình tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, với phương châm “học đi đôi với hành”, “lý luận gắn với thực tiễn”, đối với các lớp Trung cấp lý luận chính trị - hành chính tập trung, nhà trường đã đổi mới quy trình tổ chức đào tạo theo hướng học viên học 02 tuần tại trường theo các chuyên đề, 02 tuần nghiên cứu thực tế ở địa phương, đơn vị; đối với các lớp không tập trung, trên cơ sở căn cứ đặc thù công việc và nguyện vọng của học viên, nhà trường tổ chức học theo từng đợt

(*) Phó trưởng Khoa Xây dựng Đảng

THỰC TIỄN VÀ KINH NGHIỆM

trong tháng hoặc học vào các ngày cuối tuần, các buổi tối để đảm bảo học viên chủ động sắp xếp vừa học, vừa làm, đồng thời gắn nghiên cứu thực tế ở địa phương, đơn vị. Các lớp bồi dưỡng được tổ chức theo mô hình 3-3-3 (3 mục tiêu: nâng cao nhận thức, niềm tin, thái độ; nâng cao kiến thức lãnh đạo, quản lý theo chức danh; hoàn thiện phương pháp lãnh đạo, quản lý; 3 nội dung: cập nhật kiến thức mới, bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo và quản lý, trao đổi kinh nghiệm thực tiễn lãnh đạo, quản lý; 3 hoạt động: học các chuyên đề, tọa đàm, hội thảo, đi nghiên cứu thực tế). Đây là các mô hình tổ chức đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với yêu cầu phát triển và nâng cao năng lực hoạt động thực tiễn cho học viên. Tuy nhiên, để có thể tổ chức đào tạo, bồi dưỡng theo các mô hình này một cách hiệu quả, Ban Giám hiệu đã chỉ đạo các khoa chuyên môn quán triệt đến giảng viên trong quá trình giảng dạy phải vừa định hướng, hỗ trợ học viên học tập, tiếp thu kiến thức về lý luận chính trị, khoa học quản lý, kỹ năng nghiệp vụ, nhưng đồng thời cũng phải định hướng cho học viên tự học, tự nghiên cứu để phát triển tư duy, phương pháp luận khoa học trong giải quyết các vấn đề thực tiễn. Theo đó, ngay từ đầu năm học, các khoa chuyên môn phải chủ động xây dựng kế hoạch nghiên cứu thực tế của từng bộ môn cho học viên để từ trên cơ sở đó, trong quá trình giảng dạy, từng môn học, từng chuyên đề, các giảng viên phải gợi mở và định hướng cụ thể các nội dung, các vấn đề để học viên vận dụng kiến thức đã học vào các hoạt động thực tiễn, viết chuyên đề đề ra các giải pháp nâng cao chất lượng công tác và giải quyết những vấn đề đang đặt ra ở ngay chính tại địa phương, cơ sở nơi học viên công tác.

Cùng với đổi mới quy trình tổ chức lớp học, trong những năm qua, Trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa đã thực hiện cải tiến nội dung chương trình đào tạo, bồi dưỡng theo phương châm rõ hơn về lý luận, sát với đối tượng và phù hợp với thực tiễn; bổ sung các chuyên đề thực tiễn về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, về công tác xây dựng Đảng; các chuyên đề kỹ năng lãnh đạo, quản lý. Trong đó, để phát huy vai trò của đội ngũ giảng viên trong tham gia

nghiên cứu, biên soạn và thẩm định tài liệu, trên cơ sở căn cứ vào chuyên môn của từng giảng viên, Ban Giám hiệu đã chỉ đạo thành lập các nhóm nghiên cứu, biên soạn các chuyên đề với sự phân công trách nhiệm cụ thể cho từng thành viên, đồng thời thành lập các hội đồng thẩm định tài liệu để cùng tham gia hỗ trợ, giúp đỡ các nhóm nghiên cứu. Chính thông qua đó, các giảng viên có cơ hội được phát huy trí tuệ, trực tiếp tham gia biên soạn nhiều chuyên đề để đưa vào giảng dạy đối với các lớp Trung cấp lý luận chính trị - hành chính và các lớp bồi dưỡng như: Phần tình hình, nhiệm vụ của địa phương trong chương trình Trung cấp lý luận

Để phát huy vai trò của đội ngũ giảng viên trong tham gia nghiên cứu, biên soạn và thẩm định tài liệu, trên cơ sở căn cứ vào chuyên môn của từng giảng viên, Ban Giám hiệu đã chỉ đạo thành lập các nhóm nghiên cứu, biên soạn các chuyên đề với sự phân công trách nhiệm cụ thể cho từng thành viên, đồng thời thành lập các hội đồng thẩm định tài liệu để cùng tham gia hỗ trợ, giúp đỡ các nhóm nghiên cứu.

chính trị - hành chính; các chuyên đề kỹ năng lãnh đạo, quản lý, các chuyên đề thực tiễn về những vấn đề đang đặt ra hiện nay về đạo đức công vụ, diễn biến hòa bình, cách mạng công nghiệp 4.0,... cho cả các lớp Trung cấp lý luận chính trị - hành chính và các lớp bồi dưỡng.

Trong thực hiện đổi mới phương pháp dạy - học, Ban Giám hiệu chỉ đạo quyết liệt đổi mới theo phương châm 3 tăng, 3 giảm (Tăng tính chủ động, tăng trao đổi, đối thoại, tăng kỹ năng xử lý tình huống); (Giảm thụ động; giảm đọc - chép; giảm lý thuyết). Đây là một trong những mô hình tiêu biểu trong đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng của Trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa trong những năm gần đây và đã tạo hiệu ứng tích cực đối với giảng viên, học viên. Riêng đối với đội ngũ giảng viên, thực hiện sự chỉ đạo của Ban Giám hiệu, trong quá trình giảng dạy, cùng với việc không ngừng học

tập nâng cao trình độ, mỗi giảng viên đều chú trọng đến việc rèn luyện, đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tăng cường áp dụng các phương pháp dạy học tích cực, trong đó, giảng viên đóng vai trò là người định hướng, dẫn dắt, gợi mở các vấn đề để học viên trao đổi, thảo luận; tăng các bài tập xử lý tình huống để tạo diễn đàn trao đổi, thảo luận đa chiều giữa giảng viên và học viên, giữa học viên và học viên. Từ đó góp phần làm tăng sự kết nối về tri thức giữa người dạy và người học, tạo được sự hứng thú, phấn khởi cho học viên trong học tập, đồng thời qua đó cũng giúp các giảng viên thu lượm được kiến thức thực tiễn từ học viên để làm phong phú thêm vốn kiến thức của mình. Đặc biệt, để phát huy tính chủ động của người học, tạo diễn đàn cho học viên chủ trì trao đổi, thảo luận, trên cơ sở kết quả nghiên cứu thực tế của học viên, các khoa chuyên môn phân công giảng viên tổ chức cho học viên báo cáo sản phẩm nghiên cứu thực tế thông qua hình thức tọa đàm, hội thảo các vấn đề thực tiễn ở địa phương (về đạo đức, tác phong, phong cách, trách nhiệm thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; cải cách hành

chính ở địa phương; phát triển sản xuất hàng hóa; công tác giảm nghèo ở địa phương...), trao đổi các chuyên đề rèn luyện kỹ năng. Qua đó cũng góp phần nâng cao kiến thức, năng lực và kỹ năng cần thiết cho học viên.

Đối với việc thực hiện đổi mới đánh giá kết quả học tập của học viên, thực hiện phương châm chỉ đạo của Ban Giám hiệu, các khoa, phòng và đội ngũ giảng viên đã phối hợp chặt chẽ trong đổi mới các khâu đánh giá kết quả học tập của học viên, kết hợp giữa đánh giá điểm số với đánh giá quá trình học tập, lấy chất lượng sản phẩm nghiên cứu thực tế làm một tiêu chí đánh giá kết quả học tập môn học, phần học. Trong đó, cùng với việc thực hiện tổ chức thi và chấm thi, chấm khóa luận đảm bảo đúng quy chế, quy định của Học viện Chính trị Quốc

gia Hồ Chí Minh, các khoa chuyên môn và các giảng viên đã thực hiện nghiêm túc sự chỉ đạo của Ban Giám hiệu về tổ chức cho học viên báo cáo chuyên đề, chuyên luận (*gắn lý luận với thực tiễn*) sau mỗi phần học và coi đó là một trong những cơ sở đánh giá kết quả môn học, phần học của học viên; khách quan, công tâm trong đánh giá, nhận xét kết quả học tập, rèn luyện của học viên để gửi về cơ quan, đơn vị nơi học viên công tác làm cơ sở cho việc sử dụng có hiệu quả cán bộ sau đào tạo, bồi dưỡng.

Như vậy, có thể khẳng định rằng, trong quá trình thực hiện đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng của Trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa, trên cơ sở nhận thức rõ đội ngũ giảng viên là then chốt, quyết định chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng, Đảng ủy, Ban

Giám hiệu nhà trường đã luôn chú trọng việc định hướng, gắn trách nhiệm và tạo điều kiện, môi trường để phát huy vai trò của đội ngũ giảng viên. Chính vì vậy đã tạo động lực quan trọng để mỗi giảng viên phát huy năng lực, sở trường, tinh thần trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ, không ngừng ngày càng

trưởng thành và đóng góp quan trọng vào quá trình đổi mới toàn diện của Nhà trường. Tuy nhiên, trong giai đoạn mới - giai đoạn tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, quê hương và hội nhập quốc tế sâu rộng trong bối cảnh quốc tế có những diễn biến phức tạp khó lường. Đồng thời, đây cũng là giai đoạn các cấp ủy, chính quyền đang tập trung thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 19-5-2018, của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược đầy đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ”; là giai đoạn Đảng bộ và nhân dân Thanh Hóa đang tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 12/3/2012 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh “Về tiếp tục xây dựng đội

Không ngừng học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và rèn luyện phương pháp sư phạm, phương pháp làm việc khoa học. Đây chính là vấn đề có ý nghĩa quyết định đến việc thực hiện thành công chức năng giáo dục của người giáo viên và là điều kiện có tính quyết định cho sự tồn tại và phát triển của hệ thống nhà trường.

ngũ cán bộ và đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ đáp ứng yêu cầu Thanh Hóa trở thành tỉnh tiên tiến vào năm 2020”; Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 21/7/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy “Về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, xây dựng Thanh Hoá thành tỉnh tiên tiến vào năm 2020”, đội ngũ giảng viên Trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa đang đứng trước sự đòi hỏi ngày càng cao về mọi mặt:

Trước hết, đó là sự vững vàng về bản lĩnh chính trị, kiên định mục tiêu lý tưởng về con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội mà Đảng, Bác Hồ và Nhân dân đã chọn; trung thành với Đảng, với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Đây là một trong những yêu cầu hết sức quan trọng đối với giảng viên giảng dạy lý luận, chính trị. Đặc biệt, trong bối cảnh hiện nay, khi tình hình thế giới, trong nước đang có những diễn biến rất phức tạp, hơn lúc nào hết người giảng viên lý luận, chính trị phải có bản lĩnh chính trị vững vàng và kiên định. Kiên quyết đấu tranh, phê phán những quan điểm sai trái, phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Hai là, đòi hỏi về sự nhuần nhuyễn giữa tri thức lý luận với thực tiễn cuộc sống đất nước và tình hình thế giới; cập nhật, nắm bắt và chuyển tải kịp thời những tri thức mới, những quan điểm, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước vào trong các bài giảng. Bởi vì công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, đòi hỏi năng lực thực tiễn xã hội rất cao, học viên cần trang bị kỹ năng thực hành để xử lý, giải quyết các tình huống phức tạp thường xảy ra ở đơn vị, địa phương - nơi học viên đang công tác, cho nên đòi hỏi giảng viên không chỉ biết lý thuyết mà còn phải có một trình độ thực tiễn cao để tham gia cùng học viên - những người làm việc thực tế giải quyết những vấn đề mới mà thực tiễn đang đặt ra trên cơ sở chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Ba là, không ngừng học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và rèn luyện phương pháp sư phạm, phương pháp làm việc khoa học. Đây chính là vấn đề có ý nghĩa quyết

định đến việc thực hiện thành công chức năng giáo dục của người giáo viên và là điều kiện có tính quyết định cho sự tồn tại và phát triển của hệ thống nhà trường. Đặc biệt đối với giảng viên trẻ, để có vốn hiểu biết sâu rộng, đủ sức luận giải những vấn đề lý luận và thực tiễn để thuyết phục được người nghe thì đòi hỏi phải không ngừng học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và tích cực rèn luyện phương pháp sư phạm, phải thực sự tâm huyết trong việc nghiên cứu, giảng dạy, phải tự vươn lên để khẳng định vị thế của mình, khắc phục mọi biểu hiện thoả mãn, tự kiêu, thiếu tích cực, thiếu nhạy bén...

Bốn là, tinh thần trách nhiệm, lương tâm đạo đức nhà giáo, tất cả vì sự nghiệp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của địa phương đáp ứng yêu cầu của công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; vì sự phát triển vững mạnh toàn diện của nhà trường trong tình hình mới. Bởi hiện nay, những mặt trái của nền kinh tế thị trường và biến động chính trị từ bên ngoài ngày càng đa chiều phức tạp đang tác động lớn đến mọi người trong xã hội. Điều này đòi hỏi giảng viên trường chính trị - những chiến sỹ trên mặt trận giáo dục chính trị, tư tưởng cần phải có đủ sức mạnh của ý chí, bản lĩnh, tự tin và lòng nhiệt thành cách mạng để tiếp tục vượt qua những khó khăn hiện tại, có lòng can đảm để chống lại cái xấu, cái tiêu cực trong ngành, trong xã hội; không ngừng phấn đấu để đóng góp vào sự phát triển của nhà trường và sự nghiệp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của tỉnh nhà.

Để đáp ứng được những yêu cầu đó cần có sự nỗ lực phấn đấu với tinh thần trách nhiệm cao của chính mỗi giảng viên. Đồng thời cũng rất cần sự tiếp tục quan tâm giúp đỡ của Đảng ủy, Ban Giám hiệu nhà trường để đội ngũ giảng viên của nhà trường tiếp tục phấn đấu, trưởng thành và đóng góp nhiều hơn nữa vào sự phát triển của nhà trường, vào sự nghiệp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của tỉnh nhà, để nhà trường luôn xứng đáng là một trung tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý có chất lượng cao của tỉnh, góp phần xây dựng Thanh Hóa phát triển nhanh hơn, mạnh mẽ hơn, ngày càng thịnh vượng, văn minh sớm trở thành “Tỉnh kiểu mẫu” như sinh thời Bác Hồ kính yêu hằng mong muốn./

MỘT VÀI SUY NGHĨ VỀ THỰC HIỆN PHƯƠNG CHÂM GẮN LÝ LUẬN VỚI THỰC TIỄN TRONG GIẢNG DẠY MÔN LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM THÔNG QUÁ ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY

ThS. Lê Hải Yến *

Lý luận gắn liền với thực tiễn là nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác –Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Nguyên tắc đó cũng đã trở thành phương châm trong dạy và học ở các trường nói chung và hệ thống các trường chính trị nói riêng. Từ thực tế giảng dạy, bài giảng có tính thực tiễn sẽ làm cho các nguyên lý, lý luận trừu tượng thành những vấn đề gần gũi, giản dị, dễ tiếp thu, dễ nhớ và có thể khắc sâu trong trí thức của người học. Đối với các trường chính trị, mục tiêu đào tạo là trang bị những kiến thức cơ bản về lý luận chính trị và kỹ năng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý hoặc nguồn cán bộ lãnh đạo, quản lý của các địa phương, các cơ quan, đơn vị để hình thành cho họ phương pháp luận mácxít trong nhìn nhận đánh giá và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

Lịch sử Đảng là một môn học vừa có tính lý luận nhưng cũng vừa có tính thực tiễn, cho nên khi thực hiện giảng dạy môn này đòi hỏi giảng viên cần phải quán triệt sâu sắc nguyên tắc lý luận gắn liền với thực tiễn.

Mặt khác, đối tượng học viên của Trường Chính trị đều là những người có kiến thức thực tiễn rất phong phú. Khi học lý luận chính trị họ không chỉ cần trang bị những kiến thức lý luận mà còn phải trang bị những kiến thức, kinh nghiệm từ thực tiễn, để giúp người học là cán bộ lãnh đạo, quản lý giải quyết tốt các tình huống phức tạp thường xảy ra ở địa phương, đơn vị công tác.

Môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là một trong những môn học của chương trình đào tạo Trung cấp LLCT-HC ở Trường Chính trị giúp cho người học thấy rõ được toàn bộ quá trình hình thành, phát triển của tổ chức đảng và những hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện của Đảng; khẳng định sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu bảo đảm mọi thắng lợi

của cách mạng Việt Nam; làm rõ những vấn đề có tính quy luật của cách mạng Việt Nam; góp phần tổng kết những kinh nghiệm lịch sử phục vụ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc; đồng thời giáo dục, củng cố niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và con đường cách mạng. Từ đó cho thấy, Lịch sử Đảng là một môn học vừa có tính lý luận nhưng cũng vừa có tính thực tiễn, cho nên khi thực hiện giảng dạy môn này đòi hỏi giảng viên cần phải quán triệt sâu sắc nguyên tắc lý luận gắn liền với thực tiễn. Tuy nhiên, đây không phải là vấn đề đơn giản, nó đòi hỏi ở người giảng viên không những phải có vốn thực tiễn phong phú mà còn phải biết lựa chọn nội dung và cách thức liên hệ các vấn đề thực tiễn sao cho phù hợp với nội dung của bài giảng và phù hợp với đối tượng học viên. Điều đó có nghĩa, muốn thực hiện đổi mới phương châm đào tạo theo hướng lý luận gắn liền với thực tiễn thì đổi mới phương pháp dạy học là một trong những khâu hết sức quan trọng.

Trước đây, trong giảng dạy các môn lý luận nói chung, môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam nói riêng, phương pháp được các giảng viên áp dụng chủ yếu đó chính là phương pháp thuyết trình. Không thể phủ nhận những ưu thế của phương pháp này, nhất là đối với môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Khi sử dụng phương pháp thuyết trình, những giảng viên có trình độ chuyên môn sâu, có kỹ năng truyền đạt tốt sẽ giúp cho người học nắm được nội dung vấn đề một cách có hệ thống và chi

(*) Giảng viên Khoa Xây dựng Đảng

THỰC TIỄN VÀ KINH NGHIỆM

tiết. Trong một khoảng thời gian ngắn, phương pháp thuyết trình có thể cung cấp một lượng thông tin kiến thức lớn cho số lượng đông người nghe... Tuy nhiên, hạn chế lớn nhất của phương pháp này là ở chỗ mới chỉ tạo được luồng thông tin một chiều từ người giảng đến người học. Trong các giờ học, học viên chỉ có nhiệm vụ chăm chú nghe và ghi chép những lời giảng của giảng viên, không có thời gian để suy nghĩ và liên hệ với thực tiễn công tác của mình và trong xã hội. Việc dạy và học đã làm cho người học rơi vào thụ động, không phát huy được tính tích cực chủ động của học viên - những người có kinh nghiệm công tác, có vốn thực tiễn phong phú, cho nên phần nào đó làm cho bài giảng Lịch sử Đảng trở nên khô cứng, thiếu sự gắn kết với thực tiễn và không thực sự tạo ra được sự hứng thú học tập đối với học viên. Vì vậy, để thực hiện gắn kết chặt chẽ giữa lý luận và thực tiễn trong giảng dạy môn Lịch sử Đảng đòi hỏi phải đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng kết hợp nhuần nhuyễn giữa phương pháp thuyết trình với sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học tích cực như: phương pháp nêu vấn đề; phương pháp hỏi - đáp; phương pháp phỏng vấn nhanh; phương pháp sàng lọc; phương pháp neo chốt kiến thức;... Thực hiện các phương pháp này sẽ tăng cường sự trao đổi giữa giáo viên và học viên về cả những vấn đề lý luận và thực tiễn, từ đó giúp cho người học thấy được tầm quan trọng và ý nghĩa thực tiễn của những kiến thức Lịch sử Đảng Đảng Cộng sản Việt Nam đã được nghiên cứu. Ở đây, tôi xin đưa ra một số ví dụ trong áp dụng linh hoạt các phương pháp dạy học tích cực ở các bài giảng Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam như:

Đối với phương pháp nêu vấn đề, giảng viên có thể áp dụng hiệu quả trong mở đầu môn học hoặc mở đầu mỗi bài giảng để học viên thấy sự cần thiết của môn học, của từng bài học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, từ đó gây sự hứng thú học tập đối với người học. Tuy nhiên, việc lựa chọn những vấn đề, đặt ra những câu hỏi để dẫn dắt học viên vào tình huống có vấn đề và tạo sự hứng thú trong học tập thì đó phải là

những câu hỏi liên quan đến những vấn đề đang đặt ra trong thực tiễn. Chẳng hạn, khi giảng bài “Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng”. Đây là bài đầu tiên khi nghiên cứu về Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, cho nên ngay khi mở đầu bài giảng, giáo viên có thể dùng phương pháp nêu vấn đề để thu hút sự hứng thú học tập của học viên đối với môn học nói chung và với bài học nói riêng khi đưa ra một vấn đề mang tính thực tiễn hiện nay về việc các thế lực thù địch chống phá Đảng, chống phá cách mạng Việt Nam đang tung ra nhiều những luận điệu nhằm phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, bôi nhọ lãnh tụ và các đồng chí lãnh đạo của Đảng, từ đó đặt ra các câu hỏi đối với

Để thực hiện gắn kết chặt chẽ giữa lý luận và thực tiễn trong giảng dạy môn Lịch sử Đảng đòi hỏi phải đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng kết hợp nhuần nhuyễn giữa phương pháp thuyết trình với sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học tích cực như: phương pháp nêu vấn đề; phương pháp hỏi - đáp; phương pháp phỏng vấn nhanh; phương pháp sàng lọc; phương pháp neo chốt kiến thức.

học viên như: *Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo cách mạng Việt Nam có phải là tất yếu lịch sử hay không? Nếu khẳng định là một tất yếu thì chúng ta có thể đưa ra những luận cứ nào để lập luận chứng minh?...* Hoặc khi giảng bài “Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền cách mạng (1930-1945)”, có thể nêu vấn đề để học viên suy nghĩ trước khi vào nghiên cứu nội dung cụ thể của bài học đó là: *Hiện nay có những luận điệu cho rằng, thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 chỉ là sự ăn may chứ không phải sự lãnh đạo tài tình của Đảng Cộng sản Việt Nam, vậy đồng chí có cơ sở nào để bác bỏ luận điệu đó?...* Với những vấn đề đưa ra như vậy sẽ làm cho học viên phải tự suy nghĩ về trách nhiệm của mình là một người

cán bộ, đảng viên cần phải tìm hiểu, nghiên cứu lý giải vấn đề để vừa củng cố lòng tin của chính mình, vừa có đủ cơ sở lý luận và thực tiễn để tuyên truyền cho Nhân dân, đập tan những luận điệu tuyên truyền phản động và những âm mưu chống phá cách mạng, chống phá Đảng của các thế lực thù địch.

Phương pháp hỏi - đáp, phỏng vấn nhanh là những phương pháp có thể thực hiện khi thực hiện ở nhiều thời điểm khác nhau của bài giảng để vừa lý giải cơ sở những chủ trương, đường lối của Đảng trong các thời kỳ, vừa rút ra những vấn đề có tính quy luật của các sự kiện và hiện tượng lịch sử trong quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng để học viên suy nghĩ và chủ động

trình bày nhận thức, quan điểm của mình và có hướng suy nghĩ vận dụng những bài học kinh nghiệm trong hoạt động thực tiễn của bản thân. Chẳng hạn, khi giảng bài “Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh bảo vệ chính quyền cách mạng, giải phóng dân tộc và thống nhất đất nước (1945-1975)”, khi nghiên cứu về chủ trương, biện pháp của Đảng nhằm xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng và chế độ xã hội mới, giảng viên có thể kết hợp vừa thuyết trình, vừa hỏi đáp với những câu hỏi như: *Tại sao Đảng xác định xây dựng, củng cố bảo vệ chính quyền cách mạng là nhiệm vụ trọng tâm của toàn Đảng, toàn dân trong thời điểm lúc bấy giờ? Tại sao trong hoàn cảnh hết sức khó khăn, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn quyết tâm Tổng tuyển cử bầu Quốc hội?...* Hoặc khi nói đến những biện pháp khắc phục khó khăn về kinh tế văn hóa xã hội sau Cách mạng Tháng Tám, giảng viên có thể đặt ra câu hỏi như: *Tại sao những phong trào, những cuộc vận động do Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh phát động đều được đông đảo các tầng lớp Nhân dân hưởng ứng? Qua đó có thể rút ra bài học gì trong phát động các phong trào, các cuộc vận động hiện nay?...* Để trả lời

những câu hỏi này đòi hỏi học viên phải phát huy cả kiến thức của phần trước, của các môn học khác, đồng thời phải dựa cả trên cơ sở nhận thức chính trị của bản thân về vấn đề xây dựng, bảo vệ chính quyền, về thực tiễn công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân... thì mới có thể lý giải được và như vậy sẽ tạo được sự gắn kết giữa kiến thức lý luận với thực tiễn đối với các nội dung kiến thức lịch sử.

Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói “Lý luận không gắn với thực tiễn là lý luận suông” và Người thường xuyên nhắc nhở vấn đề học phải đi đôi với hành. Để thực hiện nguyên tắc này đòi hỏi phải thực hiện nhiều biện pháp và trong nhiều khâu của quá trình giảng dạy - học tập.

Phương pháp neo chốt kiến thức cũng là phương pháp cần thiết trong giảng dạy môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam để vừa củng cố lại kiến thức của các phần học, bài học, đồng thời cũng có thể sử dụng khi rút ra những bài học kinh nghiệm lịch sử trong quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam để học viên

có hướng suy nghĩ liên hệ với thực tiễn công tác của bản thân, cũng như giải quyết nhiệm vụ kinh tế xã hội của địa phương và nhiệm vụ cách mạng của cả nước trong giai đoạn hiện nay.

Như vậy, phương châm lý luận gắn liền với thực tiễn chính là nguyên tắc trong nghiên cứu, học tập và giảng dạy các môn lý luận nói chung chứ không riêng gì đối với môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói “Lý luận không gắn với thực tiễn là lý luận suông” và Người thường xuyên nhắc nhở vấn đề học phải đi đôi với hành. Để thực hiện nguyên tắc này đòi hỏi phải thực hiện nhiều biện pháp và trong nhiều khâu của quá trình giảng dạy - học tập, tuy nhiên, trong phạm vi bài viết này tôi chỉ đề cập đến một khâu trong quá trình giảng dạy đó là đổi mới phương pháp giảng dạy và lấy ví dụ cụ thể ở bộ môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Hy vọng đây là những biện pháp để góp phần nâng cao hơn nữa chất lượng dạy và học môn lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, đáp ứng yêu cầu không ngừng đổi mới phương pháp dạy học theo phương châm lấy người học làm trung tâm và lý luận phải gắn liền với thực tiễn./.

KHOI DẬY TIỀM NĂNG DU LỊCH GẮN VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ, VĂN HÓA VÀ XÃ HỘI HUYỆN THỌ XUÂN

ThS. Lê Đình Tư*

Đối với nhiều nước trên thế giới, du lịch đã và đang trở thành một trong những ngành kinh tế mũi nhọn. Du lịch không chỉ mang lại nguồn thu nhập lớn cho nền kinh tế, tạo việc làm, phát triển các ngành dịch vụ, cơ sở hạ tầng, mà còn thúc đẩy hòa bình, giao lưu văn hóa. Việt Nam nói chung, Thanh Hóa nói riêng đang nỗ lực phát huy lợi thế triển khai đồng bộ nhiều giải pháp để biến du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn của đất nước và địa phương. Do đó, việc khơi dậy tiềm năng du lịch gắn với phát triển kinh tế - xã hội có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là lợi thế to lớn và góp phần không nhỏ vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và mỗi địa phương. Đặc biệt, đối với huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, một huyện có đầy đủ tiềm năng, lợi thế để phát triển du lịch, thì vấn đề đặt ra là làm cách nào để khơi dậy, khai thác tiềm năng du lịch để phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn huyện.

Thọ Xuân là vùng đất có truyền thống lịch sử, văn hóa, cách mạng, vùng đất địa linh nhân kiệt, nơi phát tích của 2 triều đại Tiền Lê và Hậu Lê; nơi ra đời Chi bộ Yên Trường - 1 trong 3 chi bộ đầu tiên của Đảng bộ tỉnh và là nơi thành lập Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa (tại Yên Trường - Thọ Lập, ngày 29/7/1930). Toàn huyện có 6 di tích danh thắng được xếp hạng quốc gia trong đó có 2 di tích quốc gia đặc biệt là Di tích Lam Kinh thuộc xã Xuân Lam và đền thờ Lê Hoàn thuộc xã Xuân Lập, có 48 Di tích được xếp hạng cấp tỉnh, đặc biệt có di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia - Trò diễn Xuân Phả thuộc xã Xuân Trường. Giao thông Thọ Xuân được đầu

tu đồng bộ, hiện đại gồm đường bộ, đường sông và đường hàng không. Các tuyến giao thông kết nối mạnh mẽ với các trung tâm kinh tế lớn của tỉnh và cả nước qua đường Hồ Chí Minh, các tuyến quốc lộ, đường cao tốc Bắc - Nam, sân bay Thọ Xuân và cảng nước sâu Nghi Sơn. Các lễ hội truyền thống trên địa bàn huyện Thọ Xuân đều gắn với các nhân vật lịch sử, được thờ tại các di tích. Hàng năm, các lễ hội trên địa bàn huyện được tổ chức nhằm bảo tồn nét văn hóa của địa phương, đồng thời tôn vinh công lao của các nhân vật lịch sử, tuyên truyền giáo dục truyền thống uống nước nhớ nguồn, yêu quê hương đất nước, phát huy giá trị của di tích góp phần thu hút con em xa quê, Nhân dân và du khách

trên khắp mọi miền Tổ quốc về dâng hương, tìm hiểu lịch sử...Ngoài ra, huyện Thọ Xuân có sắc thái riêng và phong phú về mặt dân cư, tập quán: dân tộc Kinh chiếm đa số, một phần dân tộc Mường tại các xã miền núi Xuân Phú, Xuân Thắng. Những yếu tố tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn là tiềm năng lớn, vô giá cho Thọ Xuân phát triển các loại hình du lịch đa dạng và hấp dẫn.

Trong những năm qua, đặc biệt từ khi thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, huyện Thọ Xuân đã có nhiều giải pháp, ưu tiên nguồn lực để khai thác tiềm năng, phát triển du lịch như: Tăng cường các hoạt động xúc tiến, quảng bá về du lịch, gắn với đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và kiến thức về du lịch của người dân và doanh nghiệp. Hoàn thành xây dựng bản đồ di tích, điểm du lịch

Thọ Xuân là vùng đất có truyền thống lịch sử, văn hóa, cách mạng, vùng đất địa linh nhân kiệt, nơi phát tích của 2 triều đại Tiền Lê và Hậu Lê; nơi ra đời Chi bộ Yên Trường - 1 trong 3 chi bộ đầu tiên của Đảng bộ tỉnh và là nơi thành lập Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa (tại Yên Trường - Thọ Lập, ngày 29/7/1930).

(*) Phòng QLDT&NCKH

huyện Thọ Xuân, tổ chức tốt lễ hội Lê Hoàn, lễ hội Lam Kinh và các lễ hội truyền thống hàng năm. Chỉ đạo, xây dựng thương hiệu và nâng cao chất lượng một số sản phẩm truyền thống như: bánh gai, kẹo lạc, nem nướng...Trò diễn Xuân Phả được công nhận là di sản văn hóa phi vật thể Quốc gia góp phần quảng bá hình ảnh huyện nhà đến gần hơn với du khách trong và ngoài tỉnh. Tổng lượt khách du lịch đến huyện hằng năm đạt khoảng 220 nghìn lượt người.

Tuy nhiên, trên thực tế, huyện Thọ Xuân vẫn chưa khai thác hết tiềm năng, lợi thế về du lịch để phát triển du lịch gắn với phát triển kinh tế, xã hội nâng cao hơn nữa đời sống cho Nhân dân. Cụ thể như: Công tác quản lý nhà nước về du lịch còn nhiều bất cập chưa hình thành được bộ máy quản lý thống nhất từ huyện xuống xã, thiếu các quy định, quy chế, cơ chế cụ thể trong vận hành và quản lý; chưa có các chính sách ưu đãi, thu hút đầu tư để khai thác tiềm năng, thế mạnh về du lịch của địa phương; hiệu quả quản lý nhà nước trong mối liên hệ liên ngành liên vùng như khuyến khích kêu gọi đầu tư, hợp tác xây dựng tuyến du lịch chuyên đề, tổ chức các sự kiện văn hóa...còn hạn chế.

Về khai thác tiềm năng và tài nguyên du lịch (đặc biệt du lịch văn hóa, tâm linh) mới chỉ dừng lại ở việc thu hút khách về mặt số lượng nhưng chưa phát huy hết những lợi thế điềm đến để đẩy mạnh phát triển du lịch, khách lưu trú rất ít. Đồng thời, khách du lịch tập trung đông vào những dịp lễ hội sẽ gây áp lực cho điềm đến và là bài toán đảm bảo sức chứa trong du lịch.

Về cơ sở vật chất và hạ tầng dịch vụ phục vụ du lịch hệ thống khách sạn, nhà nghỉ và những dịch vụ kèm theo như ăn, ở, đi lại, đồ lưu niệm còn thiếu đồng bộ, manh mún, nhỏ lẻ và theo thời vụ. Các dịch vụ du lịch khá đơn điệu, chưa đáp ứng đủ nhu cầu tối thiểu cho khách du lịch

đến tham quan. Một số dịch vụ đang được hình thành nhưng thiếu tính quy hoạch và phát triển tổng hợp.

Với mục tiêu phát triển du lịch bền vững và thật sự trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn, làm động lực thúc đẩy các ngành khác cùng phát triển; gắn với đảm bảo vững chắc an ninh - quốc phòng; tạo ra nhiều việc làm cho người lao động, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho Nhân dân, góp phần vào sự tăng

trưởng kinh tế chung của huyện, nâng cao vị thế của Thọ Xuân đối với tỉnh Thanh Hóa, khu vực Bắc trung bộ, cả nước. Theo đó, để du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh và địa phương, trong thời gian tới Thọ Xuân phải thực hiện quyết tâm, quyết liệt đồng bộ các giải pháp sau:

Một là, tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền ban hành các cơ chế, huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, các nguồn lực trong xã hội để khai thác tiềm năng, phát triển du lịch gắn với phát triển kinh tế - xã hội. Lập quy hoạch phát triển vùng du lịch huyện Thọ Xuân: Lập quy hoạch hai vùng du lịch với các khu du lịch, các loại hình du lịch chính được xác định như: Vùng du lịch phía Tây Thọ Xuân: Gồm các xã Xuân Lam, thị trấn Lam Sơn - Sao Vàng, Xuân Thiên, Thọ Lâm, Xuân Phú, Xuân Thắng, Thọ Diên, Thọ Hải. Với tâm điềm là khu di tích Quốc gia đặc biệt Lam Kinh, mở rộng ra các vùng lân cận với các loại hình **du lịch cộng đồng** (Văn hóa xứ Mường Xuân Phú, phố cổ Xuân Thiên...); **du lịch sinh thái** (khai thác hồ Tây và hồ Như Áng trong quần thể di tích Lam Kinh, khu sinh thái tre luồng Thanh Tam, khu nghỉ dưỡng sinh thái resort cao cấp Thọ Lâm) và **du lịch làng nghề** (Tranh đá, tranh gạo Xuân Lam, bánh gai Tứ Trụ, Thọ Diên...), **du lịch nông nghiệp công nghệ cao** (Nông nghiệp công nghệ

Tranh thủ sự hỗ trợ của tỉnh, các nguồn kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia có liên quan đến phát triển du lịch để đầu tư phát triển các dịch vụ hỗ trợ cho du lịch phát triển: hệ thống giao thông vận tải, môi trường du lịch, thương mại dịch vụ...Nguồn ngân sách chi đầu tư cho hạ tầng cơ sở du lịch hàng năm được ưu tiên đầu tư vào hệ thống hạ tầng tại các khu du lịch trọng điềm.

THỰC TIỄN VÀ KINH NGHIỆM

cao nhà máy đường Lam Sơn, khu nông nghiệp công nghệ cao Xuân Phú, khu công nghiệp công nghệ cao FLC Thọ Xuân...)

Vùng du lịch phía Bắc Thọ Xuân: Gồm các xã Xuân Lập, Xuân Lai, Xuân Yên, Phú Yên, Thọ Lập, Xuân Châu, Xuân Minh. Với tâm điểm là khu di tích quốc gia đặc biệt đền thờ Lê Hoàn, mở rộng ra các vùng lân cận với các vệ tinh khu di tích Lê Hoàn và điểm di tích lịch sử Yên Trường (Thọ Lập), phủ Día (Xuân Châu). Ngoài ra, còn có các vùng du lịch phụ cận. Trong đó, đặc biệt ưu tiên đầu tư khai thác hai khu du lịch chính là Di tích quốc gia đặc biệt Lam Kinh và di tích quốc gia đặc biệt đền thờ Lê Hoàn.

Hai là, phát triển thị trường - sản phẩm du lịch: Nghiên cứu các thị trường một cách kỹ lưỡng, toàn diện (mục đích, tâm lý, sở thích, điều kiện kinh tế...), xác định xu hướng phát triển du lịch trên thế giới, trong khu vực, trong nước, xác định các thị trường mục tiêu, thị trường trọng điểm với các đặc điểm, nhu cầu cụ thể..., làm cơ sở xây dựng hệ thống sản phẩm du lịch phù hợp cho từng thị trường, có chất lượng cao, có khả năng cạnh tranh nhằm thu hút khách du lịch và mang lại hiệu quả kinh tế cao.

Thị trường trọng điểm xác định là khách du lịch trong tỉnh, với lợi thế là cửa ngõ của khu vực phía tây Thanh Hóa, có giao thông thuận tiện, Thọ Xuân tập trung đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch Thọ Xuân theo hướng hợp tác, liên kết hoàn thiện và nâng cao chất lượng các sản phẩm kết nối du lịch Thọ Xuân với du lịch văn hóa lịch sử, tâm linh trong tỉnh (Thành Nhà Hồ - Vĩnh Lộc, Am Tiên - Triệu Sơn, Khu di tích Hàm Rồng - TP. Thanh Hóa...); du lịch biển (Sầm Sơn, Tĩnh Gia, và xa hơn là Cửa Lò, Thiên Cầm...); du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng (Pù Luông, Pù Hu (Bá Thước, Quan Hóa), Bến En (Nhur Xuân, Nhur Thanh), suối cá Cẩm Lương (Cẩm Thủy...)

Phát triển sản phẩm du lịch tiêu biểu là Du lịch văn hoá - lịch sử và tâm linh kết hợp du lịch sinh thái và du lịch làng nghề, lễ hội.

Ba là, huy động các nguồn lực trong việc phát triển du lịch: Tranh thủ sự hỗ trợ của tỉnh, các nguồn kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia có liên quan đến phát triển du lịch để đầu tư phát triển các dịch vụ hỗ trợ cho du lịch phát triển: Hệ thống giao thông vận tải, môi trường du lịch, thương mại dịch vụ... Nguồn ngân sách chi đầu tư cho hạ tầng cơ sở du lịch hàng năm được ưu tiên đầu tư vào hệ thống hạ tầng tại

Để phát triển du lịch bền vững, thật sự trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn, làm động lực thúc đẩy các ngành khác cùng phát triển; gắn với đảm bảo vững chắc an ninh - quốc phòng; đa dạng hoá sản phẩm du lịch, kéo dài thời gian lưu trú của du khách. Tăng hiệu quả kinh doanh và sức hấp dẫn cho du lịch Thọ Xuân, tạo ra nhiều việc làm cho người lao động, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho Nhân dân.

các khu du lịch trọng điểm được quy hoạch như: Giao thông, đường điện, cấp thoát nước, bảo vệ môi trường và cho một số lĩnh vực như đào tạo nguồn nhân lực, quảng bá xúc tiến du lịch.

Đồng thời, cần có kế hoạch lồng ghép vốn các chương trình phát triển các ngành khác có liên quan đến hoạt động du lịch như: Chương trình xây dựng nông thôn mới, phát triển giao thông nông thôn gắn với hệ thống hạ tầng phát triển du lịch; Các chương trình về môi trường gắn với chương trình bảo tồn, tôn tạo các tài nguyên và môi trường du lịch; chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2018 - 2020 (gọi tắt là Chương trình OCOP) gắn với phát triển du lịch làng nghề; các chương trình xóa đói giảm nghèo gắn với phát triển du lịch cộng đồng...

Bốn là, phát triển nguồn nhân lực du lịch: Xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực quản lý đối với cán bộ chủ chốt của phòng Văn hóa Thông tin huyện, Lãnh đạo các địa phương, cán bộ văn hóa các xã thôn trực tiếp làm du lịch... nhằm nâng cao nhận thức và trình độ quản lý du lịch (du lịch cộng đồng, du lịch làng nghề, du lịch sinh thái...)

Tập trung phát triển nguồn nhân lực tại chỗ tham gia phục vụ các hoạt động như hướng dẫn viên, phục vụ các dịch vụ ăn uống vui chơi, múa hát, dọn vệ sinh, chăm sóc cảnh quan, xử lý rác thải môi trường.

Mở các khóa đào tạo về kỹ năng phục vụ, và xây dựng ý thức bảo vệ môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, an ninh, an toàn trong phục vụ khách du lịch. Các kiến thức về nhu cầu kỹ năng giao tiếp, sở thích, thói quen ứng xử đối với khách du lịch (cả khách quốc tế và khách nội địa).

Năm là, đẩy mạnh công tác xúc tiến quảng bá, tuyên truyền về du lịch: Tạo chuyên mục quảng bá du lịch trên cổng thông tin điện tử huyện Thọ Xuân, nâng cấp đảm bảo lưu trữ dữ liệu quảng bá độc lập, tạo giao diện đẹp, hấp dẫn bắt mắt dễ truy cập, dễ mở. Quảng bá những hình ảnh về du lịch Thọ Xuân, cung cấp đầy đủ thông tin điểm đến, các tour du lịch, các sản phẩm truyền thông... Phát triển các kênh truyền thông mạng xã hội tích hợp như Fanpage Facebook, Youtube..., xây dựng Website du lịch Thọ Xuân, bố trí bộ phận phụ trách các trang thông tin điện tử và mạng xã hội trong công tác quảng bá.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu, tài liệu xúc tiến du lịch bao gồm: Tập gấp, bản đồ du lịch, tờ bướm, tờ rơi...quảng bá tại các khách sạn lớn trong tỉnh (KS Sao Mai, Mường Thanh, Lam Kinh, Central, Vinpearl, FLC...) Quảng bá tại các đầu mối giao thông công cộng, bến xe, Cảng Hàng không..

- Phối hợp Sở Văn hóa, thể thao và du lịch tỉnh tổ chức các sự kiện về du lịch Thọ Xuân, tạo ra điểm nhấn trong việc nâng cao hình ảnh du lịch của huyện nhà. Đặc biệt tổ chức Liên hoan trò Xuân Phả - Kết nối các miền di sản theo Quyết định 1984/QĐ-UBND năm 2017 của UBND tỉnh về Đề án truyền thông du lịch tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020.

Sáu là, xây dựng cơ chế, tăng cường công tác quản lý nhà nước về du lịch trên địa bàn.

Thành lập Ban chỉ đạo phát triển du lịch huyện Thọ Xuân, là cơ quan chịu trách nhiệm chính về công tác quản lý du lịch, phát triển du

lich huyện Thọ Xuân. Hàng tháng, quý, năm thực hiện đánh giá tiến độ thực hiện đề án (việc đầu tư xây dựng các hạng mục, công bố sản phẩm, vận hành các gói sản phẩm...rút kinh nghiệm trong quá trình vận hành để có những phương án điều chỉnh bổ sung).

Nghiên cứu, ban hành cơ chế hỗ trợ, ưu đãi về đất đai, mặt bằng kinh doanh, bồi thường giải phóng mặt bằng, miễn, giảm tiền thuê đất đối với các dự án đầu tư. Khuyến khích các nhà đầu tư trong và ngoài nước có năng lực tài chính đầu tư vào các dự án phát triển du lịch tại huyện Thọ Xuân. Kêu gọi vận động tạo điều kiện các tổ chức, cá nhân cùng tham gia làm du lịch. Khuyến khích và tạo điều kiện cho doanh nghiệp mua sắm các phương tiện vận chuyển trong khu du lịch huyện Thọ Xuân (xe điện phục vụ trong các khu du lịch có các điểm du lịch gần nhau, các dụng cụ phục vụ du lịch trong huyện). Bên cạnh đó, tăng cường quản lý nhà nước trên các lĩnh vực an ninh trật tự, an toàn xã hội, an toàn đầu tư, chống lấn chiếm sử dụng đất đai trái phép, khai thác tài nguyên trái phép, bảo vệ sự trong lành của môi trường tự nhiên, duy trì sự hấp dẫn đối với các nhà đầu tư và khách du lịch.

Để phát triển du lịch bền vững, thật sự trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn, làm động lực thúc đẩy các ngành khác cùng phát triển; gắn với đảm bảo vững chắc an ninh - quốc phòng; đa dạng hoá sản phẩm du lịch, kéo dài thời gian lưu trú của du khách. Tăng hiệu quả kinh doanh và sức hấp dẫn cho du lịch Thọ Xuân, tạo ra nhiều việc làm cho người lao động, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho Nhân dân, góp phần vào sự tăng trưởng kinh tế chung của huyện, nâng cao vị thế của Thọ Xuân đối với tỉnh Thanh Hóa, khu vực Bắc trung bộ, cả nước và tương lai là nước ngoài, Thọ Xuân phải quan tâm thực hiện đồng bộ các giải pháp trên; đặc biệt nâng cao nhận thức của cấp ủy, chính quyền từ huyện đến cơ sở và nhân dân trong việc phát triển du lịch gắn liền với phát triển kinh tế./.

10 NĂM XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI Ở HUYỆN NHƯ THANH KẾT QUẢ VÀ KINH NGHIỆM

ThS. Trịnh Hoàng Minh*
ThS. Lê Thị Huyền**

Như Thanh là một huyện miền núi của tỉnh Thanh Hóa; cách trung tâm tỉnh lỵ 36km về hướng Tây Nam; có tổng diện tích tự nhiên là 588,29 km²; dân số (tính đến cuối năm 2019) có 94.351 người, 23.495 hộ dân, gồm 3 dân tộc chủ yếu là Kinh, Thái, Mường cùng sinh sống. Với nhận thức sâu sắc về ý nghĩa, tầm quan trọng của Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (NTM), là một cuộc “cách mạng” mang tính tổng hợp, toàn diện cả về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng - an ninh, xây dựng hệ thống chính trị, nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên. Mười năm qua, với sự quyết tâm cao trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cả hệ thống chính trị, đặc biệt là sự đồng thuận, tham gia nhiệt tình, trách nhiệm của Nhân dân các dân tộc trong huyện, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM của huyện Như Thanh đã đạt được những kết quả rất quan trọng trên các phương diện: Kinh tế – xã hội phát triển, thu nhập của người dân được nâng cao; văn hóa, giáo dục, y tế ngày càng phát triển; cơ sở hạ tầng thiết yếu được quan tâm đầu tư xây dựng; hệ thống chính trị cơ sở được tăng cường, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo.

Trong 10 năm triển khai thực hiện, với tinh thần, quyết tâm vượt khó; khai thác triệt

đề những thuận lợi, tiềm năng, lợi thế. Cấp ủy, chính quyền huyện Như Thanh đã quyết liệt trong chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện chương trình xây dựng NTM. Thể hiện trên các mặt:

Thứ nhất, thực hiện mô hình tổ chức bộ máy chỉ đạo chương trình xây dựng NTM từ cấp huyện đến xã, thôn

Ngay sau khi tiếp thu nội dung Quyết định số 491/QĐ-TTg, ngày 16/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới và các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh, huyện Như Thanh đã khẩn trương thành lập Ban chỉ đạo (BCĐ) xây dựng NTM cấp huyện và sau đó tiếp tục được kiện toàn lại do đồng chí Bí thư Huyện ủy làm Trưởng ban; đối với cấp xã, 16 xã trên địa bàn huyện đều thành lập BCĐ xây dựng NTM do Bí thư Đảng ủy xã làm Trưởng ban và Ban quản lý xây dựng NTM do Chủ tịch UBND xã làm Trưởng ban; đối với cấp thôn, các thôn đều thành lập Ban phát triển thôn theo tinh thần Thông tư số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13/04/2011 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Tài chính và do Bí thư Chi bộ làm Trưởng ban. Bên cạnh đó, thành lập Văn phòng Điều phối NTM cấp huyện gồm 10 đồng chí; 16/16 xã đã phân công cán bộ nông

(*) Khoa Nhà nước và pháp luật

(**) Khoa Xây dựng Đảng

lâm hoặc cán bộ văn phòng thống kê tham mưu, giúp việc cho BCĐ xây dựng NTM cấp xã.

Các thành viên trong BCĐ và Ban phát triển thôn đã bám sát vào mục tiêu, chỉ tiêu và kế hoạch xây dựng NTM hằng năm và giai đoạn để chủ động tham mưu cho Trường, phó BCĐ một cách kịp thời, hiệu quả. Đồng thời dành nhiều thời gian để chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc và giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện ở cơ sở.

Thứ hai, ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện chương trình xây dựng NTM

Nhằm cụ thể hóa các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, chương trình, kế hoạch, cơ chế, chính sách của Trung ương và của tỉnh về thực hiện Chương trình xây dựng NTM vào tình hình thực tiễn của địa phương, từ năm 2010 - 2019, Ban Thường vụ Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện và Văn phòng điều phối NTM đã ban hành trên 200 văn bản lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện như: Chỉ thị số 09-CT/HU ngày 20/5/2010 về “Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng trong việc xây dựng nông thôn mới”; Nghị quyết số 04-NQ/HU ngày 19/10/2011 của Ban Thường vụ Huyện ủy về việc vận động nông dân đổi điền, dồn thửa tạo thuận lợi cho xây dựng nông thôn mới; Nghị quyết số 01-NQ/HU ngày 09 tháng 11 năm 2015 về “Tiếp tục phát triển vùng nguyên liệu mía theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất giai đoạn 2015-2020”; Nghị quyết số 04-NQ/HU ngày 18 tháng 10 năm 2016 về “Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của chi bộ thôn, khu phố trong tình hình mới”... và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình xây dựng NTM hằng năm. Đây là cơ sở quan trọng trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền từ huyện đến cơ sở.

Thứ ba, công tác tuyên truyền, vận động

Được xác định là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, quyết định đến kết quả thực hiện xây dựng NTM, trong 10 năm qua, công tác tuyên truyền, vận động thực hiện chương trình xây dựng NTM được triển khai thực hiện một cách tích cực với nhiều hình thức phong phú, đa dạng nhằm chuyển tải mục đích, ý nghĩa cũng như quyền lợi và trách nhiệm của các cấp, các ngành và người dân đối với xây dựng

Mười năm qua, với sự quyết tâm cao trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cả hệ thống chính trị, đặc biệt là sự đồng thuận, tham gia nhiệt tình, trách nhiệm của Nhân dân các dân tộc trong huyện, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM của huyện Như Thanh đã đạt được những kết quả rất quan trọng trên các phương diện: kinh tế – xã hội phát triển, thu nhập của người dân được nâng cao; văn hóa, giáo dục, y tế ngày càng phát triển; cơ sở hạ tầng thiết yếu được quan tâm đầu tư xây dựng; hệ thống chính trị cơ sở được tăng cường, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo.

NTM. Ngoài việc tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng như: Đài TT - TH, phát thanh trên loa công cộng, công tác tuyên truyền còn được lồng ghép với các hội nghị từ huyện đến thôn, bản; trên bản tin xây dựng NTM của tỉnh; thông tin nội bộ của Huyện ủy; chương trình tập huấn; sân khấu hóa bằng các hội thi, cuộc thi về NTM; phát động cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân hưởng ứng tham gia xây dựng NTM gắn với đẩy mạnh thực hiện 5 nội dung của cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”; phong trào “Dân vận khéo”; phong trào “5 không, 3 sạch”; phong trào “Tuổi trẻ chung tay xây dựng nông thôn mới”.

Các tổ chức chính trị - xã hội như: Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân,... đã tổ chức nhiều hoạt động phong phú, đa dạng nhằm tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa của xây dựng NTM; vai trò chủ thể của người dân trong tổ chức thực hiện; đồng thời phát động đoàn viên, hội viên đẩy mạnh tuyên truyền qua những tấm gương, điển hình, qua các hình thức tuyên truyền “miệng”, tạo hiệu ứng lan truyền trong cộng đồng nhằm nâng cao nhận thức của người dân về lợi ích của xây dựng NTM đối với bản thân và cộng đồng.

Thứ tư, ban hành cơ chế hỗ trợ cho thực hiện chương trình xây dựng NTM

Trong 10 năm qua, Hội đồng nhân dân huyện đã ban hành 17 Nghị quyết về cơ chế hỗ trợ thực hiện chương trình xây dựng NTM. Các cơ chế hỗ trợ đã đem lại nhiều kết quả nổi bật. Điển hình như:

Với mục tiêu tăng năng suất cây trồng và bảo vệ môi trường, Hội đồng nhân dân huyện đã ban hành Nghị quyết số 705/2010/NQ-HĐND ngày 31/12/2010 về việc ban hành cơ chế hỗ trợ mua máy ép phân viên dúi sâu. Trong đó, các đơn vị như: Xuân Thọ, Xuân Thái, Thanh Tân, Thanh Kỳ và Thị trấn Bến Sung phải có diện tích gieo cấy lúa sử dụng phân viên từ 35 ha/vụ trở lên được hỗ trợ mua 01 máy/đơn vị. Các đơn vị còn lại phải có diện tích gieo cấy lúa sử dụng phân viên từ 50ha/vụ trở lên được hỗ trợ mua 01 máy/đơn vị. Đối với các đơn vị hiện tại đã được trang bị 01 máy, nếu có diện tích gieo cấy lúa sử dụng phân viên từ 150 ha/vụ trở lên được hỗ trợ thêm 01 máy/đơn vị, với mức hỗ trợ là 15 triệu đồng/máy.

Để tăng nguồn thu cho các xã để xây dựng cơ sở hạ tầng, Hội đồng Nhân dân huyện đã ban hành các các nghị quyết như: Nghị quyết số 312/2014/NQ-HĐND ngày

10/7/2014, Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 29/12/2017 về cơ chế hỗ trợ kinh phí từ tiền sử dụng đất cho các xã, thị trấn để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng. Ngân sách huyện hỗ trợ thêm 20% giai đoạn 2014 - 2015 và 30% giai đoạn 2017 - 2020 cho ngân sách xã từ nguồn thu tiền sử dụng đất của các xã thực nộp tại kho bạc.

Nhằm khuyến khích các xã và các thôn thi đua phấn đấu đạt chuẩn NTM, Hội đồng Nhân dân huyện đã ban hành nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 14/07/2016 về cơ chế thưởng cho các xã, thôn đạt chuẩn NTM từ ngân sách huyện giai đoạn 2016 - 2020. Hỗ trợ các xã đạt chuẩn NTM 300 triệu đồng/xã và hỗ trợ các thôn đạt chuẩn NTM 20 triệu đồng/thôn.

Thứ năm, tổ chức đào tạo, tập huấn cán bộ thực hiện chương trình xây dựng NTM

Công tác đào tạo, tập huấn cho cán bộ làm công tác xây dựng NTM được quan tâm lãnh đạo thực hiện. Từ năm 2010 đến nay, đã có 975 lượt cán bộ, công chức các cấp được đào tạo, bồi dưỡng về kiến thức xây dựng NTM. Qua đó đã nâng cao nhận thức, kiến thức, trình độ chuyên môn, năng lực - kỹ năng quản lý, điều hành và thực thi của cán bộ các cấp để triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM giai đoạn 2010 - 2020; mặt khác qua các lớp đào tạo, tập huấn đã giúp cho đội ngũ cán bộ có thêm kinh nghiệm, cách làm hay, sáng tạo ở các địa phương tiêu biểu.

Từ nhận thức và cách làm đúng đó, quá trình tổ chức thực hiện chương trình xây dựng NTM của huyện đã đạt được những kết quả nhất định như sau:

- Nông nghiệp, nông dân, nông thôn trên địa bàn huyện đã có nhiều chuyển biến rất tích cực, rõ nét. Cơ cấu cây trồng, vật nuôi chuyển dịch tích cực và đúng hướng; tiến bộ khoa học kỹ thuật mới được áp dụng, trình độ thâm canh

được nâng lên. Toàn huyện đã có hơn 04ha rau an toàn tập trung chuyên canh được cấp chứng nhận VietGAP, 4.000m² nhà lưới sản xuất rau an toàn. Nhiều mô hình mới gắn với chương trình mỗi xã 1 sản phẩm trong nông nghiệp đã khẳng định được hiệu quả kinh tế và khả năng nhân rộng như: Mô hình trồng nấm, xã Yên Thọ; mô hình đào ở Xuân Du; mô hình trồng riêng ở Cán Khê...; nhiều mô hình con đặc sản như: lợn rừng, lợn cỏ, gà đồi, dê, ong mật... tiếp tục khẳng định được hiệu quả và khả năng nhân rộng. Hàng năm, trồng mới trên 1.000 ha rừng, khai thác trên 20.000 m³ gỗ và trên 50 tấn gỗ nguyên liệu; sau 10 năm toàn huyện đã trồng được 12.760 ha rừng, trong đó rừng gỗ lớn 1.500ha (có 682ha rừng lim), duy trì độ che phủ rừng trên 56%. Kinh tế trang trại, gia trại trên địa bàn huyện tiếp tục được đầu tư và phát triển mạnh. Hiện nay, toàn huyện có

Kinh tế tăng trưởng bình quân 10 năm qua luôn đạt trên 16%, thu nhập bình quân đầu người tăng từ 10,4 triệu (năm 2010) lên 35,56 triệu đồng/người/năm (năm 2019); tỷ lệ hộ nghèo hàng năm giảm trên 5%/năm theo tiêu chí nghèo đa chiều, đến hết năm 2019 còn 6,3%.

34 trang trại đạt tiêu chí theo thông tư 27/2011/TT-BNN của Bộ Nông nghiệp & PTNT và có 286 gia trại, đã giải quyết việc làm thường xuyên cho gần 2.000 lao động và hơn 5.000 lao động thời vụ.

- Kinh tế tăng trưởng bình quân 10 năm qua luôn đạt trên 16%, thu nhập bình quân đầu người tăng từ 10,4 triệu (năm 2010) lên 35,56 triệu đồng/người/năm (năm 2019); tỷ lệ hộ nghèo hàng năm giảm trên 5%/năm theo tiêu chí nghèo đa chiều, đến hết năm 2019 còn 6,3%.

- Kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng kinh tế - xã hội ở khu vực nông thôn ngày càng được đầu tư đồng bộ, hoàn thiện cơ bản đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; môi trường sinh

thái khu vực nông thôn ngày càng được chú trọng; dân chủ ở cơ sở ngày càng phát huy, ý thức và trách nhiệm làm chủ của người dân được nâng lên rõ rệt; hệ thống chính trị ở cơ sở tiếp tục được củng cố, không ngừng nâng cao chất lượng hoạt động; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững; phong trào toàn dân chung sức xây dựng NTM được Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội, các tầng lớp Nhân dân tích cực hưởng ứng, đã trở thành phong trào thi đua sâu rộng trên địa bàn huyện.

- Hiện đã có 10/16 xã và 65 thôn đạt chuẩn NTM, trong đó có 05 xã đặc biệt khó khăn; số tiêu chí trung bình đạt 16,5 tiêu chí/xã (tăng 11,25 tiêu chí/xã so với năm 2010); Tổng giá trị huy động trong gần 10 năm là: Hơn 2.000 tỷ đồng, trong đó: giá trị huy động từ Nhân dân chiếm 61,5%. Diễn hình

trong công tác lãnh, chỉ đạo xây dựng NTM trong những năm qua như: Xã Xuân Du, Yên Thọ, Phú Nhuận, Hải Long, Hải Vân, Cán Khê, Mậu Lâm...

Từ kết quả nêu trên trong thời gian qua, huyện đã được tỉnh đánh giá là đơn vị dẫn đầu trong xây dựng NTM của 11 huyện miền núi.

Tuy nhiên, kết quả thực hiện xây dựng NTM còn chưa đồng đều giữa các xã có cùng điều kiện tương đồng. Một số xã được công nhận đạt chuẩn NTM chưa tiếp tục tập trung chỉ đạo duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt, đặc biệt là các nội dung của tiêu chí môi trường, y tế, tổ chức sản xuất. Công tác kiểm tra, giám sát của một số xã chưa kịp thời. Việc lãnh chỉ đạo xây dựng xã NTM nâng cao, NTM

THỰC TIỄN VÀ KINH NGHIỆM

kiểu mẫu còn chậm so với kế hoạch và lúng túng trong quá trình thực hiện. Nguyên nhân cơ bản là: Một số đơn vị quyết tâm chính trị chưa cao, chưa năng động, sáng tạo, thiếu kiểm tra, giám sát; việc xác định lộ trình, giải pháp thực hiện còn chung chung, thiếu tính thực tế, khoa học; Công tác sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm trong chỉ đạo, điều hành còn hình thức, chiếu lệ; một số thành viên BCĐ xây dựng NTM huyện chưa bố trí thời gian và thời điểm họp lý để đi chỉ đạo cơ sở, do vậy chưa giúp được nhiều cho cơ sở trong việc tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

Từ kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân kể trên, có thể rút ra một số kinh nghiệm trong xây dựng NTM trên địa bàn huyện Như Thanh như sau:

Một là, phải làm tốt công tác tuyên truyền các chủ trương, cơ chế chính sách, mục đích ý nghĩa của việc xây dựng NTM, để nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân, tạo sự đồng thuận, quyết tâm cao trong Đảng, trong Nhân dân về thực hiện chủ trương chung sức xây dựng NTM.

Hai là, phát huy truyền thống đoàn kết, thống nhất trong nhận thức và hành động của hệ thống chính trị, thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng và Quy chế dân chủ ở cơ sở, phát huy được sức mạnh đoàn kết của Nhân dân các dân tộc, các lực lượng xã hội theo phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân hưởng thụ”.

Ba là, cấp ủy, chính quyền và BCĐ xây dựng NTM các cấp phải kiên trì, quyết tâm chính trị cao, năng động, sáng tạo trong lãnh đạo, chỉ đạo. Đồng thời phải xác định được những vấn đề cơ bản, trọng tâm, trọng điểm, những tiềm năng, thế mạnh và những vấn đề

cấp bách cần giải quyết trước, tạo điều kiện mở đường thực hiện các tiêu chí khác như một phản ứng dây chuyền trong quá trình lãnh đạo của cấp ủy, quản lý điều hành của chính quyền trong xây dựng NTM.

Bốn là, cấp ủy, chính quyền các cấp không ngừng đổi mới phương pháp lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; quan tâm, sâu sát cơ sở, chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực và tính chủ động của đội ngũ cán bộ cơ sở. Căn cứ vào thực tiễn của địa phương để ban hành một số cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất và các cơ chế hỗ trợ kích cầu thúc đẩy xây dựng NTM.

Năm là, tăng cường các hoạt động kiểm tra, giám sát của ban chỉ đạo, thường xuyên tổ chức giao ban để kịp thời chỉ đạo tháo gỡ khó khăn cho cơ sở, định kỳ sơ kết, tổng kết đánh giá rút kinh nghiệm và biểu dương khen thưởng kịp thời những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong xây dựng NTM.

1. Báo cáo “Tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2010 - 2020; Phương hướng, nhiệm vụ giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030”. Ban chỉ đạo Chương trình xây dựng Nông thôn mới huyện Như Thanh

2. Báo cáo số 527/BC-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2019 của UBND huyện Như Thanh về “Tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2019, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020”.

GÓP PHẦN TÌM HIỂU MỘT SỐ QUY ĐỊNH MỚI TRONG LUẬT TỔ CHỨC CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG SỬA ĐỔI NĂM 2019

ThS. Phạm Thị Hoài Thu *

ThS. Lê Thị Lan Anh **

Sau hơn 4 năm thực hiện Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, việc tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương được quy định cụ thể, chi tiết phục vụ cho hoạt động quản lý, điều hành của Nhà nước khi đất nước bước vào giai đoạn phát triển mới. Tuy nhiên, qua thực tiễn thực hiện các quy định trong văn bản này đã bộc lộ những vấn đề bất cập như: Một số quy định của Luật về phân định thẩm quyền, phân quyền, phân cấp chưa được quy định rõ làm giảm hiệu quả quản lý nhà nước ở địa phương; việc tăng số lượng Phó Chủ tịch HĐND cấp tỉnh, cấp huyện chưa phù hợp với tình hình tổ chức, hoạt động của chính quyền địa phương; việc giảm số lượng Phó Chủ tịch UBND cấp xã loại 2, loại 3 chỉ còn 01 Phó Chủ tịch gây khó khăn trong việc chỉ đạo, điều hành hoạt động của UBND cấp xã. Bên cạnh đó, vẫn còn một số quy định khác trong Luật chưa phù hợp nên có những khó khăn nhất định cho hoạt động của Chính quyền địa phương, đồng thời chưa cụ thể hóa được phương hướng, nhiệm vụ của các Nghị quyết TW đã ban hành trong thời gian vừa qua. Vì vậy, Luật Tổ chức chính quyền địa phương sửa đổi, bổ sung năm 2019 được Quốc hội khóa 14 thông qua ngày 22/11/2019, có hiệu lực từ ngày 01/7/2020 sẽ thay thế cho Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015.

Với tinh thần đó, chúng tôi xin trao đổi một số điểm mới trong Luật Tổ chức chính quyền địa phương sửa đổi, bổ sung năm 2019 để tạo ra sự thống nhất trong quá trình thực hiện.

Luật Tổ chức chính quyền địa phương sửa đổi, bổ sung năm 2019 được Quốc hội khóa 14 thông qua ngày 22/11/2019, có hiệu lực từ ngày 01/7/2020 sẽ thay thế cho Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015.

Thứ nhất, về việc tổ chức chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính

Tại Khoản 1 Điều 2 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019 đã sửa quy định: “*Cấp chính quyền địa phương gồm có Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân*” thành “*Chính quyền địa phương được tổ chức phù hợp với đặc điểm nông thôn, đô thị, hải đảo, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt*”. Theo đó, quy định mới này sẽ tạo sự linh hoạt trong tổ chức bộ máy của chính quyền địa phương, có thể có đơn vị hành chính không tổ chức bộ máy HĐND, ví dụ như đến 01/7/2021 Thành phố Hà Nội sẽ không còn tổ chức HĐND phường, chỉ có UBND phường (Theo Nghị quyết số 97/NQ-QH14 ngày 27/11/2019 của

(*) Phó Trường Khoa Nhà nước & pháp luật

(**) GVC Khoa Nhà nước & pháp luật

THỰC TIỄN VÀ KINH NGHIỆM

Quốc hội về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại Thành phố Hà Nội).

Thứ hai, về phân cấp, phân quyền đối với chính quyền địa phương

Tại Khoản 4, 5, 6 Điều 2 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 đã quy định các nội dung mang tính nguyên tắc về phân định thẩm quyền, phân quyền, phân cấp, ủy quyền đối với chính quyền địa phương nhưng chưa quy định cụ thể về việc đảm bảo các nguồn lực để thực hiện. Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019 đã quy định rõ khi thực hiện phân cấp, phân quyền phải gắn phân quyền với phân cấp và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân; bảo đảm các điều kiện cụ thể về ngân sách, nguồn nhân lực và các điều kiện cần thiết khác cho các địa phương; quy định cụ thể hơn các chủ thể được thực hiện ủy quyền; trách nhiệm của các cơ quan khi thực hiện ủy quyền và các điều kiện bảo đảm cho việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được ủy quyền. Đồng thời, quy định mới cũng tránh việc phân cấp, ủy quyền tràn lan, làm giảm hiệu lực quản lý trong thực hiện nhiệm vụ, thẩm quyền của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, cụ thể:

+ Việc phân quyền, phân cấp cho các cấp chính quyền địa phương phải bảo đảm điều kiện về tài chính, nguồn nhân lực và các điều kiện cần thiết khác; gắn phân quyền, phân cấp với cơ chế kiểm tra, thanh tra khi thực hiện phân quyền, phân cấp. Chính quyền địa phương thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn đã được phân quyền, phân cấp và chịu trách nhiệm trong phạm vi được phân quyền, phân cấp.

+ Việc phân cấp cho chính quyền địa phương phải được quy định trong luật và luật

phải quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn mà chính quyền địa phương không được phân cấp, ủy quyền cho cơ quan nhà nước cấp dưới hoặc cơ quan, tổ chức khác.

+ UBND cấp trên có thể ủy quyền cho UBND cấp dưới trực tiếp, UBND có thể ủy quyền cho cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập. Chủ tịch UBND có thể ủy quyền cho Phó Chủ tịch, cho Trưởng các cơ quan chuyên môn...

Tại khoản 12,20,23 Điều 2 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019 sửa đổi tăng số lượng Phó Chủ tịch UBND cấp xã, phường, thị trấn loại II không quá 02 Phó Chủ tịch, trong khi Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 quy định cấp xã, phường, thị trấn loại II có 01 Phó Chủ tịch. Như vậy, Luật mới tăng thêm 01 Phó Chủ tịch đối với xã, phường, thị trấn loại 2.

Thứ ba, giảm số lượng Phó Chủ tịch HĐND tỉnh, HĐND huyện.

Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của Hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019 đã quy định giảm số lượng Phó Chủ tịch HĐND cấp tỉnh, cấp huyện, phó trưởng ban HĐND, cụ thể:

+ Đối với HĐND tỉnh: Trường hợp Chủ tịch HĐND tỉnh là đại biểu HĐND hoạt động chuyên trách thì có 01 Phó Chủ tịch HĐND. Trường hợp Chủ tịch HĐND tỉnh là đại biểu HĐND hoạt động không chuyên trách thì có 02 Phó Chủ tịch HĐND. Tương tự số lượng Phó Chủ tịch HĐND, đối với các phó ban HĐND thì trường hợp Trưởng ban hoạt động chuyên trách thì có 1 phó ban. Trường hợp

Trường ban hoạt động không chuyên trách thì có 02 phó ban.

+ HĐND huyện: Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 quy định có 02 Phó Chủ tịch HĐND, nhưng Luật Tổ chức chính quyền địa phương sửa đổi năm 2019 quy định chỉ có 01 Phó Chủ tịch HĐND huyện hoạt động chuyên trách.

Thứ tư, quốc tịch Việt Nam của đại biểu HĐND

Điều 7 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019 đã bổ sung quy định đại biểu Hội đồng nhân dân phải đáp ứng điều kiện có quốc tịch Việt Nam, tức có thể là người mang nhiều quốc tịch nhưng trong đó phải có quốc tịch Việt Nam. Đây là nội dung mới rất quan trọng để xác định người đại biểu dân cử bắt buộc phải là người có quốc tịch Việt Nam.

Thứ năm, giảm số lượng đại biểu HĐND các cấp

Luật sửa đổi năm 2019 quy định giảm số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp. Trong đó:

- *Hội đồng Nhân dân tỉnh:*

+ Tỉnh miền núi, vùng cao có từ 500.000 dân trở xuống được bầu 50 đại biểu; từ 500.000 dân trở lên được bầu tối đa 75 đại biểu (Luật 2015 là 85 đại biểu).

+ Tỉnh còn lại có từ 01 triệu dân trở xuống được bầu 50 đại biểu; từ 01 triệu dân trở lên được bầu không quá 85 đại biểu (Luật 2015 là 95 đại biểu).

+ Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh được bầu 95 đại biểu (Luật 2015 là 105 đại biểu).

- *Hội đồng Nhân dân huyện:*

+ Huyện miền núi, vùng cao, hải đảo có từ 40.000 dân trở xuống được bầu 35 đại biểu; trên 40.000 dân được bầu tối đa 35 đại biểu (Luật 2015 là 40 đại biểu).

+ Huyện còn lại có từ 80.000 dân trở xuống được bầu 30 đại biểu; trên 80.000 dân được bầu tối đa 35 đại biểu (Luật 2015 là 40 đại biểu).

Có thể nói việc sửa đổi, bổ sung Luật tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015 trong điều kiện hiện nay là phù hợp với chủ trương và các định hướng lớn của Đảng nhằm hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cấp chính quyền địa phương, khắc phục những hạn chế, chồng chéo trong việc phân cấp, phân quyền và tính phù hợp với đặc thù của từng địa phương để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương các cấp, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước trong thời kỳ đổi mới.

- *Hội đồng nhân dân xã:*

+ Xã miền núi, vùng cao và hải đảo có từ 2.000 dân trở xuống được bầu 15 đại biểu.

+ Xã miền núi, vùng cao và hải đảo có trên 2000 dân đến dưới 3.000 dân được bầu 19 đại biểu (Luật 2015 là 20 đại biểu).

+ Xã miền núi, vùng cao và hải đảo có 3.000 dân được bầu 21 đại biểu; có trên 3.000 thì được bầu tối đa 30 đại biểu (Luật 2015 là 35 đại biểu).

+ Xã còn lại có từ 5.000 dân trở xuống được bầu 25 đại biểu; có trên 5.000 dân được bầu tối đa 30 đại biểu (Luật 2015 là 35 đại biểu).

Thứ sáu, tăng số lượng Phó Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn

Tại Khoản 12,20,23 Điều 2 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019 sửa đổi tăng số lượng Phó Chủ tịch UBND cấp xã,

phường, thị trấn loại II không quá 02 Phó Chủ tịch, trong khi Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 quy định cấp xã, phường, thị trấn loại II có 01 Phó Chủ tịch. Như vậy, Luật mới tăng thêm 01 Phó Chủ tịch đối với xã, phường, thị trấn loại 2. Quy định mới này xuất phát từ việc tổng kết quá trình thi hành Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, khảo sát thực tiễn và lấy ý kiến các địa phương cho thấy, khi thực hiện quy định của Luật này về số lượng Phó Chủ tịch UBND các cấp theo phân loại đơn vị hành chính đã làm giảm đáng kể số lượng Phó Chủ tịch UBND cấp xã loại II, III trong cả nước xuống chỉ còn 01 Phó Chủ tịch, tác động khá lớn đến hoạt động chỉ đạo điều hành và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của UBND cấp xã. Bên cạnh đó, thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 37 NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 653/2019/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2019-2021, đến nay các địa phương đã và đang sắp xếp, sáp nhập các đơn vị hành chính cấp xã chưa đạt 50% tiêu chuẩn diện tích tự nhiên và quy mô dân số, nên số lượng đơn vị hành chính cấp xã sẽ giảm, quy mô đơn vị hành chính cấp xã và số lượng đơn vị hành chính cấp xã loại II sẽ tăng lên nhưng số lượng cán bộ, công chức cấp xã giảm xuống theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP của Chính phủ ban hành về sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố đã quy định giảm 02 người trên tổng số lượng cán bộ, công chức cấp xã ở mỗi cấp xã loại I, II, III so với trước đây.

Tuy nhiên, trong bối cảnh cả nước đang thực hiện chủ trương của Đảng, Quốc hội về tinh gọn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, Chính phủ chỉ đề xuất tăng số lượng Phó Chủ tịch UBND cấp xã loại II có không quá 02 Phó Chủ tịch, không tăng số lượng Phó Chủ tịch UBND đối với cấp xã loại III nhằm đáp ứng yêu cầu kiện toàn cơ cấu tổ chức phù hợp, bảo đảm thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, quyền hạn và hoạt động chỉ đạo điều hành của UBND cấp xã loại II.

Thứ bảy, thay thế cụm từ “*bất thường*”.

Luật Tổ chức chính quyền địa phương sửa đổi năm 2019 thay thế cụm từ “*bất thường*” bằng cụm từ “*chuyên đề hoặc hợp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất*”. (Quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 78, khoản 2 và Khoản 3 Điều 80, Khoản 1 và khoản 3 Điều 97, khoản 2 Điều 113, khoản 4 Điều 114).

Như vậy, có thể nói việc sửa đổi, bổ sung Luật tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015 trong điều kiện hiện nay là phù hợp với chủ trương và các định hướng lớn của Đảng nhằm hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cấp chính quyền địa phương, khắc phục những hạn chế, chông chéo trong việc phân cấp, phân quyền và tính phù hợp với đặc thù của từng địa phương để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương các cấp, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước trong thời kỳ đổi mới.

Trên đây là một số điểm mới trong Luật tổ chức chính quyền địa phương sửa đổi, bổ sung năm 2019. Rất mong nhận được sự quan tâm, trao đổi của các đồng nghiệp./.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG BAN HÀNH VĂN BẢN HÀNH CHÍNH CỦA UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA

Đỗ Thị Tuyết*

ThS. Lê Minh Nguyệt**

Hiện nay trong hoạt động của các cơ quan hành chính Nhà nước vấn đề ban hành văn bản hành chính là một vấn đề hết sức quan trọng và cần được quan tâm một cách đúng mức. Bởi văn bản hành chính có vai trò nhằm đảm bảo thông tin phục vụ hoạt động quản lý và quyết định hiệu quả hoạt động của các cơ quan, tổ chức. Văn bản hành chính là công cụ hữu hiệu phục vụ cho hoạt động quản lý và điều hành tại địa phương. Đó là cơ sở để đánh giá kết quả hoạt động của một đơn vị, một tổ chức nhất định và hoạch định phương hướng phát triển của đơn vị trong thời gian tới.

Trong thời gian qua, việc ban hành văn bản hành chính của UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đã có nhiều chuyển biến tích cực góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, cơ bản giải quyết được các nhiệm vụ được giao. Các văn bản hành chính mà UBND cấp xã thường ban hành bao gồm: quyết định (cá biệt), thông báo, kế hoạch, báo cáo, biên bản, tờ trình, hợp đồng, công văn, giấy chứng nhận, giấy uỷ nhiệm, giấy mời, giấy giới thiệu...

Từ năm 2014 – 2019, Sở Nội vụ ban hành các kế hoạch kiểm tra công tác văn thư, lưu trữ tại 27 huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Thông qua kết quả kiểm tra, việc ban hành văn bản hành chính của UBND cấp xã đạt được những ưu điểm nhất định. Chất lượng ban hành văn bản hành chính của UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đã phân

ánh được những bước tiến mới trong hoạt động quản lý, điều hành và thực hiện các nhiệm vụ được giao. Tuy nhiên, qua công tác kiểm tra thường xuyên, kiểm tra chéo, bên cạnh những kết quả đạt được, chất lượng ban hành văn bản hành chính của UBND cấp xã vẫn còn nhiều hạn chế:

Một là, về xác định thẩm quyền ban hành văn bản. Nội dung và hình thức ban hành văn bản hành chính của UBND cấp xã còn chưa thống nhất, công chức chưa xác định được thể loại văn bản cần ban hành trong quá trình tham mưu. Phần lớn việc ký thay mặt (TM. ỦY BAN NHÂN DÂN) của UBND cấp xã còn sai, các văn bản thuộc thẩm quyền riêng của Chủ tịch UBND cấp xã nhưng vẫn để thẩm quyền chung.

Hai là, về quy trình xây dựng và ban hành văn bản. Văn bản được soạn thảo của UBND cấp xã nhìn chung đã tuân thủ theo các bước của quy trình xây dựng và ban hành văn bản. Tuy nhiên, do yêu cầu của công việc, để giải quyết nhanh một vấn đề nên các bước ban hành văn bản không được tiến hành hoàn chỉnh. Điều này cũng sẽ ảnh hưởng đến chất lượng ban hành văn bản hành chính. Công tác tự kiểm tra văn bản hành chính của các bộ phận chưa được tiến hành thường xuyên.

Ba là, về thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản. Lỗi sai chủ yếu về thể thức của văn bản hành chính là ở thành phần thể thức số, ký hiệu văn bản, nơi nhận; kỹ thuật trình bày văn bản

Trong thời gian qua, việc ban hành văn bản hành chính của UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đã có nhiều chuyển biến tích cực góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, cơ bản giải quyết được các nhiệm vụ được giao.

(*) Chi cục Văn thư - Lưu trữ tỉnh Thanh Hóa

(**) Khoa Nhà nước và Pháp luật

còn chưa đúng về cỡ chữ, kiểu chữ, định lề văn bản... Có những lỗi sai này do chưa có sự thống nhất trong việc thực hiện theo quy định về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản.

Bốn là, ngôn ngữ của văn bản. Tồn tại những lỗi chủ quan của người soạn thảo trong nội dung của văn bản như: sử dụng từ không đảm bảo văn phong hành chính; sử dụng từ địa phương; tự tiện ghép từ, ghép nghĩa; hành văn không được rõ ràng, mạch lạc... Bên cạnh đó còn một số lỗi như: viết hoa, viết tắt tùy tiện không khoa học...

Năm là, văn bản hành chính sau khi ban hành, một số bản gốc lưu tại văn thư không được đóng dấu.

Nguyên nhân của những hạn chế nêu trên được xác định cụ thể là: Lề lối làm việc của UBND cấp xã còn thể hiện tính quản lý

lỏng lẻo nên sản phẩm của hoạt động quản lý là văn bản hành chính được ban hành chưa khoa học, chông chéo lẫn nhau, khối lượng ban hành lớn nhưng chất lượng thông tin chưa cao. Việc quản lý văn bản còn chưa chặt

chẽ, một số UBND cấp xã chưa quan tâm xây dựng quy chế công tác văn thư, lưu trữ. Chưa xác định quy chế công tác này là cơ sở để cán bộ, công chức thực hiện tốt việc tham mưu ban hành văn bản hành chính. Một bộ phận công chức Văn phòng - Thống kê chưa được đào tạo đúng về chuyên môn nên làm việc chủ yếu dựa vào kinh nghiệm và qua các lớp bồi dưỡng ngắn hạn về chuyên môn nghiệp vụ. Năng lực, trình độ của công chức cấp xã trong công tác tham mưu soạn thảo, thẩm định, kiểm tra và xử lý văn bản hành chính còn nhiều hạn chế; một bộ phận người đứng đầu cơ quan chưa nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của văn bản hành chính trong hoạt động quản lý, điều hành.

Trong thời gian tới, để nâng cao chất lượng ban hành văn bản hành chính của UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, cần thực hiện một số giải pháp sau:

Thứ nhất, các cấp ủy Đảng, chính quyền cần phải nhận thức đầy đủ vai trò quan trọng của văn bản hành chính trong hoạt động quản lý, điều hành. Cần tăng cường hơn nữa sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền trong công tác ban hành văn bản hành chính. Xác định chất lượng ban hành văn bản hành chính là nội dung cơ bản trong đánh giá hiệu quả làm việc của cơ quan, thông qua đó đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ, công chức hằng năm; kịp thời biểu dương, khen thưởng những bộ phận, cá nhân thực hiện tốt nhiệm vụ. Chi cục Văn thư - Lưu trữ cần tiếp tục chủ động tham mưu cho Giám đốc Sở

Nội vụ ban hành văn bản triển khai các văn bản của Trung ương, của tỉnh về việc ban hành văn bản hành chính. Hiện nay, Nghị định số 30/2020/NĐ-CP về công tác văn thư có hiệu lực kể từ ngày 05/3/2020, trong đó chương II quy định rõ về soạn thảo, ký ban hành

văn bản hành chính. Từ đó, yêu cầu UBND các cấp tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến Nghị định này nhằm hướng tới sự thống nhất trong hoạt động ban hành văn bản hành chính của UBND cấp xã.

Thứ hai, xây dựng đội ngũ công chức có đủ trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và khả năng ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động ban hành văn bản. Muốn vậy cần nâng cao chất lượng tuyển dụng đầu vào đối với công chức Văn phòng - Thống kê nói riêng và các chức danh công chức nói chung; nâng cao chất lượng chương trình đào tạo, bồi dưỡng; chế độ đãi ngộ; thay đổi tư duy, nhận thức về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của hoạt động ban hành văn bản hành chính.

Xác định chất lượng ban hành văn bản hành chính là nội dung cơ bản trong đánh giá hiệu quả làm việc của cơ quan, thông qua đó đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ, công chức hằng năm; kịp thời biểu dương, khen thưởng những bộ phận, cá nhân thực hiện tốt nhiệm vụ.

Chi cục Văn thư – Lưu trữ và Trường Chính trị tỉnh cần tiếp tục tổ chức tốt các lớp bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước, kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính cho đội ngũ công chức cấp xã theo theo sự chỉ đạo của UBND tỉnh. Cùng với việc nâng cao chất lượng bồi dưỡng là việc đa dạng hóa cách thức bồi dưỡng. Việc bồi dưỡng có thể được tiến hành trực tiếp, cũng có thể tiến hành bằng hình thức từ xa thông qua website của UBND tỉnh, Chi cục Văn thư - Lưu trữ; bồi dưỡng không chỉ bằng lý luận mà phải kết hợp với thực tiễn, với những hình ảnh minh họa cụ thể. Phải có sự đầu tư về kinh phí và trang thiết bị hiện đại cho quá trình dạy và học. Phải có chế độ chính sách khuyến khích đối với công chức trong quá trình bồi dưỡng như giải quyết chế độ phụ cấp, tạo điều kiện về mặt thời gian... Như vậy mới có thể thu hút được sự tham gia đầy đủ và nhiệt tình của công chức. Qua đó khẳng định được hiệu quả và lợi ích của việc bồi dưỡng, giúp công chức có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào công việc thực tiễn tại cơ sở, từng bước nâng cao chất lượng văn bản hành chính tại UBND cấp xã.

Thứ ba, cán bộ UBND cấp xã cần thường xuyên cập nhật đường lối, chủ chương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nắm bắt kịp thời tình hình thực tiễn tại địa phương nhằm nâng cao năng lực thẩm định văn bản hành chính. Chủ tịch UBND cấp xã cần chỉ đạo công chức Văn phòng - Thống kê rà soát, kiểm tra kỹ về thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản trước khi phát hành gửi các cơ quan, tổ chức. Không ban hành các văn bản không đảm bảo các yêu cầu về nội dung, ngôn ngữ và thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản hành chính.

Thứ tư, tăng cường công tác thẩm định, kiểm tra văn bản hành chính. Phải thường xuyên tiến hành công tác tự kiểm tra văn bản hành chính nhằm loại bỏ kịp thời những văn bản, những quy định mâu thuẫn, chồng chéo, không còn phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương.

Nội dung kiểm tra đối với văn bản hành chính của UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh đã được thực hiện hằng năm theo kế hoạch kiểm tra và kiểm tra chéo công tác Văn thư - Lưu trữ của UBND tỉnh. Tuy nhiên, trong hoạt động kiểm tra chéo tại mỗi huyện, số lượng UBND cấp xã được kiểm tra còn khá hạn chế để đánh giá khái quát tình hình ban hành văn bản hành chính tại huyện đó. Do vậy, hoạt

Văn bản hành chính cung cấp thông tin phục vụ hoạt động quản lý, góp phần đánh giá chất lượng hoạt động của cơ quan và năng lực của nhà quản lý. Chính vì vậy việc nâng cao chất lượng văn bản hành chính của UBND cấp xã là một nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên góp phần nâng cao chất lượng hoạt động của UBND nói riêng và phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương nói chung.

động kiểm tra chéo cần thực hiện kiểm tra đến ít nhất 2/3 UBND cấp xã trên địa bàn huyện. Sau khi kiểm tra, các cơ quan cần tổ chức họp thảo luận, thống nhất chấm điểm, đánh giá rút kinh nghiệm một cách nghiêm túc, khách quan, phản ánh trung thực hoạt động ban hành văn bản tại các cơ quan và tổng hợp báo cáo kết quả kiểm tra về Sở Nội vụ qua Chi cục Văn thư - Lưu trữ tỉnh.

Tóm lại, văn bản hành chính cung cấp thông tin phục vụ hoạt động quản lý, góp phần đánh giá chất lượng hoạt động của cơ quan và năng lực của nhà quản lý. Chính vì vậy việc nâng cao chất lượng văn bản hành chính của UBND cấp xã là một nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên góp phần nâng cao chất lượng hoạt động của UBND nói riêng và phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương nói chung./.

HUYỆN TỈNH GIA THỰC HIỆN HIỆU QUẢ ỨNG DỤNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ

ThS. Phạm Bá Thịnh *

Tỉnh Gia, một huyện nằm ở phía nam của tỉnh Thanh Hóa, diện tích tự nhiên của huyện là 455,61 km², dân số 307.304 người (năm 2019), với 30 xã và 01 thị trấn. Hòa chung với bối cảnh đất nước ta đang hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới, sẵn sàng đón nhận và nắm bắt thời cơ từ cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 nhằm ứng dụng vào phát triển kinh tế - xã hội, hiện đại hóa đất nước; huyện Tỉnh Gia cũng trên con đường phát triển, tiếp tục thi đua thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp, đoàn kết sáng tạo, phát huy hiệu quả các nguồn lực và cơ hội để phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh; khu kinh tế Nghi Sơn phát triển nhanh, nhiều dự án lớn được đầu tư xây dựng và đi vào hoạt động hiệu quả, nhất là dự án Liên hợp lọc hóa dầu Nghi Sơn; hệ thống kết cấu hạ tầng được

tăng cường, diện mạo đô thị từng bước được hình thành và phát triển, tạo động lực và nền tảng quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội toàn huyện. Bởi vậy, việc đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin trên địa bàn huyện là hết sức cần thiết, cần thực hiện rộng rãi trong mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và xác định đây là lĩnh vực quan trọng, có tác động tích cực, sâu rộng đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế. Thực tế cho thấy, trong những năm qua, việc ứng dụng và phát triển công nghệ

thông tin trên địa bàn huyện đạt được những kết quả quan trọng, cụ thể:

Một là, hạ tầng công nghệ thông tin được xây dựng, phát triển, góp phần hiện đại hóa hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện.

Trong những năm gần đây, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ, Chính quyền huyện Tỉnh Gia, tất cả các cơ quan, đơn vị trên toàn huyện đã xây dựng và vận hành mạng nội bộ (LAN), kết nối Internet băng rộng; đầu tư, mua sắm trang thiết bị cơ sở vật chất hiện đại phục vụ công tác ứng dụng công nghệ thông tin để phát triển kinh tế - xã hội; đầu tư phòng họp

Việc đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin trên địa bàn huyện là hết sức cần thiết, cần thực hiện rộng rãi trong mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và xác định đây là lĩnh vực quan trọng, có tác động tích cực, sâu rộng đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế.

trực tuyến tại Ủy ban nhân dân huyện, Huyện ủy; hàng năm có kế hoạch bổ sung, thay thế, nâng cấp một số thiết bị công nghệ thông tin đã hỏng cho các phòng, ban, đội, đơn vị sự

nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân huyện; thành lập bộ phận tiếp nhận, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (Bộ phận một cửa) tại cơ quan Ủy ban nhân dân huyện và triển khai rộng rãi xuống các xã, thị trấn; thiết lập, kiện toàn Ban biên tập trang thông tin điện tử của huyện, các xã, thị trấn; cung cấp thông tin, dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử...

Việc xây dựng, phát triển công nghệ thông tin đã góp phần quan trọng đẩy mạnh cải cách hành chính, thu hút đầu tư, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cấp, các ngành, lĩnh vực,

(*) Khoa Lý luận cơ sở

địa phương, cơ quan, đơn vị được giao phụ trách; đồng thời, tăng cường công khai, minh bạch thông tin cung cấp dịch vụ công tốt hơn cho người dân, doanh nghiệp và là nền tảng quan trọng để xây dựng chính quyền điện tử trên địa bàn huyện Tĩnh Gia.

Hai là, quan tâm xây dựng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm phát triển, khai thác, ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý ở các cơ quan, đơn vị.

Thời gian qua các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện đều bố trí được cán bộ phụ trách công nghệ thông tin tại đơn vị mình, đồng thời Ủy ban nhân dân huyện thường xuyên quan tâm tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kiến thức cho đội ngũ cán bộ, công chức từ huyện đến các xã, thị trấn như: phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông mở nhiều lớp tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng sử dụng, khai thác, quản trị các hệ thống thông tin, các phần mềm ứng dụng phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc (TDOffice), phần mềm theo dõi nhiệm vụ, thư điện tử công vụ cho cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước từ huyện đến các xã, thị trấn; cử cán bộ tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về quản trị hệ thống mạng, an toàn thông tin mạng đảm bảo quản lý, triển khai, vận hành hệ thống công nghệ thông tin... Từ đó, từng bước xây dựng nguồn nhân lực công nghệ thông tin đủ phẩm chất, năng lực làm chủ công nghệ, đáp ứng kịp thời yêu cầu thực thi công vụ.

Ba là, quan tâm tạo điều kiện để doanh nghiệp công nghệ thông tin hình thành và phát triển.

Những năm qua huyện đã hỗ trợ, đồng hành, cùng các doanh nghiệp công nghệ thông tin bằng việc tổ chức các hội nghị xúc tiến đầu tư, giới thiệu, quảng bá sản phẩm công nghệ thông tin; hỗ trợ mỗi doanh nghiệp mới thành lập 1 triệu 500 nghìn đồng; giải quyết thủ tục hành chính kịp thời để thành lập và phát triển doanh nghiệp... Đến nay, trên địa bàn huyện

có 03 doanh nghiệp viễn thông hoạt động cung cấp các dịch vụ viễn thông - công nghệ thông tin, như: Dịch vụ điện thoại cố định, dịch vụ điện thoại di động, phần mềm ứng dụng, dịch vụ chữ ký điện tử, dịch vụ hóa đơn điện tử; có trên 50 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực buôn bán, sửa chữa các sản phẩm công nghệ thông tin và thiết bị điện tử viễn thông bao gồm các sản phẩm: Màn hình máy tính, ổ đĩa cứng,

Việc xây dựng, phát triển công nghệ thông tin đã góp phần quan trọng đẩy mạnh cải cách hành chính, thu hút đầu tư, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cấp, các ngành, lĩnh vực, địa phương, cơ quan, đơn vị được giao phụ trách; đồng thời, tăng cường công khai, minh bạch thông tin cung cấp dịch vụ công tốt hơn cho người dân, doanh nghiệp và là nền tảng quan trọng để xây dựng chính quyền điện tử trên địa bàn huyện Tĩnh Gia.

bàn phím máy tính, máy in, điện thoại..., sản phẩm chủ yếu được bán trong huyện. Qua đó, đã góp phần vào việc hiện đại hóa và đồng bộ mạng lưới công nghệ thông tin huyện Tĩnh Gia, tạo nền tảng quan trọng thúc đẩy kinh tế - xã hội toàn huyện.

Bốn là, quan tâm chỉ đạo việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, điều hành của các tổ chức, doanh nghiệp.

Trong thời gian vừa qua, bên cạnh việc đưa quy trình giải quyết thủ tục hành chính áp dụng ở cấp huyện và cấp xã lên trang thông tin điện tử (dịch vụ công trực tuyến ở cấp độ 2 tiến tới tiếp cận cấp độ 3 cấp huyện, mức độ 2 cấp xã, tiến tới mức độ 3), huyện còn quan tâm chỉ đạo việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị, sản xuất, kinh doanh của các tổ chức, đơn vị kinh tế nhà nước nói riêng, các doanh nghiệp trên địa bàn huyện nói chung. Nhờ đó, hiện nay hầu hết các doanh nghiệp đều ứng dụng công

THỰC TIỄN VÀ KINH NGHIỆM

nghệ thông tin vào hoạt động sản xuất kinh doanh như: Soạn thảo văn bản, kế toán, quản lý vật tư, truy cập Internet, kê khai thuế qua mạng. Đến nay, đã có hơn 100 doanh nghiệp thực hiện đăng ký khai thuế qua mạng, 100% doanh nghiệp sử dụng thư điện tử trong trao đổi thông tin, gần 200 doanh nghiệp trên các lĩnh vực đã xây dựng trang thông tin điện tử riêng nhằm quảng bá thương hiệu và giới thiệu sản phẩm; phần mềm Quản lý giáo dục triển khai ở tất cả các cấp học trên địa bàn huyện; phần mềm Quản lý khám chữa bệnh và thanh toán bảo hiểm y tế được triển khai ở bệnh viện, trung tâm y tế huyện, đảm bảo kết nối hệ thống thông tin khám chữa bệnh và thanh toán bảo hiểm y tế ở tất cả các cơ sở khám, chữa bệnh trên địa bàn huyện qua mạng máy tính...

Năm là, coi trọng bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng.

Phát huy vai trò bộ máy quản lý Nhà nước về an toàn thông tin, Ủy ban nhân dân huyện luôn chú trọng công tác xây dựng và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ chuyên trách về đảm bảo an toàn thông tin, phòng chống tấn công mạng, giám sát, cảnh báo, ứng cứu sự cố tại các phòng, ban, cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện. Quan tâm thu hút, tuyển dụng đào tạo cán bộ có trình độ chuyên môn cao, có phẩm chất chính trị tốt để làm nhân sự quản lý, vận hành hệ thống an ninh mạng của huyện.

Quản lý chặt chẽ việc sử dụng các thiết bị, phương tiện kỹ thuật số có tính năng lưu trữ, trao đổi thông tin để phòng ngừa lộ, lọt thông tin, kiểm tra an ninh và an toàn thông tin cho các thiết bị, phần mềm hệ thống, phần mềm ứng dụng trước khi đi vào sử dụng.

Phối hợp với Trung tâm công nghệ thông tin và truyền thông tỉnh tăng cường công tác phòng, chống, phát hiện, gỡ bỏ các mã độc; cảnh báo kịp thời phát hiện có nguy cơ tấn công mạng vào các hệ thống thông tin của cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện...

Với những kết quả mà huyện Tĩnh Gia đã đạt được trong việc ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin không chỉ hiện thực hóa ba đột phá chiến lược về công nghệ thông tin; thúc đẩy cải cách hành chính, minh bạch hóa trong việc cung cấp thông tin, tạo thuận lợi cho tổ chức và người dân; mà còn khẳng định sự quyết tâm chính trị của toàn Đảng bộ, Chính quyền và Nhân dân huyện Tĩnh Gia thực hiện thắng lợi các Nghị quyết của Đảng vào thực tiễn cuộc sống, nhất là Nghị quyết số 36 - NQ/TW, ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị (Khóa XI) về “*đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế*”, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng.

Phát huy vai trò bộ máy quản lý Nhà nước về an toàn thông tin, Ủy ban nhân dân huyện luôn chú trọng công tác xây dựng và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ chuyên trách về đảm bảo an toàn thông tin, phòng chống tấn công mạng, giám sát, cảnh báo, ứng cứu sự cố tại các phòng, ban, cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin của huyện còn những tồn tại, hạn chế như: Hoạt động ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin tại một số cơ quan, đơn vị chưa được quan tâm đúng mức; việc quản lý, điều hành vẫn thực hiện theo phương thức truyền thống sử dụng giấy tờ; các hệ thống thông tin được triển khai còn thiếu tính đồng bộ, hiệu quả sử dụng chưa cao. Hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin tại một số cơ quan, đơn vị đã xuống cấp chưa được thay thế, nâng cấp kịp thời; các ứng dụng công nghệ thông tin chưa được kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu, các cơ sở dữ liệu dùng chung chưa được đưa vào khai thác sử dụng; công tác đảm bảo an

toàn thông tin mạng ở các cơ quan, đơn vị chưa được quan tâm đúng mức; nhiều cơ quan, đơn vị sử dụng hệ thống mạng kết nối ngang hàng, thiếu các trang thiết bị đảm bảo an toàn thông tin mạng, tồn tại lỗ hổng bảo mật, tiềm ẩn nguy cơ gây mất dữ liệu, lây nhiễm các phần mềm độc hại ảnh hưởng đến ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin; kinh phí đầu tư cho việc ứng dụng công nghệ thông tin còn hạn chế; trình độ công nghệ thông tin của cán bộ, công chức, viên chức, người dân không đồng đều...

Nguyên nhân là do lãnh đạo một số cơ quan, đơn vị chưa thực sự coi trọng việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác chỉ đạo điều hành; một bộ phận cán bộ, công chức còn hạn chế về kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong thực thi công vụ; thói quen làm việc theo phương thức thủ công, truyền thống vẫn còn chi phối nên việc ứng dụng công nghệ thông tin có lúc, có nơi chưa được phát huy hiệu quả; ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin nhìn chung triển khai còn thiếu đồng bộ; nguồn lực đầu tư cho phát triển công nghệ thông tin trong các cơ quan chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế, chưa được đào tạo chuyên sâu trong lĩnh vực công nghệ thông tin.

Để tiếp tục phát huy hiệu quả và đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin trên địa bàn, trong thời gian tới Tỉnh Gia cần tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

Thứ nhất, đẩy mạnh tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, người dân và doanh nghiệp về lợi ích của việc ứng dụng công nghệ thông tin thông qua các phương tiện thông tin đại chúng như: qua các hội nghị trực tuyến, giao ban, qua hệ thống Đài truyền thanh, cổng/trang thông tin điện tử của huyện, các cơ quan, đơn vị...

Thứ hai, tăng cường vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin; yêu cầu lãnh đạo cơ quan, đơn vị chỉ đạo sát

sao việc đẩy mạnh các ứng dụng công nghệ thông tin dùng chung của huyện, tập trung triển khai xây dựng Chính quyền điện tử các cấp. Thực hiện cung cấp các ứng dụng công nghệ thông tin, hệ thống phần mềm có bản quyền của các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ công nghệ thông tin.

Thứ ba, tăng cường đào tạo, tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức nâng cao trình độ công nghệ thông tin trong hoạt động chuyên môn nghiệp vụ, đào tạo kỹ năng đảm bảo an toàn thông tin trong thời đại mới; từng bước nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và khả năng tham mưu của cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin.

Thứ tư, tăng cường các nguồn lực để thực hiện các nội dung theo kế hoạch hàng năm, kế hoạch giai đoạn đã đề ra. Đồng thời nghiên cứu, triển khai có hiệu quả các giải pháp để huy động nguồn lực từ người dân, doanh nghiệp và các nguồn lực khác theo quy định của pháp luật để đầu tư cho hoạt động ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin.

Thứ năm, thực hiện việc đánh giá xếp hạng mức độ ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Nhà nước trên địa bàn huyện. Kết quả đánh giá sẽ là cơ sở để các cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch và thực hiện trong các giai đoạn tiếp theo./.

- Báo cáo số 329 – BC/HU, ngày 12 tháng 4 năm 2019 của Huyện ủy Tỉnh Gia về “Sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị (Khóa XI) về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế”.

- Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị (Khóa XI) về “đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế”.

PHÁT HUY VAI TRÒ LÃNH ĐẠO CỦA CẤP ỦY ĐẢNG ĐỐI VỚI CÔNG TÁC DÂN VẬN Ở THÔN, KHU PHỐ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐÔNG SƠN, TỈNH THANH HÓA HIỆN NAY

ThS. Nguyễn Thị Duyên*

Trong quá trình lãnh đạo sự nghiệp cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta luôn quán triệt quan điểm “*dân là gốc*”, “*cách mạng là sự nghiệp của quần chúng Nhân dân*”, Nhân dân vừa là chủ thể, vừa là mục tiêu, động lực của cách mạng và xác định công tác dân vận là vấn đề có tính chiến lược, là điều kiện quan trọng củng cố và tăng cường mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân. Thu phục được lòng dân, làm cho dân tin, dân theo thì việc khó mấy cũng thành công. Đó chính là kinh nghiệm của cha ông ta trong lịch sử được Chủ tịch Hồ Chí Minh đúc kết thành quan điểm “*Dân vận khéo thì việc khó mấy cũng thành công*”¹. Trên quan điểm đó, Đảng ta đã ban hành nhiều chủ trương, nghị quyết quan trọng về công tác dân vận, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, xác

định công tác dân vận là phương thức đặc biệt quan trọng để đạt được mục tiêu mà Đảng đã đặt ra, coi đây là sự nghiệp của toàn dân và là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị. Quán triệt chủ trương, nghị quyết của Đảng và thực tiễn vận động của công tác dân vận trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa nói chung và huyện Đông Sơn nói riêng, những năm qua, các cấp ủy, chính quyền trong tỉnh đã chú trọng tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, tập trung đổi mới nội dung và phương

thức thực hiện nên công tác dân vận các cấp trong tỉnh đã có nhiều chuyển biến tích cực. Tuy nhiên, chất lượng hoạt động của hệ thống dân vận vẫn còn những hạn chế, yếu kém. Vì vậy, việc đổi mới để từng bước nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống dân vận các cấp là hết sức cần thiết để đáp ứng yêu cầu thực tiễn của công tác dân vận trong giai đoạn hiện nay.

Thực tế cho thấy, trong những năm qua, công tác dân vận ở thôn, khu phố đã đạt được những kết quả quan trọng, cụ thể: Có nhiều cách làm hay, hình thức vận động phù hợp, có

Tính đến năm 2018 toàn huyện đã tuyên truyền, vận động Nhân dân đóng góp được trên 4.032 triệu đồng, 42.234 ngày công, hiến 29.968 m² đất, tự tháo dỡ di dời 6.900m² đất, nhà, lều, quán, tường rào và công trình phụ trợ; làm mới, nâng cấp, mở rộng 315,84 km đường giao thông nông thôn và 463,17 km kênh mương nội đồng; tỷ lệ hộ nghèo còn 2,41%; Tỷ lệ người dân tham gia BHYT đạt 89,7% số dân.

tính thuyết phục cao; nhiều chủ trương, chính sách phát triển kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội, xóa đói, giảm nghèo được tập trung tuyên truyền vận động một cách sâu rộng trong các tầng lớp Nhân dân. Đặc biệt trong những năm gần đây công tác dân vận thôn, khu phố đã có nhiều đóng góp tích cực

trong việc đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước như: “*Phong trào thi đua dân vận khéo*”, phong trào khuyến học, khuyến tài, phong trào gia đình, hộ nông dân sản xuất kinh doanh giỏi, phong trào xây dựng đơn vị, con người kiểu mẫu, phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư*”, mà điểm nhấn là phong trào thi đua “*Dân vận khéo chung sức xây dựng nông thôn mới*”. Theo đó, “*tính đến năm 2018 toàn huyện đã tuyên truyền,*

(*) Khoa Lý luận cơ sở

vận động Nhân dân đóng góp được trên 4.032 triệu đồng, 42.234 ngày công, hiến 29.968 m² đất, tự tháo dỡ di dời 6.900m² đất, nhà, lều, quán, tường rào và công trình phụ trợ; làm mới, nâng cấp, mở rộng 315,84 km đường giao thông nông thôn và 463,17 km kênh mương nội đồng; tỷ lệ hộ nghèo còn 2,41%; Tỷ lệ người dân tham gia BHYT đạt 89,7% số dân”² và trở thành huyện đạt chuẩn Nông thôn mới năm 2019. Các phong trào thi đua đã tạo không khí sôi nổi, góp phần đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội, xây dựng phong trào vệ sinh bảo vệ môi trường, thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư; tích cực tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân... Qua đó, củng cố vững chắc lòng tin của Nhân dân đối với Đảng và phát huy sức mạnh to lớn của Nhân dân trong thực hiện thắng lợi mục tiêu, chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp ở huyện Đông Sơn, nhiệm kỳ 2015-2020 đã đề ra.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác dân vận ở thôn, khu phố trên địa bàn huyện còn bộc lộ những hạn chế như: Chế độ sinh hoạt của một số tổ dân vận thôn, khu phố chưa được thường xuyên, chất lượng sinh hoạt chưa cao; cá biệt có nơi Chi ủy, Bí thư chi bộ (*Tổ trưởng Tổ Dân vận*) chưa thực sự gương mẫu, chưa thực hiện nhất quán chỉ đạo của cấp ủy cấp trên. Theo đó, công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân vẫn còn hạn chế: mô hình điển hình trên các lĩnh vực còn ít, chưa được quan tâm nhân rộng; một số thôn, khu phố tỉ lệ người dân tham gia các sinh hoạt cộng đồng đạt thấp; nhiều thôn, khu phố vệ sinh môi trường trong các khu dân cư và trong các khu vực sản xuất chưa đảm bảo; trật tự an toàn xã hội ở một số thôn chưa được giải quyết triệt để; công tác tuyên truyền lịch thời vụ, cơ cấu giống và sản xuất vụ đông hiệu quả còn hạn chế; ở

các đơn vị hoàn thành xây dựng nông thôn mới công tác tuyên truyền vận động xây dựng xã kiểu mẫu, thôn, xóm, con người kiểu mẫu còn chậm. Những hạn chế trên có nhiều nguyên nhân, song nguyên nhân chính là do: Một số cấp ủy chưa quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên đối với công tác dân vận thôn, khu phố; việc sắp xếp, bố trí đội ngũ làm công tác dân vận ở thôn, khu phố chưa được chú trọng, đề cao; công tác kiểm tra, hướng dẫn, chỉ đạo hoạt động của một số khối dân vận đối với công tác dân vận tại các thôn, tổ dân phố còn hạn chế;

Ban Dân vận phải làm tốt công tác tham mưu, đề xuất với cấp ủy huyện những chủ trương, giải pháp lãnh đạo hoạt động công tác dân vận ở thôn, khu phố ngày một hiệu quả; phối hợp tham mưu xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác dân vận từ huyện đến cơ sở.

các điều kiện cho hoạt động của tổ dân vận còn nhiều khó khăn; năng lực, kinh nghiệm và ý thức trách nhiệm của một số cán bộ làm công tác dân vận chưa đáp ứng yêu cầu trong thời kỳ mới...

Để phát huy vai trò lãnh đạo của cấp ủy Đảng đối với công tác dân vận ở thôn và khu phố, trong thời gian tới cần tập trung thực hiện tốt các giải pháp sau:

Thứ nhất, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên về vai trò, tầm quan trọng của công tác dân vận ở thôn, khu phố. Các cấp ủy Đảng từ huyện đến cơ sở cần tiếp tục tổ chức học tập, nghiên cứu, quán triệt sâu sắc các nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng và Nhà nước về công tác dân vận đến toàn thể cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Trên cơ sở đó, cấp ủy các cấp xác định rõ hơn vai trò, tầm quan trọng của công tác dân vận để xây dựng và ban hành các văn bản lãnh đạo nhiệm vụ công tác dân vận ở thôn, khu phố một cách phù hợp, hiệu quả.

THỰC TIỄN VÀ KINH NGHIỆM

Thứ hai, tập trung đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao ý thức, trách nhiệm của cấp ủy, người đứng đầu cấp ủy và chính quyền các xã, thị trấn nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động công tác dân vận ở thôn, khu phố. Cấp ủy các xã, thị trấn cần xác định lấy chi bộ làm trọng tâm để chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác dân vận ở thôn, khu phố; sự lãnh đạo của Đảng ủy phải nhất quán, người đứng đầu cấp ủy cần sâu sát đến từng thôn, khu phố, thấy được những thuận lợi, khó khăn cùng tâm tư, nguyện vọng của người dân để có giải pháp lãnh đạo, chỉ đạo phù hợp; không ngừng phát huy tinh thần trách nhiệm trong lãnh đạo công tác dân vận của chi ủy chi bộ thôn, khu phố; tập trung chỉ đạo đổi mới hoạt động của tổ dân vận thôn, khu phố, chỉ đạo tổ dân vận thôn, khu phố phối hợp tốt với Ban công tác Mặt trận, các chi đoàn, chi hội thực hiện hiệu quả phong trào thi đua “*Dân vận khéo*”; phong trào xây dựng thôn nông thôn mới và xây dựng thôn, khu phố kiểu mẫu; xây dựng Đảng, chính quyền, Ban công tác Mặt trận, các chi đoàn, chi hội vững mạnh. Chỉ đạo đa dạng hóa các hình thức hoạt động của tổ dân vận thôn, khu phố, làm tốt việc vận động Nhân dân tích cực xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ; qui ước, hương ước ở thôn, khu phố; vận động cán bộ, đảng viên và Nhân dân đi đầu trong các phong trào thi đua, xây dựng các mô hình, phong trào điển hình trên các lĩnh vực của đời sống xã hội; đẩy mạnh phong trào xây dựng nông thôn mới và xây dựng thôn, khu phố kiểu mẫu.

Có thể khẳng định, tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng từ huyện đến cơ sở ở Đông Sơn đối với công tác dân vận thôn, khu phố không chỉ nâng cao chất lượng công tác dân vận của Đảng; tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc và mối quan hệ giữa Đảng với Nhân dân; tập hợp, vận động Nhân dân thực hiện tốt các chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; mặt khác, còn đẩy mạnh phong trào thi đua trong xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh và xây dựng cơ quan, đơn vị, con người huyện Đông Sơn kiểu mẫu.

Thứ ba, phát huy vai trò, trách nhiệm Ban Dân vận Huyện ủy và Khối Dân vận cơ sở trong việc tham mưu, hướng dẫn hoạt động công tác dân vận ở thôn, khu phố. Ban Dân vận phải làm tốt công tác tham mưu, đề xuất với cấp ủy huyện những chủ trương, giải pháp lãnh đạo hoạt động công tác dân vận thôn, khu phố ngày một hiệu quả; phối hợp tham mưu xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác dân vận từ huyện đến cơ sở. Có trách nhiệm chủ trì phối hợp, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc lãnh đạo công tác dân vận thôn, khu phố của cơ sở; chỉ đạo Khối Dân vận tham mưu cho cấp ủy cơ sở đưa nội dung kiểm tra hoạt động công tác dân vận thôn, khu phố vào chương trình kiểm tra của cấp ủy theo định kỳ; chỉ đạo cơ sở xây dựng mô hình điểm hoạt động các tổ dân vận thôn, khu phố và đánh giá hoạt động của các tổ dân vận thôn, khu phố hàng năm. Khối Dân vận các xã, thị trấn phải làm tốt công tác tham mưu, đề xuất với Đảng ủy những chủ trương, giải pháp chỉ đạo hoạt động công tác dân vận thôn, khu phố trên địa bàn. Tham mưu kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác dân vận thôn, khu phố của chi bộ; có trách nhiệm hướng dẫn nội dung hoạt động của tổ dân vận theo đúng chức năng nhiệm vụ, quy chế đã ban hành; chỉ đạo duy trì chế độ sinh hoạt thường xuyên của tổ dân vận; phát huy vai trò của tổ dân vận trong tổ chức hoạt động cụ thể, thiết thực sát với tình hình của địa phương. Thực hiện tốt chế độ thông tin báo cáo về tình hình hoạt động của tổ dân vận, tình hình Nhân dân, tham mưu cho Đảng ủy

đánh giá kết quả hoạt động của các tổ dân vận, thôn, khu phố theo các tiêu chí đánh giá “*Dân vận khéo*”.

Thứ tư, tiếp tục quan tâm xây dựng, củng cố tổ chức, bộ máy, đội ngũ cán bộ dân vận, mặt trận, đoàn thể chính trị - xã hội vững mạnh. Đảng ủy các xã, thị trấn tập trung chăm lo, xây dựng, kiện toàn đội ngũ cán bộ làm công tác dân vận, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội gắn với việc thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 30/12/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nhu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội có bản lĩnh chính trị vững vàng, tinh thần trách nhiệm cao, chuyên môn nghiệp vụ tốt, có kỹ năng vận động, tập hợp quần chúng. Cấp ủy, chính quyền xã, thị trấn và các chi bộ thôn, khu phố cần quan tâm lựa chọn xây dựng, đào tạo những cán bộ thôn, khu phố, đặc biệt là bí thư, trưởng thôn, khu phố thực sự gương mẫu, có năng lực, phẩm chất chính trị tốt, có uy tín, trách nhiệm, kinh nghiệm và kỹ năng vận động, tập hợp quần chúng; thường xuyên quan tâm củng cố, kiện toàn tổ dân vận thôn, khu phố. Lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị từ huyện đến cơ sở tăng cường chỉ đạo đối với hoạt động của Ban công tác Mặt trận, các chi đoàn, chi hội thôn, khu phố nâng cao chất lượng sinh hoạt; tỷ lệ người dân tham gia họp thôn, khu phố và tỷ lệ tập hợp thu hút đoàn viên, hội viên.

Thứ năm, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc sơ kết, tổng kết các chi thị, nghị quyết về công tác dân vận và hoạt động của tổ dân vận thôn, khu phố. Các cấp ủy từ huyện đến cơ sở phải thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sơ kết, tổng kết các chi thị, nghị quyết về công tác dân vận và hoạt động của tổ dân vận thôn, khu phố. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ công tác dân vận của

các tổ dân vận thôn, khu phố. Đồng thời, quan tâm nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, giải đáp kịp thời những vấn đề thực tiễn đặt ra, nhất là kết quả hoạt động, các mô hình điển hình về công tác dân vận ở thôn, khu phố. Từ đó, tham mưu với cấp ủy ban hành các chủ trương phù hợp, nâng cao hiệu quả công tác dân vận thôn, khu phố trên địa bàn toàn huyện.

Có thể khẳng định, tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng từ huyện đến cơ sở ở Đông Sơn đối với công tác dân vận thôn, khu phố không chỉ nâng cao chất lượng công tác dân vận của Đảng; tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc và mối quan hệ giữa Đảng với Nhân dân; tập hợp, vận động Nhân dân thực hiện tốt các chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; mặt khác, còn đẩy mạnh phong trào thi đua trong xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh và xây dựng cơ quan, đơn vị, con người huyện Đông Sơn kiểu mẫu góp phần cụ thể hóa và thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu mà Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp ở huyện Đông Sơn, nhiệm kỳ 2015 - 2020 đã đề ra./.

(1) *Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự Thật, Hà Nội, 2011, t.6. tr.234.*

(2) *Báo cáo số 226 ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Huyện ủy Đông Sơn về Sơ kết 3 năm thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/HU, ngày 02/5/2016 của Ban Thường vụ Huyện ủy về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đối với công tác dân vận thôn, khu phố, giai đoạn 2016 - 2020.*

- *Nghị Quyết số 05 NQ/HU của Ban Thường vụ Huyện ủy Đông Sơn, ngày 2 tháng 5 năm 2016 Về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đối với công tác dân vận thôn, khu phố, giai đoạn 2016-2020.*

XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN VĂN HÓA CÔNG SỞ Ở PHƯỜNG TÂN SƠN THÀNH PHỐ THANH HÓA

Nguyễn Thị Hiệp*

Văn hóa công sở là một hệ thống giá trị được hình thành trong quá trình hoạt động của công sở, tạo nên niềm tin, giá trị về thái độ của các nhân viên làm việc trong công sở, ảnh hưởng đến cách làm việc và hiệu quả hoạt động của công sở trên thực tế. Xây dựng văn hóa công sở là xây dựng một nề nếp làm việc khoa học, có kỷ cương và dân chủ, đòi hỏi các cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan phải quan tâm. Đây là một việc rất quan trọng sẽ góp phần khơi dậy, phát huy được nguồn nhân lực để thực hiện có hiệu quả, đạt mục tiêu chung của cơ quan, đơn vị.

Tân Sơn là một trong những phường trung tâm của thành phố Thanh Hóa với tổng số cán bộ, công chức là 21 người, 100% có trình độ đại học trở lên, trong đó thạc sĩ 5/21 người (chiếm 23,8%), đại học 16/21 người (chiếm 76,2%). Đây đều là những người giàu nhiệt huyết, năng nổ, có trách nhiệm đối với nhiệm vụ được giao. Ngay sau khi thành phố Thanh Hóa triển khai việc xây dựng và thực hiện văn hóa công sở trên địa bàn thành phố, Đảng ủy, UBND Phường Tân Sơn đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ, công chức về văn hóa công sở, phát động các phong trào “Cán bộ, công chức, viên chức thi đua thực hiện văn hóa công sở”; phong trào thi đua xây dựng người cán bộ, công chức “trung thành - tận tụy - sáng tạo - gương mẫu”. Chú trọng thực hiện hiệu quả việc học tập, làm theo tấm gương, đạo đức Hồ Chí Minh. Vì vậy, mỗi cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của phường đã xác định việc xây dựng và thực hiện văn hóa

công sở là trách nhiệm của mình nên mỗi cá nhân nêu cao ý thức rèn luyện, phát huy sáng kiến, cải tiến lề lối làm việc, thi đua hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, quyết tâm xây dựng thành công phường đạt chuẩn văn minh đô thị.

Thực hiện Quyết định số 129/2007/QĐ-TTg ngày 02/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế văn hoá công sở tại các cơ quan hành chính Nhà nước; Kế hoạch số 160/KH-UBND ngày 15/7/2019 về việc tổ chức

Văn hóa công sở là một hệ thống giá trị được hình thành trong quá trình hoạt động của công sở, tạo nên niềm tin, giá trị về thái độ của các nhân viên làm việc trong công sở, ảnh hưởng đến cách làm việc và hiệu quả hoạt động của công sở trên thực tế.

thực hiện phong trào thi đua “Cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Thanh Hóa thi đua thực hiện văn hóa công sở” giai đoạn 2019 - 2025; Công văn số 643/UBND-TTr ngày 16/3/2018 của Chủ tịch UBND thành phố Thanh Hóa về tăng cường kỷ cương, kỷ luật

hành chính, nâng cao hiệu quả thực thi công vụ, phường Tân Sơn đã xây dựng và ban hành Quy chế văn hoá công sở, quy định chi tiết các nội dung, phạm vi, đối tượng điều chỉnh và các nguyên tắc thực hiện. Theo Quy chế này, các cán bộ, công chức của phường trong khi làm việc, tiếp xúc với dân, giao tiếp, ứng xử phải hết sức nghiêm túc, lịch sự, biết tôn trọng người dân; quy định cụ thể về trang phục; việc đeo thẻ khi thực hiện nhiệm vụ; việc bố trí phòng làm việc, treo biển hiệu cơ quan. Bảng quy chế được niêm yết công khai ở tiền sảnh, trong các phòng làm việc của cán bộ, công chức phường.

Lãnh đạo phường rất chú trọng quản lý thời giờ làm việc, tăng cường xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về thời giờ làm việc không nghiêm túc. Theo đó, ý thức chấp hành các quy định pháp luật về sử dụng thời giờ làm việc của cán bộ, công chức của phường được nâng

(*) CV Phòng QLĐT và NCKH

lên. Hiện nay đa số cán bộ, công chức phường Tân Sơn đã chấp hành nghiêm túc thời gian làm việc, đã khắc phục được đáng kể tình trạng bớt xén thời gian làm việc như đi trễ, về sớm, chơi điện tử, đánh bài, uống rượu, bia và dành nhiều thời gian làm việc riêng, điện thoại, chat,... trong giờ làm việc. Qua đó, góp phần xây dựng hình ảnh, niềm tin của Nhân dân vào đội ngũ cán bộ, công chức phường.

Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức phường đã quy định trong giao tiếp với người dân, phải tôn trọng, lắng nghe, tận tình giải thích và hướng dẫn cặn kẽ về quy trình xử lý công việc. Luôn thực hiện phương châm “4 xin, 4 luôn” - xin chào, xin lỗi, xin cảm ơn, xin phép; luôn mỉm cười, luôn nhẹ nhàng, luôn lắng nghe, luôn giúp đỡ. Khi giao tiếp qua điện thoại, cán bộ, công chức, viên chức phải xưng tên, chức danh, chức vụ, đơn vị công tác; trao đổi ngắn gọn, tập trung vào nội dung công việc; âm lượng vừa đủ nghe, giữ thái độ lịch sự, không gắt gỏng hay nói trống không; không ngắt điện thoại đột ngột. Hàng tháng, quý, năm đều có đánh giá, nhận xét, coi đây là yếu tố quan trọng để đánh giá chất lượng cán bộ, viên chức.

Nhờ đó, lễ lối, tác phong của cán bộ ngày càng chuẩn mực, tinh thần, thái độ cung cách làm việc ngày một chuyên nghiệp hơn, được Nhân dân tin tưởng.

Người dân liên hệ công việc tại UBND phường Tân Sơn được hướng dẫn tận tình và giải quyết thủ tục nhanh chóng. Việc cải cách thủ tục hành chính ở phường cũng được đẩy mạnh. Các yêu cầu sao y, chứng thực, các thủ tục hộ tịch, tư pháp,... được giải quyết nhanh chóng trong vòng 20 phút làm việc, đảm bảo không có hồ sơ nào để tồn đọng qua ngày. Đối với các doanh nghiệp có nhu cầu lớn, chỉ cần gọi điện thoại yêu cầu, công nhân viên chức của phường sẽ có mặt tiếp nhận hồ sơ và trả hồ sơ tại địa chỉ mà không thu thêm phí. Lãnh đạo Đảng ủy, UBND phường cũng phân công cụ thể 01 công nhân viên chức tại phòng một cửa luân phiên đảm trách việc hướng dẫn, hỗ trợ người dân đến liên hệ công tác, đặc biệt

là những người lớn tuổi. Đôi khi, người được phân công kiêm luôn việc hỗ trợ đánh máy các văn bản, hoặc ghi chép hộ các biểu mẫu theo lời của người dân khi có yêu cầu để đảm bảo các thủ tục được hoàn thiện nhanh chóng, tránh việc người dân phải đi lại nhiều lần. Nhờ đó, khi thực hiện các thủ tục tại phường Tân Sơn, người dân đều cảm thấy hài lòng. Đây chính là động lực để đội ngũ cán bộ công nhân viên chức nỗ lực hoàn thiện bản thân hơn nữa.

Việc sử dụng tài sản công tại phường luôn được đảm bảo tiết kiệm. Đội ngũ lãnh đạo luôn đề cao tinh thần nêu gương. Từ điện, nước, trang thiết bị, đến giấy in đều được đảm

Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức phường đã quy định trong giao tiếp với người dân, phải tôn trọng, lắng nghe, tận tình giải thích và hướng dẫn cặn kẽ về quy trình xử lý công việc. Luôn thực hiện phương châm “4 xin, 4 luôn” - xin chào, xin lỗi, xin cảm ơn, xin phép; luôn mỉm cười, luôn nhẹ nhàng, luôn lắng nghe, luôn giúp đỡ.

bảo sử dụng hiệu quả nhất, hữu ích nhất. Các loại giấy in một mặt khi không còn sử dụng nữa sẽ được dùng in các bản thảo, dự thảo để trình lãnh đạo duyệt nội dung. Giấy sau khi hủy cũng được bàn giao lại cho Đoàn thanh niên để gây quỹ thực hiện các phong trào, hoạt động.

Lãnh đạo phường yêu cầu toàn thể cán bộ, công nhân viên chức, người lao động phải đeo thẻ công chức, mặc trang phục đẹp, lịch sự - trang phục công sở trong khi làm việc: nam áo sơ mi quần âu hoặc comple; nữ áo có cổ, chân váy phải dài qua gối. Tất cả cán bộ nam hay nữ đến công sở làm việc phải đi giày da hoặc dép quai hậu. Những ngày lễ, hội họp, cán bộ, công chức nữ mặc áo dài truyền thống, nam mặc áo sơ mi trắng. Trong thời gian đầu thực hiện, nhiều cán bộ, công nhân viên chức còn cảm thấy gò bó, khó chịu, nhưng về sau, việc này đã trở thành một thói quen, tất cả cán bộ công chức phường đã thực hiện một cách nghiêm

THỰC TIỄN VÀ KINH NGHIỆM

túc. Người dân và khách đến liên hệ công tác cũng dành tặng những lời khen ngợi làm mọi người càng phấn khởi hơn. Việc mặc trang phục đẹp, lịch sự cũng nhắc nhở ý thức rèn luyện bản thân, hòa nhã, lịch thiệp hơn trong giao tiếp, ứng xử đối với mỗi cán bộ, công chức của phường.

Về cách bài trí công sở và nơi làm việc: Phường đã được xây dựng trụ sở làm việc khang trang, hiện đại, đầy đủ các phòng làm việc cho cán bộ, công chức; phòng họp, phòng tiếp dân... Phường có biển tên đặt ngoài cổng chính; trang bị những bảng hiệu chỉ dẫn lối đi, sơ đồ đến từng phòng làm việc. Các phòng làm việc đều được gắn biển tên phòng, có biển chức danh của cán bộ, tạo điều kiện thuận lợi cho Nhân dân và khách đến làm việc. Trong mỗi phòng làm việc của cán bộ, công chức đều được bố trí chỗ ngồi làm việc hợp lý, đủ ánh sáng với trang thiết bị phù hợp tạo thành khung cảnh, môi trường công sở hài hòa, góp phần nâng cao hiệu quả làm việc của mỗi cán bộ, công chức. Chiều thứ 6 hàng tuần, cán bộ, công chức tổng vệ sinh môi trường và định kì hàng tháng tổ chức các hoạt động chăm sóc cây xanh, bồn hoa, vệ sinh môi trường, nơi làm việc, luôn thực hiện tốt công tác “Xanh - Sạch - Đẹp” đảm bảo an toàn vệ sinh làm việc. Các hoạt động văn hóa - văn nghệ - thể thao được lãnh đạo cơ quan phường quan tâm thường xuyên, các thiết chế văn hóa như sân chơi thể thao, mua sắm các thiết bị, dụng cụ thể thao được đầu tư mới nhằm phục vụ nhu cầu luyện tập TDTT của cán bộ, công chức.

Thành công của việc xây dựng văn hóa công sở ở phường Tân Sơn chính là việc tạo được sự đồng thuận, tự giác trong đội ngũ cán bộ công nhân viên chức trong từng việc làm, hành động nhỏ chứ không cần chờ vận động hay bắt buộc. Việc thực hiện văn hóa công sở đã dần hình thành một môi trường làm việc tích cực và tiếp thêm năng lượng để cán bộ, công nhân viên chức hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ của mình. Qua đó, đã tạo được niềm tin, sự hài lòng của người dân trên địa bàn đội ngũ cán bộ, công chức của phường.

Có thể khẳng định, trong những năm qua mỗi cán bộ, công chức của phường Tân Sơn

thành phố Thanh Hóa thực hiện tốt nhiệm vụ, rèn luyện tác phong chuẩn mực, lễ lối làm việc đúng giờ, khoa học, thân thiện trong giải quyết thủ tục hành chính cho người dân. Điều đó đã góp phần không nhỏ vào việc xây dựng hình ảnh, uy tín của người cán bộ, công chức Nhà nước với Nhân dân trên địa bàn thành phố. Tuy nhiên, để duy trì và nâng cao hiệu quả hơn nữa việc xây dựng và thực hiện văn hóa công sở ở phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa trong những năm tiếp theo, người đứng đầu

Việc thực hiện văn hóa công sở đã dần hình thành một môi trường làm việc tích cực và tiếp thêm năng lượng để cán bộ, công nhân viên chức hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ của mình. Qua đó, đã tạo được niềm tin, sự hài lòng của người dân trên địa bàn đội ngũ cán bộ, công chức của phường.

cấp ủy, chính quyền phường phải thật sự coi trọng công tác xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng, đảng viên; thực hiện nghiêm nguyên tắc “tập trung dân chủ”, chú trọng sự đoàn kết, nhất trí, thống nhất giữa cấp ủy, chính quyền và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội trong việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ đề ra; tăng cường công tác giáo dục cho đội ngũ cán bộ, công chức không ngừng tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng; kiên quyết xử lý nghiêm minh, kịp thời và công bằng những cá nhân có hành vi vi phạm đạo đức công vụ, những hành vi gây những phiền hà về thủ tục hành chính trong giải quyết công việc của công dân nhằm góp phần giáo dục và răn đe cán bộ, công chức, đồng thời củng cố niềm tin của Nhân dân vào Nhà nước và pháp luật; thực hiện nghiêm chế độ tự phê bình và phê bình trong đơn vị nhằm đề cao giá trị đạo đức, sự hướng thiện của con người, ngăn ngừa, hạn chế sa sút, suy thoái đạo đức./.

NUÔI CÁ RÔ PHI ĐƠN TÍNH Ở XÃ ÁI THƯỢNG, HUYỆN BÁ THƯỚC: HIỆU QUẢ TỪ MỘT MÔ HÌNH

ThS. Vương Mạnh Toàn*

ThS. Lê Thị Nga**

Ái Thượng là một xã vùng giữa của huyện Bá Thước, cách trung tâm huyện lỵ khoảng 3km về phía đông nam. Xã có tổng diện tích tự nhiên là 2.699,77ha, trong đó đất nông nghiệp và đất lâm nghiệp là chủ yếu. Địa bàn xã có 63,3ha đất ao hồ nằm trong 680,29ha tổng diện tích khu vực lòng hồ thủy điện Bá Thước 2 nên rất thuận lợi cho việc phát triển nghề nuôi trồng thủy sản, đặc biệt là nuôi cá lồng.

Nuôi trồng thủy sản ở Ái Thượng cũng như các xã thuộc khu vực lòng hồ thủy điện Bá Thước 2 (Cành Nàng, Thiết Ống, Ban Công, Hạ Trung, Ái Thượng) không chỉ tận dụng được mặt nước của các địa phương có lòng hồ mà còn góp phần cân bằng được môi trường sinh thái, góp phần giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho Nhân dân. Với đặc điểm nước lòng hồ trong sạch nên cá lớn rất nhanh, tỉ lệ hao hụt thấp, ít dịch bệnh... đây là một lợi thế cần phải khai thác để nuôi trồng thủy sản. Mặt khác, nuôi trồng thủy sản còn tạo ra nguồn cung cấp về thực phẩm phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng trong huyện Bá Thước và các huyện miền núi lân cận.

Để khai thác tiềm năng đó, Huyện ủy Bá Thước đã ban hành Nghị quyết số 03 NQ/HU, ngày 11 tháng 05 năm 2016 về quản lý và khai thác lòng hồ Thủy điện Bá Thước 2. Tuy nhiên, việc khai thác lòng hồ nuôi cá lồng tại xã Ái Thượng và các xã thuộc khu vực lòng hồ gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng bởi thiên tai bất thường: mùa mưa lũ có lũ bùn và nguồn nước ô nhiễm nước từ sông Mã đổ về. Mặt khác, việc nuôi cá nước ngọt của bà con vẫn sử dụng các

loại giống cá truyền thống như cá trắm cỏ, mè, trôi, chép, rô phi... Phần lớn người dân chưa quen nuôi theo hình thức bán thâm canh, thâm canh, chưa mạnh dạn đầu tư theo quy trình kỹ thuật mà chủ yếu vẫn làm theo thói quen truyền thống: thả cá và tận dụng phế, phụ phẩm của nông nghiệp để nuôi cá, chưa có biện pháp phòng trị bệnh cho cá nuôi nên năng suất và hiệu quả kinh tế chưa cao.

Để khai thác hiệu quả từ lợi thế của vùng lòng hồ yêu cầu đặt ra phải áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào nuôi trồng thủy sản thì mới có thể thành công. Đánh giá từ thực tế nuôi cá lồng tại khu vực lòng hồ thủy điện, xét thấy giống cá rô phi đơn tính dòng Đường Nghiệp nuôi theo quy trình VietGAP là phù hợp với điều kiện nuôi thả tại khu vực lòng hồ. Cá rô phi đơn tính dòng Đường Nghiệp là loại cá nước ngọt có thể nuôi được ở các ao, hồ, lồng bè có khả năng thích ứng rộng, cá có tốc độ sinh trưởng, phát triển nhanh. Thời gian nuôi từ 4 - 5

Nuôi trồng thủy sản ở Ái Thượng cũng như các xã thuộc khu vực lòng hồ thủy điện Bá Thước 2 (Cành Nàng, Thiết Ống, Ban Công, Hạ Trung, Ái Thượng) không chỉ tận dụng được mặt nước của các địa phương có lòng hồ mà còn góp phần cân bằng được môi trường sinh thái, góp phần giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho Nhân dân.

tháng đã đủ tuổi thu hoạch và đạt trọng lượng từ 0,5 đến 0,7kg/con, chu kỳ dòng cá này có thể nuôi kéo dài đến 24 tháng mà vẫn duy trì tốc độ phát triển, sau 24 tháng trọng lượng có thể đạt 3,5 đến 4kg/con. Chính vì vậy, việc chuyển giao kỹ thuật nuôi cá rô phi đơn tính dòng Đường Nghiệp dùng thức ăn công nghiệp là việc làm cần thiết nhằm nâng cao năng suất, giảm thiểu dịch bệnh, từ đó nâng cao hiệu quả kinh tế, đồng thời từng bước thay đổi tập quán canh tác theo hướng sản xuất hàng hóa.

UBND huyện Bá Thước đã chỉ đạo xây mô hình nuôi cá rô phi đơn tính trên lòng hồ

(*) Khoa Lý luận cơ sở

(**) Phòng QLĐT & NCKH

THỰC TIỄN VÀ KINH NGHIỆM

thủy điện Bá Thước 2 tại xã Ái Thượng. Trong đó, UBND huyện hỗ trợ cho mô hình 200 triệu đồng (phần còn lại các hộ gia đình bỏ vốn), hỗ trợ việc tập huấn, liên hệ con giống, thức ăn và tiêu thụ sản phẩm. Sau khi kế hoạch được ban hành, Trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện và UBND xã Ái Thượng cùng với các thôn tiến hành khảo sát chọn các hộ có đủ điều kiện tham gia mô hình. Hai hộ tham gia mô hình với tổng diện tích là 8.000m² (một hộ 4.500m² và một hộ 3.500m²), đây là hai hộ có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất nông nghiệp, có số lao động đảm bảo, có tiềm lực kinh tế, đồng thời có nguyện vọng muốn tham gia thực hiện mô hình để ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Các hộ tham gia mô hình cam kết chấp hành những yêu cầu mà UBND xã và cán bộ chỉ đạo mô hình đề ra trong suốt quá trình thực hiện. Về kỹ thuật, các hộ được lựa chọn và cán bộ khuyến nông xã, thôn, bản được tập huấn kỹ thuật nuôi cá rô phi đơn tính dòng Đường Nghiệp theo quy trình VietGAP.

Tháng 6 năm 2019, UBND xã nhận cá giống của cơ sở sản xuất giống và tiến hành cấp cá giống cho 02 hộ tham gia thực hiện mô hình. Số lượng mỗi hộ khoảng 12.000 con, cá giống đảm bảo tiêu chuẩn mô hình đề ra, giống đạt kích cỡ đồng đều đảm bảo theo tiêu chí mô hình, màu sắc sáng bóng, không bị mất nhớt, không bị tróc vảy, không bị dị hình, không có dấu hiệu bị bệnh, con giống khỏe, tỷ lệ hao hụt thấp. Thức ăn của cá là cám công nghiệp được ký kết từ cơ sở sản xuất uy tín và cấp theo từng đợt theo chu kỳ phát triển của cá.

Trong suốt quá trình nuôi, cán bộ chỉ đạo kỹ thuật của Trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện và cán bộ khuyến nông xã, thôn, bản luôn bám sát hiện trường, hướng dẫn các hộ làm theo đúng quy trình kỹ thuật. Thường xuyên kiểm tra các điều kiện đảm bảo cho cá sinh trưởng, phát hiện và xử lý kịp thời những biểu hiện bất thường. Định kỳ hằng tháng kiểm tra tốc độ sinh trưởng và tỷ lệ sống của cá để điều chỉnh lượng cho ăn (mẫu kiểm tra 30 con/lần), ngoài ra cứ

15 ngày/lần các hộ gia đình tham gia mô hình tổ chức đi thăm quan kiểm tra lẫn nhau để học hỏi và trao đổi kinh nghiệm.

Kết quả sau 5 tháng triển khai, cá trung bình đạt 0,4 – 0,5 kg/con, tỷ lệ sống đạt 90%, năng suất trung bình đạt 8-10 tấn/ha. Cỡ cá rô phi thu hoạch sau thời gian nuôi 5 tháng đạt trung bình 0,4 đến 0,5kg/con, giá bán trên thị trường huyện Bá Thước từ 40.000 đến 50.000 đ/kg, giá nhập sỉ cho các cơ sở thu mua số lượng lớn có giá 37.000/kg. Như vậy, sau 5 tháng nuôi thả, chi phí khoảng 240 – 280 triệu đồng/ha, lợi nhuận trung bình trên 1ha khoảng 150 triệu đồng. Nếu thời gian nuôi từ 7 tháng trở lên cá sẽ đạt trên 1kg/con, giá bán sỉ từ 50.000đ/kg, giá thị trường từ 80.000đ thì lợi nhuận sẽ cao hơn.

Đánh giá về hiệu quả kinh tế, nuôi cá rô phi đơn tính dòng Đường Nghiệp theo quy trình VietGAP đã tránh được các yếu tố dịch bệnh nên năng suất cao, hiệu quả hơn hẳn so với chăn nuôi các loại nói chung và cao hơn so với nuôi cá rô phi đơn tính ở các huyện đồng bằng vì nhu cầu tiêu thụ cá các huyện miền núi lân cận cao hơn nên có ưu thế giá bán cao hơn nên lợi nhuận cũng cao hơn. Về hiệu quả xã hội, mô hình đã mở ra hướng đi mới cho người dân về việc lựa chọn vật nuôi mới

Sau 5 tháng nuôi thả, chi phí khoảng 240 – 280 triệu đồng/ha, lợi nhuận trung bình trên 1ha khoảng 150 triệu đồng. Nếu thời gian nuôi từ 7 tháng trở lên cá sẽ đạt trên 1kg/con, giá bán sỉ từ 50.000đ/kg, giá thị trường từ 80.000đ thì lợi nhuận sẽ cao hơn.

thay thế các đối tượng nuôi truyền thống (thời gian nuôi kéo dài, tốc độ tăng trưởng chậm, khả năng kháng bệnh kém, nhiều dịch bệnh...) tạo ra việc làm, tăng thu nhập góp phần ổn định kinh tế - xã hội nông thôn. Mô hình còn tạo cho người dân ý thức được về việc bảo vệ, giữ gìn môi trường trong vùng nuôi thả, kích thích người dân tiếp cận với những tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất nuôi trồng thủy sản biết cách áp dụng vào thực tiễn sản xuất và được Nhân dân nhiệt tình tham gia ủng hộ góp phần thay đổi cơ cấu, đa dạng hoá đối tượng nuôi trên cùng một đơn vị diện tích.

Mô hình nuôi cá rô phi đơn tính dòng Đường Nghiệp theo quy trình VietGap đã khắc phục cơ bản những hạn chế của nghề nuôi cá

nước ngọt trên địa bàn xã. Ao nuôi cơ bản đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật, hình thức nuôi khác biệt hoàn toàn với sản xuất quảng canh truyền thống, nuôi thả đại trà. Cụ thể: Ao, lồng đảm bảo; mật độ, cơ cấu đối tượng nuôi hợp lý; sử dụng hoàn toàn thức ăn công nghiệp; các yếu tố đầu vào như giống, thức ăn, thuốc phòng trị bệnh được truy suất nguồn gốc, chất lượng đảm bảo, sản phẩm không chứa thành phần chất cấm... Trong quá trình nuôi có cán bộ khuyến nông của UBND xã thường xuyên thăm ao, tư vấn và chia sẻ, hướng dẫn kỹ thuật, có hồ sơ ghi chép theo dõi theo đúng quy trình kỹ thuật.

Mô hình nuôi cá rô phi đơn tính dòng Đường Nghiệp ở xã Ái Thượng thực sự đem lại lợi ích thiết thực cho người nuôi cá đã có tác dụng tích cực trong việc lan tỏa cách làm hay, hiệu quả cho các hộ nuôi trồng thủy sản trong xã và các vùng lân cận. Để nhân rộng mô hình nuôi cá rô phi đơn tính ở xã Ái Thượng và các xã vùng lòng hồ thủy điện Bá Thước 2 cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

Thứ nhất, tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, quản lý của chính quyền địa phương các xã vùng lòng hồ thủy điện Bá Thước 2 đối với việc nhân rộng mô hình nuôi cá rô phi đơn tính.

Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo sự thống nhất về nhận thức, chỉ đạo chặt chẽ, coi đây là nhiệm vụ chính trị trong việc lãnh đạo, chỉ đạo Nhân dân sản xuất phát triển kinh tế nhằm khai thác tiềm năng lợi thế để thực hiện mục tiêu giảm nghèo nhanh, bền vững.

Toàn bộ hệ thống chính trị tổ chức vận động Nhân dân tiếp thu khoa học kỹ thuật về chăn nuôi cá rô phi đơn tính theo quy trình VietGAP: Sử dụng vùng ao, đập; nhận khoán khu vực lòng hồ đầu tư xây dựng mô hình sản xuất đạt chỉ tiêu đề ra về diện tích thả và năng suất đạt được. Từng bước đưa nông nghiệp, nông thôn phát triển theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa.

Thứ hai, cần tuyên truyền thay đổi thói quen sản xuất cho người dân

Từ hiệu quả của mô hình nuôi cá rô phi đơn tính dòng Đường Nghiệp mang lại, Huyện ủy, UBND huyện chỉ đạo các phòng, ban của huyện; cấp ủy, chính quyền các xã trong khu vực

lòng hồ thủy điện Bá Thước 2 có các chương trình thăm mô hình, tuyên truyền về hiệu quả từ cách nuôi cá theo quy trình VietGAP. Trong đó, tập trung vào việc đảm bảo quy trình kỹ thuật: ao, lồng, giống, thức ăn, kỹ thuật cho từng thời kỳ sinh trưởng, phòng, chữa bệnh... Từng bước

Mô hình nuôi cá rô phi đơn tính dòng Đường Nghiệp theo quy trình VietGAP đã đem lại hiệu quả kinh tế cao tại xã Ái Thượng. Đây là mô hình cần nhân rộng cho Nhân dân các xã khu vực lòng hồ thủy điện Bá Thước 2. Để thực hiện được rất cần sự chung tay các cấp ủy đảng, chính quyền và sự ủng hộ, quyết tâm của Nhân dân khu vực lòng hồ để từng bước phát triển sản xuất theo hướng hiện đại, hiệu quả góp phần xây dựng nông thôn mới giàu đẹp.

hình thành cho người dân ý thức, cách làm tuân theo quy trình kỹ thuật. So sánh cho người dân thấy được hiệu quả của việc lựa chọn vật nuôi phù hợp với lợi thế của địa phương kết hợp với quy trình kỹ thuật tiên tiến. Hạn chế và loại bỏ dần cách làm truyền thống theo thói quen: nuôi quảng canh, tận dụng thức ăn sẵn có, không theo quy trình kỹ thuật.

Thứ ba, có sự hỗ trợ các điều kiện sản xuất cho người dân, tiến tới hình thành các chuỗi liên kết kinh tế.

Trung tâm dịch vụ nông nghiệp cùng UBND, hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp các xã tiếp tục hỗ trợ Nhân dân lựa chọn, ký hợp đồng mua giống, thức ăn, hỗ trợ tập huấn kỹ thuật cho các hộ chăn nuôi và cán bộ khuyến nông xã, thôn, bản. Tiến tới hình thành các chuỗi liên kết kinh tế giữa doanh nghiệp cung ứng đầu vào, tiêu thụ đầu ra, chuyên gia kỹ thuật... với các hộ sản xuất nhằm đảm bảo ổn định các yếu tố đầu vào: con giống, thức ăn, thuốc phòng, chữa bệnh, quy trình kỹ thuật và đầu ra cho sản phẩm khi mô hình được nhân rộng. Trong đó, Trung tâm dịch vụ nông nghiệp hỗ trợ tìm kiếm nguồn giống, thức ăn, thuốc phòng, chống dịch bệnh, Phòng Công thương hỗ trợ tìm kiếm thị trường đầu ra cho sản phẩm, hợp tác xã dịch vụ

THỰC TIỄN VÀ KINH NGHIỆM

nông nghiệp hoặc các tổ hợp tác đại diện cho các hộ nông dân nuôi cá ký hợp đồng cung ứng các yếu tố đầu vào và tiêu thụ sản phẩm với các doanh nghiệp.

Đề mô hình được nhân rộng, thời gian đầu UBND huyện cần có cơ chế hỗ trợ vốn để khuyến khích các các hộ nông dân áp dụng thực hiện mô hình. Bên cạnh đó, UBND huyện đề xuất với các Ngân hàng (Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn, Ngân hàng Chính sách xã hội huyện) có phương án tín dụng cho các hộ nông dân thực hiện mô hình nuôi cá rô phi đơn tính tiếp cận nguồn vốn ưu đãi để đầu tư sản xuất.

UBND huyện và các xã xây dựng căn cơ chế khuyến khích các tổ chức kinh tế, cá nhân đầu tư trực tiếp hoặc tham gia góp vốn vào các dự án chăn nuôi cá rô phi đơn tính trên địa bàn các xã có lòng hồ thủy điện Bá Thước 2.

Xét về lâu dài, UBND huyện cần có quy hoạch cụ thể về quy mô sản xuất gắn với nhu cầu của thị trường trên cơ sở đánh giá nhu cầu tiêu thụ trên địa bàn huyện và vùng lân cận; ký kết hợp đồng tiêu thụ sản phẩm với các nhà hàng, đại lý và các công ty chế biến thủy sản... nhằm tránh việc quy mô nuôi trồng mở rộng, không có đầu ra dẫn đến mất cân đối cung cầu, hàng hóa dư thừa, mất giá.

Thứ tư, tập huấn bồi dưỡng kiến thức cho Nhân dân quy trình kỹ thuật về nuôi cá rô phi đơn tính dòng Đường Nghiệp.

UBND huyện chỉ đạo Trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện, Trung tâm Giáo dục thường xuyên - Trung tâm giáo dục dạy nghề huyện phối hợp với Trung tâm học tập cộng đồng các xã trong khu vực lòng hồ thủy điện Bá Thước 2 tổ chức các lớp tập huấn về quy trình kỹ thuật nuôi cá rô phi đơn tính dòng Đường Nghiệp theo quy trình VietGAP. Linh hoạt trong cách thức tổ chức lớp để đồng đảo Nhân dân được tiếp cận kiến thức áp dụng vào sản xuất, mặt khác, khi làm được trang bị kiến thức người dân sẽ tự tin, mạnh dạn áp dụng mô hình.

Thứ năm, đảm bảo các điều kiện an toàn cho việc nuôi cá rô phi đơn tính khu vực lòng hồ thủy điện Bá Thước 2.

Cần đảm bảo vệ sinh môi trường nguồn nước khu vực lòng hồ (mặt nước lòng hồ và các ao, đập) đáp ứng yêu cầu cho việc nuôi cá. Một mặt, cần làm tốt việc tuyên truyền cho Nhân dân

ý thức bảo vệ môi trường trong sản xuất và sinh hoạt, không xả thải bừa bãi gây ảnh hưởng đến nguồn nước, biết cách vệ sinh nguồn nước. Mặt khác, UBND huyện chỉ đạo Phòng Tài nguyên – Môi trường, Công an huyện làm tốt việc giữ gìn môi trường, ngăn chặn các hoạt động xả thải của các cơ sở sản xuất lâm sản vào dòng sông Mã gây ô nhiễm nguồn nước, ảnh hưởng đến việc nuôi cá ở khu vực lòng hồ.

UBND xã chỉ đạo lực lượng công an xã, lực lượng dân quân, tổ An ninh trật tự... tăng cường công tác đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn, ngăn chặn kịp thời các biểu hiện phá hoại trong sản xuất để người dân yên tâm mở rộng mô hình.

Tóm lại, mô hình nuôi cá rô phi đơn tính dòng Đường Nghiệp theo quy trình VietGAP đã đem lại hiệu quả kinh tế cao tại xã Ái Thượng. Đây là mô hình cần nhân rộng cho Nhân dân các xã khu vực lòng hồ thủy điện Bá Thước 2. Để thực hiện được rất cần sự chung tay các cấp ủy đảng, chính quyền và sự ủng hộ, quyết tâm của Nhân dân khu vực lòng hồ để từng bước phát triển sản xuất theo hướng hiện đại, hiệu quả góp phần xây dựng nông thôn mới giàu đẹp./.

1. Nghị quyết số 03 - NQ/HU, ngày 11 tháng 05 năm 2016 của Huyện ủy Bá Thước về quản lý và khai thác lòng hồ Thủy điện Bá Thước 2.

2. Quyết định số 1196/QĐ - UBND ngày 27 tháng 5 của UBND huyện Bá Thước về Chương trình hành động của UBND huyện Bá Thước thực hiện Nghị quyết số 03 -NQ/HU của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XXII về Quản lý, khai thác lòng hồ thủy điện Bá Thước 2 huyện Bá Thước giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến năm 2030.

3. Quyết định số 1256/QĐ - UBND ngày 12 tháng 6 năm 2019 của UBND huyện Bá Thước về việc phê duyệt Mô hình nuôi cá rô phi đơn tính trên lòng hồ thủy điện Bá Thước 2 tại địa bàn xã Ái Thượng thuộc chương trình MTOG xây dựng Nông thôn mới, kế hoạch năm 2019.

4. Báo cáo số 74/BC- UBND ngày 04 tháng 12 năm 2019 của UBND xã Ái Thượng: Báo cáo kết quả triển khai, thực hiện mô hình nuôi Cá rô phi đơn tính trên lòng hồ thủy điện Bá Thước 2 tại địa bàn xã Ái Thượng.

TRANG TIN

HOẠT ĐỘNG CỦA NHÀ TRƯỜNG

I. CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG BỆNH VIÊM ĐƯỜNG HÔ HẤP CẤP DO CHỦNG MỚI CỦA VIRUS CORONA (COVID-19)

Trước diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid – 19, chấp hành nghiêm chỉ đạo của Chính phủ và UBND tỉnh Thanh Hóa, Ban Giám hiệu Nhà trường đã ban hành Thông báo số 12 –TB/TrCT để cán bộ, viên chức và học viên chủ động phòng chống dịch. Theo đó, Nhà trường yêu cầu cán bộ, viên chức và học viên hạn chế tập trung nơi đông người; chủ động áp dụng các biện pháp phòng, chống dịch bệnh như đeo khẩu trang, rửa tay bằng xà phòng, rửa tay bằng nước sát khuẩn trước khi vào cơ quan làm việc. Cùng với đó, Phòng Tổ chức, hành chính, thông tin, tư liệu thông tin, tuyên truyền về dịch bệnh trên các phương tiện thông tin của Nhà trường; Bộ phận Y tế Nhà trường chuẩn bị đủ các điều kiện đảm bảo công tác phòng, chống dịch bệnh và tổ chức phun thuốc sát khuẩn phòng học, phòng làm việc. Bên cạnh đó, Phòng QLĐT&NCKH tham mưu cho Ban Giám hiệu thông báo thay đổi kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đến toàn thể cán bộ, giảng viên và học viên các lớp, các hệ.

Hưởng ứng Lời kêu gọi “Toàn dân tham gia ủng hộ phòng chống dịch Covid-19” của Đoàn Chủ tịch ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, sáng ngày 3/4/2020, đồng chí Thịnh Văn Khoa – Phó Bí thư Đảng ủy, Phó Hiệu trưởng đã đại diện toàn thể cán bộ, giảng

viên và người lao động Nhà trường trao ủng hộ số tiền 30 triệu đồng tại Nơi tiếp nhận ủng hộ phòng chống dịch bệnh Covid-19 của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Thanh Hóa. Nghĩa cử “tương thân, tương ái” của Nhà trường đã góp phần cùng cấp ủy, chính quyền tỉnh Thanh Hóa có thêm nguồn lực để phòng, chống dịch bệnh, bảo đảm sức khỏe, ổn định cuộc sống cho Nhân dân.

II. CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG

1. Bế giảng lớp Trung cấp Lý luận chính trị - hành chính không tập trung huyện Triệu Sơn khóa học 2019 - 2020

Chiều ngày 15/3/2020, Trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa phối hợp với Huyện ủy Triệu Sơn tổ chức bế giảng lớp Trung cấp Lý luận chính trị - hành chính không tập trung huyện Triệu Sơn khóa học 2019 - 2020. Dự buổi lễ, về phía Trường Chính trị tỉnh có các đồng chí: TS.Thịnh Văn Khoa - Phó Bí thư Đảng ủy, Phó Hiệu trưởng; Dương Thị Bảo Anh - Trưởng phòng QLĐT và NCKH; Nguyễn Trần Bách Diệp - Chủ nhiệm lớp. Về phía Huyện có các đồng chí: Lê Kim Chất - Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy; Lê Thị Sen - Thường vụ Huyện ủy, Trưởng Ban Tuyên giáo, Giám đốc Trung tâm Chính trị; các đồng chí ủy viên BTV Huyện ủy, Trưởng các Ban Xây dựng Đảng; các đồng chí trong Ban Chỉ đạo lớp học; phóng viên Đài Phát thanh huyện; và 78 học viên lớp học.

Lớp TCELLCT - HC không tập trung huyện Triệu Sơn khóa học 2019 - 2020 khai giảng ngày 09/01/2019. Sau khi hoàn thành chương trình, lớp có 78/78 học viên đủ điều kiện thi tốt nghiệp; trong đó có 20 học viên viết và báo cáo khóa luận, 58 học viên dự thi tốt nghiệp 3 môn thi là Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối chính sách và Kỹ năng lãnh đạo quản lý. Kết quả học tập toàn khóa, 100% học viên trong lớp xếp loại Khá, Giỏi trở lên (loại Giỏi: 20 học viên, chiếm 25,6%; loại Khá: 58 học viên, chiếm 74,4%); trong đó có 08 học viên được Hiệu trưởng Nhà trường tặng giấy khen và phần thưởng. Tham gia khóa học, học viên đã xác định đúng đắn động cơ và mục đích học tập, thực hiện nghiêm túc quy chế, quy định của Nhà trường và Trung tâm Chính trị huyện.

Tại buổi lễ bế giảng, đồng chí Phó Hiệu trưởng Thịnh Văn Khoa đã đánh giá cao sự nghiêm túc, nề nếp của Trung tâm Chính trị huyện Triệu Sơn; đây là tiền đề để học viên có ý thức, trách nhiệm hoàn thành tốt chương trình đào tạo của Nhà trường. Đồng chí hy vọng, những kiến thức và kỹ năng của khóa học sẽ giúp nâng cao chất lượng cán bộ của huyện nhà. Đồng chí mong rằng, sau khóa học, học viên sẽ tiếp tục hoàn thiện lý luận bằng việc áp dụng kiến thức đã được học vào thực tiễn công tác ở địa phương, đơn vị.

Phát biểu tại buổi lễ bế giảng, đồng chí Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy Lê Kim Chất đã ghi nhận sự cố gắng nỗ lực của học viên và mong muốn mỗi cán bộ sẽ tiếp tục trau dồi kiến thức bằng phương pháp tự học, tự nghiên cứu. Đồng chí giao nhiệm vụ cho học viên phải tích cực áp dụng những kiến thức của khóa học để nâng cao chất lượng công tác được giao.

Đại diện cho 78 học viên của lớp học, đồng chí Lê Công Kiên đã phát biểu bày tỏ cảm ơn sự chỉ đạo sát sao của Ban Giám hiệu Nhà trường và của Ban Thường vụ Huyện ủy; sự nhiệt tình, tâm huyết, trách nhiệm của đội ngũ giảng viên; sự quan tâm tạo điều kiện của Trung tâm BDCT huyện Triệu Sơn và của các cơ quan, đơn vị cử cán bộ đi học. Khóa học kết thúc đã để lại những ấn tượng sâu sắc về tình cảm thầy trò, về những kỷ niệm đẹp trong học tập và nghiên cứu thực tế; đặc biệt là sự phấn đấu, tinh thần đoàn kết của 78 đồng chí học viên trong lớp.

2. Khai giảng lớp Bồi dưỡng kiến thức QLNN ngạch chuyên viên và chuyên viên chính cho cán bộ, công chức năm 2020

Sáng ngày 6/5/2020, Trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa phối hợp với Sở Nội vụ đã tổ chức khai giảng các lớp Bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước ngạch chuyên viên và chuyên viên chính năm 2020. Dự lễ khai giảng có các đồng chí: Lương Trọng Thành - TUV, Hiệu trưởng; Nguyễn Thị Nguyệt - Phó Giám đốc Sở Nội vụ; giảng viên tham gia giảng dạy và hơn 100 học viên của hai lớp Bồi dưỡng.

Tham gia lớp học, học viên là công chức, viên chức của các cơ quan, đơn vị trong tỉnh được tiếp cận, nghiên cứu các chuyên đề thuộc 3 khối kiến thức: Kiến thức chung; Kiến thức quản lý nhà nước đối với ngành, lãnh thổ; Các kỹ năng cơ bản. Ngoài ra, cuối khóa, học viên đi nghiên cứu thực tế và viết tiểu luận thuộc lĩnh vực mình công tác. Lớp Bồi dưỡng kiến thức quản lý ngạch Chuyên viên và Chuyên viên chính là dịp học viên nâng cao kiến thức và các kỹ năng về quản lý hành chính nhà nước trên các lĩnh vực; từ đó giúp cán bộ, công chức nâng cao năng lực thực thi công vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Phát biểu tại lễ khai giảng, đồng chí Nguyễn Thị Nguyệt – Phó Giám đốc Sở Nội vụ khẳng định: công tác đào tạo, bồi dưỡng có vị trí quan trọng trong việc chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của các tổ chức, ban ngành, đoàn thể trong và ngoài tỉnh; đồng thời góp phần thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ được giao cũng như phát triển năng lực thực thi công vụ của học viên. Đồng chí mong rằng, học viên sẽ cố gắng sắp xếp công việc hợp lý để tham gia học tập nghiêm túc, đảm bảo lớp học diễn ra đúng tiến độ và kết thúc chương trình như kế hoạch đề ra.

3. Khai giảng các lớp Trung cấp Lý luận chính trị - hành chính không tập trung khóa học 2020 - 2021

Sáng 9/5/2020, Trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa đã tổ chức khai giảng các lớp Trung cấp Lý luận chính trị - hành chính không tập trung (B26, B27) khóa học 2020 - 2021. Dự buổi lễ có TS.Lương Trọng Thành - TUV, Hiệu trưởng; các đồng chí cán bộ, giảng viên Nhà trường và toàn thể học viên 2 lớp là cán bộ, đảng viên thuộc các sở, ban, ngành trong tỉnh.

Trong chương trình học tập, học viên được nghiên cứu, trao đổi các nội dung về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; những vấn đề cơ bản về Đảng Cộng sản, Nhà nước và pháp luật xã hội chủ nghĩa Việt Nam; một số nội dung cơ bản trong quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ta về kinh tế, văn hóa, xã hội; kỹ năng lãnh đạo quản lý, nghiệp vụ công tác Đảng, MTTQ và các đoàn thể; tình hình nhiệm vụ địa phương. Ngoài ra, trong thời gian học tập, học viên được đi nghiên cứu thực tế và tổ chức tọa đàm khoa học. Thực hiện chương trình 1056 tiết,

các lớp được tổ chức học tập vào các ngày thứ 7 và chủ nhật trong tuần để học viên có thể vừa đảm bảo công tác của cơ quan, đơn vị, vừa có thể tham gia học tập đầy đủ.

Phát biểu tại lễ khai giảng, đồng chí Hiệu trưởng Lương Trọng Thành nhấn mạnh tầm quan trọng của công tác đào tạo trình độ lý luận chính trị - hành chính cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhằm nâng cao trình độ, năng lực công tác, phát triển tư duy khoa học, bồi dưỡng đạo đức. Đề khóa học đạt hiệu quả, đồng chí đề nghị học viên cần nêu cao ý thức trách nhiệm khi tham gia học tập; nghiêm túc chấp hành nội quy, quy chế đào tạo; có phương pháp học tập tốt; từ đó, học viên nâng cao đạo đức cách mạng, vận dụng vào công tác chuyên môn nghiệp vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ ở cơ quan, đơn vị.

III. CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Biên soạn tài liệu bồi dưỡng năm 2020

Thực hiện Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm 2020, Trường Chính trị tỉnh ban hành kế hoạch và triển khai biên soạn tài liệu phục vụ các lớp bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2020. Biên soạn tài liệu nhằm giúp học viên các lớp bồi dưỡng nghiên cứu, tìm hiểu một cách có hệ thống, toàn diện, khoa học những chủ trương mới của Đảng, chính sách, pháp luật mới của Nhà nước liên quan đến chức năng, nhiệm vụ; nắm bắt quy trình, cách thức rèn luyện kỹ năng cơ bản của cán bộ, công chức, viên chức, góp phần nâng cao phẩm chất, năng lực, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Theo đó, nội dung các tài liệu bồi dưỡng gồm: Tài liệu bồi dưỡng cán bộ cấp phòng năm 2020 (gồm 10 chuyên đề). Tài liệu bồi

dưỡng cán bộ cấp xã năm 2020 (Dành cho Bí thư; Phó Bí thư Thường trực; Phó Bí thư Chủ tịch UBND cấp xã) (gồm 6 chuyên đề). Tài liệu bồi dưỡng công chức cấp xã năm 2020, (gồm 05 cuốn: Tài liệu bồi dưỡng công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã năm 2020. Tài liệu bồi dưỡng công chức Văn phòng - Thống kê cấp xã năm 2020. Tài liệu bồi dưỡng công chức Tài Chính - Kế Toán cấp xã năm 2020. Tài liệu bồi dưỡng công chức Địa chính cấp xã năm 2020. Tài liệu bồi dưỡng công chức Văn hóa - Xã hội cấp xã năm 2020). Lực lượng tham gia biên soạn là cán bộ, giảng viên có kinh nghiệm nghiên cứu và chuyên môn cao, đồng thời mời một số chuyên gia của các ban, sở, ngành và các địa phương trong tỉnh. Dự kiến tài liệu bồi dưỡng sẽ được thẩm định, hoàn thiện, in ấn vào tháng 6 năm 2020.

2. Biên soạn sách “Đổi mới và phát triển - Từ thực tiễn Trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa”.

Thực hiện Phương hướng, nhiệm vụ năm 2020, Trường Chính trị tỉnh chủ trương tổ chức biên soạn sách “*Đổi mới và phát triển - Từ thực tiễn Trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa*”. Biên soạn sách nhằm mục đích tổng kết các mô hình đổi mới ở Trường Chính trị (về đào tạo, bồi dưỡng; về nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn; về xây dựng môi trường giáo dục kỹ cương, thân thiện, giàu tính Đảng; xây dựng môi trường văn hóa...). Đồng thời, biên soạn nhằm phục vụ công tác giảng dạy, học tập của cán bộ, giảng viên; lưu giữ tư liệu phục vụ công tác biên soạn lịch sử Nhà trường trong giai đoạn tiếp theo. Theo đó, nội dung, kết cấu cuốn sách được chia thành 3 phần: **Phần 1:** Sự quan tâm, ghi nhận của Ban Giám đốc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh;

của Tỉnh ủy, UBND tỉnh. **Phần 2:** Sáng tạo từ thực tiễn đổi mới. **Phần 3:** Phụ lục (tổng hợp danh mục các đề tài khoa học cấp tỉnh; các vấn đề tổng kết thực tiễn; hội thảo khoa học các cấp; danh mục các đầu sách đã xuất bản). Cuốn sách đang trong thời gian hoàn thiện, dự kiến xuất bản vào tháng 6 năm 2020, do Nhà Xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật in ấn và phát hành.

3. Phối hợp biên soạn sách “Kiến thức và kỹ năng dân vận dành cho cán bộ cấp cơ sở”

Thực hiện Hợp đồng biên soạn sách với Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Trường Chính trị tỉnh tổ chức biên soạn cuốn sách “*Kiến thức và kỹ năng dân vận dành cho cán bộ cấp cơ sở*”. Cuốn sách được biên soạn nhằm mục đích cung cấp một cách có hệ thống, toàn diện, khoa học kiến thức mới về chủ trương, đường lối về công tác dân vận; quy trình, cách thức rèn luyện các kỹ năng cơ bản của công tác dân vận cho cán bộ cấp cơ sở. Theo đó, nội dung cuốn sách được kết cấu gồm 02 phần: **Phần thứ nhất: Một số vấn đề lý luận về công tác dân vận** (gồm các chuyên đề: Tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác dân vận; Quan điểm mới của Đảng về công tác dân vận và những vấn đề đặt ra ở cơ sở hiện nay; Công tác dân vận chính quyền ở cơ sở hiện nay; Tác phong dân vận của cán bộ ở cơ sở). **Phần thứ hai: Một số kỹ năng dân vận dành cho cán bộ cấp cơ sở** (gồm 10 kỹ năng: Kỹ năng giao tiếp trong công tác dân vận; Kỹ năng thu thập, xử lý thông tin của cán bộ làm công tác dân vận ở cơ sở; Kỹ năng quán triệt, tổ chức thực hiện nghị quyết; Kỹ năng tư vấn, hỗ trợ pháp lý cho Nhân dân; Kỹ năng tuyên truyền, thuyết phục; Kỹ năng đối thoại với Nhân dân;

Kỹ năng xử lý tình huống trong công tác dân vận; Kỹ năng hòa giải ở cơ sở; Kỹ năng xây dựng và nhân diện mô hình, điển hình tiên tiến ở cơ sở; Kỹ năng nắm bắt và định hướng dư luận; Kỹ năng huy động sức dân để chăm lo đời sống Nhân dân). Cuốn sách được dự kiến xuất bản vào tháng 7 năm 2020.

4. Hội nghị tư vấn nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ giai đoạn 2021 - 2025

Sáng ngày 20/3/2020, Trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa tổ chức Hội nghị tư vấn nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ giai đoạn 2021 - 2025. Dự hội nghị có các đồng chí: Nguyễn Ngọc Túy - Giám đốc; Lê Xuân Minh - Phó Giám đốc; các đồng chí Trường và Phó trưởng Phòng Quản lý khoa học, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thanh Hóa; các đồng chí trong Ban Giám hiệu và các thành viên Hội đồng Khoa học Nhà trường.

Tham gia trao đổi ý kiến về công tác khoa học của Nhà trường trong giai đoạn 2020 - 2025, các đồng chí trong Hội đồng khoa học đã mạnh dạn đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thanh Hóa quan tâm tạo cơ chế pháp lý cho các đề tài cấp cơ sở của Nhà trường; đề xuất định hướng nội dung nghiên cứu theo 5 nhóm nhiệm vụ lớn với mục tiêu là đề ra được những nhiệm vụ, giải pháp để phát triển an ninh - xã hội cho tỉnh...

Đánh giá cao sự tâm huyết, trách nhiệm của Nhà trường đối với công tác nghiên cứu khoa học, các đồng chí lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ đã trao đổi về yêu cầu, xu hướng mới trong nghiên cứu khoa học của tỉnh là thiên về nghiên cứu ứng dụng; từ đó đề nghị Nhà trường tập trung nghiên cứu về lý luận chính trị, về hệ thống chính trị và

quản lý nhà nước và về giải pháp để nâng cao chất lượng giảng dạy theo hướng thế mạnh của Nhà trường để tránh chồng chéo với các nội dung nghiên cứu của các đơn vị khác trong tỉnh. Theo đó, Nhà trường cần bám vào các nghị quyết của tỉnh để chủ động lên ý tưởng sao cho những vấn đề nghiên cứu sẽ trở thành những vấn đề của tỉnh trong giai đoạn 2020 - 2025.

Phát biểu tổng kết hội nghị, đồng chí Nguyễn Ngọc Túy - Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ Thanh Hóa đã đề nghị Nhà trường cần tập trung vào 2 nhóm nhiệm vụ. Theo đó, nhóm thứ nhất, Nhà trường có thể chủ động đề xuất với Sở Khoa học và Công nghệ về nội dung nghiên cứu để nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ sao cho sát với nhu cầu bức thiết của Nhà trường và nhu cầu thực tiễn từ cán bộ, giảng viên Nhà trường; nhóm thứ hai, Tỉnh ủy, UBND tỉnh, các sở, ban, ngành và các huyện thị là đơn vị đặt hàng Nhà trường nghiên cứu về cơ sở lý luận để Đảng ủy các cấp ban hành nghị quyết hành động. Đồng chí Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ cũng đề nghị Nhà trường đăng ký đề tài cấp Bộ và mỗi năm phải xây dựng, nung nấu, tìm hiểu, đề xuất từ 1 đến 2 đề tài cấp tỉnh trên cơ sở bám chắc vào các dự thảo báo cáo chính trị của Đại hội tỉnh Đảng bộ, các đề án phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, các nghiên cứu tổng kết về xây dựng NTM.

5. Công trình khoa học “Nâng cao năng lực lãnh đạo của cấp ủy và quản lý của chính quyền cấp xã trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Thanh Hóa hiện nay” do TS. Lương Trọng Thành làm chủ nhiệm được xét tặng giải Bạc năm 2020.

Ngày 25/3/2020, Hội đồng KH&CN tỉnh Thanh Hóa đã tổ chức họp xét tặng Giải thưởng KH&CN Thanh Hóa năm 2020. Theo đó, có 3 công trình được đề nghị đạt giải Bạc là: Công trình “Nâng cao năng lực lãnh đạo của cấp ủy và quản lý của chính quyền cấp xã trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Thanh Hóa hiện nay”. Công trình “Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật phẫu thuật nội soi cắt thận tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa”; Cụm công trình “Nghiên cứu, sưu tầm, biên soạn tài liệu, xây dựng phong chữ và số hóa chữ Thái cổ Thanh Hóa; nghiên cứu biên soạn từ điển Thái - Việt Thanh Hóa”.

Công trình “Nâng cao năng lực lãnh đạo của cấp ủy và quản lý của chính quyền cấp xã trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Thanh Hóa hiện nay” là đề tài khoa học cấp tỉnh do TS. Lương Trọng Thành làm chủ nhiệm. Công trình được in thành sách chuyên khảo và ứng dụng vào giảng dạy tại Trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa. Từ đó, đã từng bước giúp người học hiểu sâu sắc về nội dung năng lực lãnh đạo của cấp ủy, năng lực quản lý của chính quyền cấp xã; thực trạng về năng lực lãnh đạo của cấp ủy, quản lý của chính quyền cấp xã về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa hiện nay. Trong đó, tập trung chủ yếu vào các nội dung: Nâng cao năng lực cho cán bộ cấp ủy; quản lý, điều hành của đội ngũ cán bộ chính quyền trong cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước để vận dụng phù hợp vào thực tiễn địa phương, cơ sở trong xây dựng nông thôn mới. Nâng cao năng lực tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước đến quần chúng nhân dân, để nhân dân biết, hiểu đúng, hiểu đầy đủ về

chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước trong việc xây dựng nông thôn mới. Từ đó, các tầng lớp nhân dân hình thành ý thức, trách nhiệm để thực hiện vị trí, vai trò là chủ và làm chủ trong xây dựng nông thôn mới. Nâng cao năng lực tổ chức thực hiện để biến những chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Đảng về xây dựng nông thôn mới trở thành hiện thực ở địa phương, cơ sở.

6. Tọa đàm Kỷ niệm 150 năm ngày sinh V.I.Lênin (22/4/1870 - 22/4/2020)

Chiều 22/4/2020, Khoa Lý luận cơ sở đã tổ chức tọa đàm Kỷ niệm 150 năm ngày sinh V.I.Lênin (22/4/1870 - 22/4/2020). Dự buổi tọa đàm có các đồng chí: Lương Trọng Thành - TUV, Hiệu trưởng; Trần Thị Ngọc Diệp - Phó Hiệu trưởng; đại diện lãnh đạo các khoa, phòng; giảng viên Khoa Lý luận cơ sở; phóng viên Đài Phát thanh và Truyền hình Thanh Hóa. Buổi tọa đàm là hoạt động ý nghĩa, nhằm tiếp tục khẳng định những công lao, cống hiến vĩ đại của V.I.Lênin cho sự nghiệp đấu tranh cách mạng vì sự tiến bộ của nhân loại.

Tại buổi tọa đàm, các tham luận đã tập trung trao đổi thảo luận một số vấn đề sau: Cuộc đời, sự nghiệp của Lênin; Lênin bảo vệ, bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác; Nội dung chính sách kinh tế mới của Lênin và sự vận dụng của Đảng ta trong phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay; Những cống hiến vĩ đại của V.I.Lênin đối với Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga, ý nghĩa trong xây dựng CNXH ở Việt Nam hiện nay; Chủ tịch Hồ Chí Minh vận dụng sáng tạo quan điểm của Lênin về Đảng Cộng sản và đại đoàn kết vào thực tiễn của cách mạng Việt Nam. Đây là những vấn đề có ý nghĩa quan trọng; góp phần củng

cổ và bồi đắp bản lĩnh chính trị, niềm tin, lý tưởng cách mạng cho cán bộ, giảng viên; từ đó nâng cao hiệu quả công tác nghiên cứu, giảng dạy cũng như áp dụng kiến thức lý luận vào thực tiễn để có thể tư vấn cho cấp ủy, chính quyền, địa phương, đơn vị các vấn đề xây dựng Đảng, xây dựng đội ngũ cán bộ và phát triển kinh tế, xã hội trong giai đoạn hiện nay.

Bày tỏ ý kiến tại buổi tọa đàm, đồng chí Hiệu trưởng Lương Trọng Thành mong muốn: Mỗi giảng viên Khoa Lý luận cơ sở cần phát huy trí tuệ, kiến thức của mình để truyền bá, lan tỏa niềm yêu thích học tập lý luận chính trị tới nhiều người; Đề vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào sự nghiệp cách mạng của Việt Nam trong giai đoạn mới, mỗi giảng viên của Khoa cần đóng góp tích cực trong công tác đấu tranh phản bác các thông tin, quan điểm sai trái, xuyên tạc phủ nhận giá trị của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

IV. TỔ CHỨC THÀNH CÔNG ĐẠI HỘI CHI BỘ CÁC KHOA, PHÒNG NHIỆM KỲ 2020 - 2022

Thực hiện Kế hoạch tổ chức Đại hội chi bộ trực thuộc Đảng bộ, nhiệm kỳ 2020 -2022 và Đại hội Đảng bộ Trường Chính trị tỉnh lần thứ VIII, nhiệm kỳ 2020 - 2025, từ ngày 20 – 29/02/2020, các Chi bộ khoa, phòng đã tổ chức thành công Đại hội Chi bộ nhiệm kỳ 2020 – 2022.

Các chi bộ đã chuẩn bị nội dung Đại hội nghiêm túc, công phu, đúng theo hướng dẫn của Ban Thường vụ Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh và của Đảng bộ Nhà trường. Theo đó, dự thảo báo cáo của các chi bộ khoa, phòng đã đánh giá toàn diện những kết quả đạt được trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ nhiệm kỳ

2017 - 2020, đồng thời chỉ ra những mặt còn hạn chế cần khắc phục để rút ra những bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện Nghị quyết của Chi bộ.

Đại hội các chi bộ đã thảo luận và thông qua phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu nhằm thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu mà Đại hội Chi bộ nhiệm kỳ 2020 - 2022 đã đề ra. Theo đó, các ý kiến thảo luận của các chi bộ tập trung ở một số vấn đề: Chi bộ cần lãnh đạo tốt việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên; nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học, nghiên cứu thực tế và tổng kết các vấn đề thực tiễn tại địa phương; lãnh đạo việc xây dựng hình ảnh, tác phong người cán bộ, giảng viên Trường Đảng trong thời kỳ hội nhập và đổi mới nhằm hướng đến nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, xây dựng Đảng bộ Nhà trường vững mạnh, góp phần xây dựng Thanh Hóa trở thành tỉnh khá của cả nước và thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2030.

Với tinh thần dân chủ, trách nhiệm, Đại hội các chi bộ đã xem xét lựa chọn những đảng viên tiêu biểu, có phẩm chất chính trị vững vàng, có trình độ chuyên môn cao để bầu vào Ban chấp hành các chi bộ nhiệm kỳ 2020 - 2022.

Đại hội các chi bộ đã thành công tốt đẹp. Theo đó, toàn thể đảng viên các chi bộ nhất trí thông qua Nghị quyết và chương trình hành động, quyết tâm hoàn thành các nhiệm vụ chính trị mà Nghị quyết Đại hội đã đề ra trong nhiệm kỳ 2020 - 2022./.

Ban Biên soạn

